

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

KHOA CÔNG NGHỆ PHẦN MỀM



**ĐỒ ÁN MÔN ĐỒ ÁN 1**

**Đề tài:**

**HỆ THỐNG QUẢN LÝ GIAO HÀNG NHANH**

Giảng viên hướng dẫn: Ths. Trần Anh Dũng

Ths. Phan Trung Hiếu

Sinh viên thực hiện: Huỳnh Long Pháp 18521226

Nguyễn Văn Hoài Nam 18521129

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 6 năm 2021*

## **NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN**

## LỜI CẢM ƠN

Lời đầu tiên em xin chân thành gửi lời cảm ơn đến thầy - Ths Trần Anh Dũng đã truyền đạt kiến thức và giúp đỡ chúng em trong quá trình thực hiện những biểu đồ và giải đáp thắc mắc về đồ án. Qua đó chúng em có đủ kiến thức để hoàn thành đồ án.

Đồng thời nhóm em cũng muốn gửi lời cảm ơn đến các anh chị khóa trên, đặc biệt là những anh chị trong khoa đã chia sẻ những kinh nghiệm quý báu về môn học cũng như những kiến thức liên quan. Cũng xin cảm ơn bạn bè đã tạo điều kiện thuận, mọi người đã đưa ra nhận xét và góp ý chân thành, vô cùng quý giá. Những người đã động viên, hỗ trợ nhóm hoàn thành đề tài.

Dù đã cố gắng hoàn thành đề tài trong phạm vi và khả năng cho phép nhưng chắc chắn sẽ không tránh khỏi những thiếu sót. Chúng em rất mong nhận được sự thông cảm, góp ý và tận tình chỉ bảo từ Thầy nhằm hoàn thiện những kiến thức mà nhóm chúng em đã học tập và là hành trang để nhóm chúng em thực hiện tiếp các đề tài khác trong tương lai.

Chúng em xin chân thành cảm ơn.

**Nhóm thực hiện**

## Mục lục

Chương 1 : Giới Thiệu Đề Tài.....	6
1.    Đề tài .....	6
1.    Khảo sát hiện trạng .....	7
1.1.    Phương pháp lựa chọn khảo sát.....	7
1.2.    Hiện trạng nghiệp vụ .....	7
1.3.    Hiện trạng tổ chức .....	25
2.    Xác định yêu cầu.....	27
2.1.    Danh sách các yêu cầu.....	27
2.2.    Danh sách các biểu mẫu và qui định .....	28
Chương 2: Phân tích .....	36
1.    Sơ đồ UseCase .....	36
1.1.    Use case Quản lý .....	36
1.2.    Use case Cửa hàng.....	37
1.3.    Use case Nhân viên vận chuyển .....	37
2.    Đặc tả Use case .....	38
2.1.    Danh sách các Actor.....	38
2.2.    Danh sách các Use case.....	38
Chương 3: Thiết kế .....	65
1.    Thiết kế dữ liệu .....	65
1.1.    Sơ đồ lớp.....	65
1.2.    Sơ đồ cơ sở dữ liệu .....	87
2.    Thiết kế giao diện.....	100
2.1.    Sơ đồ liên kết màn hình.....	100
2.2.    Mô tả các đối tượng trên màn hình .....	102
3.    Thiết kế kiến trúc .....	162
3.1.    Công nghệ sử dụng .....	162

3.2. Mô hình kiến trúc hệ thống .....	162
Chương 4: Kết luận.....	163
1. Kết quả đạt được .....	163
1.1. Công nghệ.....	163
1.2. Sản phẩm .....	163
2. Những hạn chế và khó khăn.....	163
3. Hướng phát triển .....	164
Chương 5: Tài liệu tham khảo .....	165

# Chương 1 : Giới Thiệu Đề Tài

## 1. Đề tài

Công việc kinh doanh mua bán hàng hóa đã xuất hiện từ xưa đến nay, ở mỗi giai đoạn nó mang một hình thức, đặc thù riêng. Việc kinh doanh mua bán hàng hóa ban đầu được thực hiện theo phương thức giao dịch trực tiếp. Từ khi khoa học công nghệ phát triển đã tạo ra hình thức mua bán mới, điển hình là mua bán trực tuyến.

Nhận thấy nhu cầu về tốc độ giao hàng nhanh chóng và kịp thời của người tiêu dùng là chính đáng. Hàng loạt các công ty công nghệ dịch vụ vận chuyển logistic xuất hiện ngày một nhiều đáp ứng nhu cầu giao hàng cũng như nâng cao công nghệ để gia tăng trải nghiệm của khách hàng.

Theo khảo sát của Hiệp hội TMĐT, hiện nay, Việt Nam có hơn 50 đơn vị giao hàng nhanh với quy mô lớn nhỏ. Con số này tăng 10 lần trong 5 năm vừa qua. Năm 2019 chứng kiến sự phát triển mạnh mẽ của một số doanh nghiệp khởi nghiệp logistics như: Ninja Van, Ahamove, J&T Express, GrabExpress kết hợp với các sàn TMĐT khiến cho việc giao hàng được thực hiện nhanh chóng và nhận được phản hồi tích cực từ người mua hàng.

Chính vì sự phát triển mạnh mẽ của các đơn vị giao hàng, do đó nhóm đã quyết định chọn đề tài “Hệ thống quản lý giao hàng nhanh” nhằm phục vụ cho nhu cầu quản lý cũng vận chuyển đơn vận của doanh nghiệp.

# 1. Khảo sát hiện trạng

## 1.1. Phương pháp lựa chọn khảo sát

✚ **Phương pháp tham khảo tài liệu:** Nhóm thực hiện thu nhận các thông tin tổng quát về cấu trúc tổ chức, cơ chế hoạt động, qui trình vận hành thông tin trong hệ thống.

## 1.2. Hiện trạng nghiệp vụ

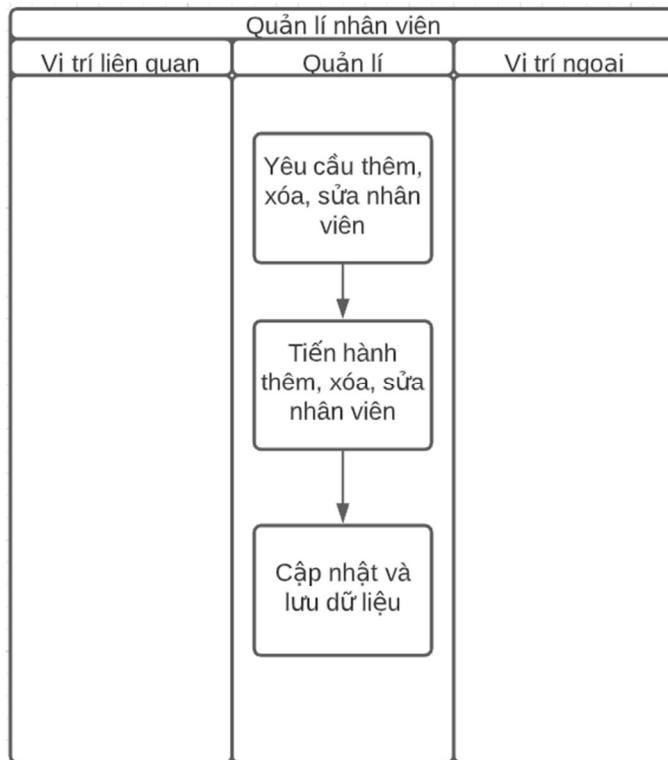
### 1.2.1. Quản lý

✚ **Quản lý nhân viên**

❖ **Mô tả**

- **Tình huống:** Quản lý muốn thêm, xóa, sửa thông tin nhân viên
- **Thực hiện:** Quản lý tiến hành thực hiện thay đổi trên trong phần mềm

❖ **Sơ đồ hiện trạng**



### ❖ Bảng mô tả công việc

STT	Mô tả công việc	Điều kiện khởi động	Vị trí làm việc	Tần suất	Thời lượng
1	Yêu cầu thêm, xóa, sửa thông tin nhân viên	Quản lý muốn thêm, xóa, sửa thông tin nhân viên	Quản lý		5 phút
2	Tiến hành thêm, xóa, sửa thông tin nhân viên	Đã đăng nhập phần mềm ứng dụng giao hàng	Quản lý		5 phút
3	Cập nhật và lưu trữ dữ liệu	Sau khi đã thay đổi thành công	Quản lý		5 phút

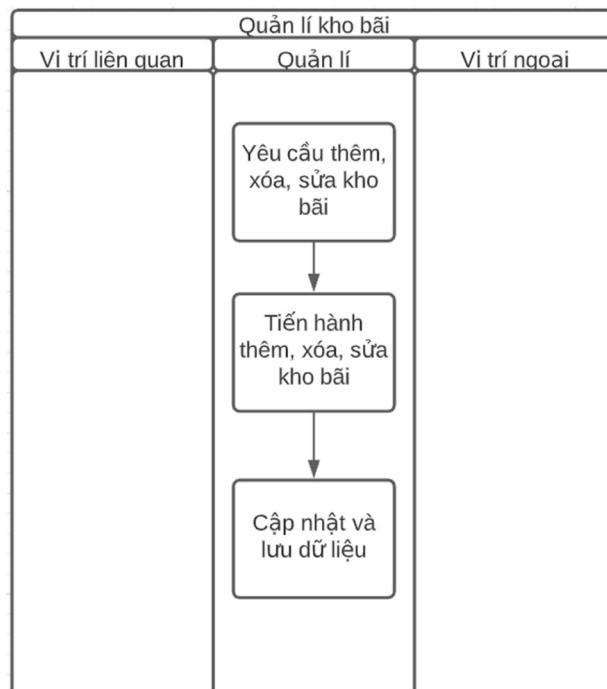


### Quản lý kho bãi.

#### ○ Mô tả

- Tình huống: Quản lý muốn thêm xóa sửa thông tin kho bãi.
- Thực hiện: Nhập đầy đủ thông tin kho bãi tiến hành lưu thông tin đã nhập vào cơ sở dữ liệu.

### ❖ Sơ đồ hiện trạng



**❖ Bảng mô tả công việc**

STT	Mô tả công việc	Điều kiện khởi động	Vị trí làm việc	Tần suất	Thời lượng
1	Yêu cầu thêm, xóa, sửa thông tin kho bãi	Quản lý muốn thêm, xóa, sửa thông tin kho bãi	Quản lý		5 phút
2	Tiến hành thêm, xóa, sửa thông tin kho bãi	Đã đăng nhập phần mềm ứng dụng giao hàng	Quản lý		5 phút
3	Cập nhật và lưu trữ dữ liệu	Sau khi đã thay đổi thành công	Quản lý		5 phút

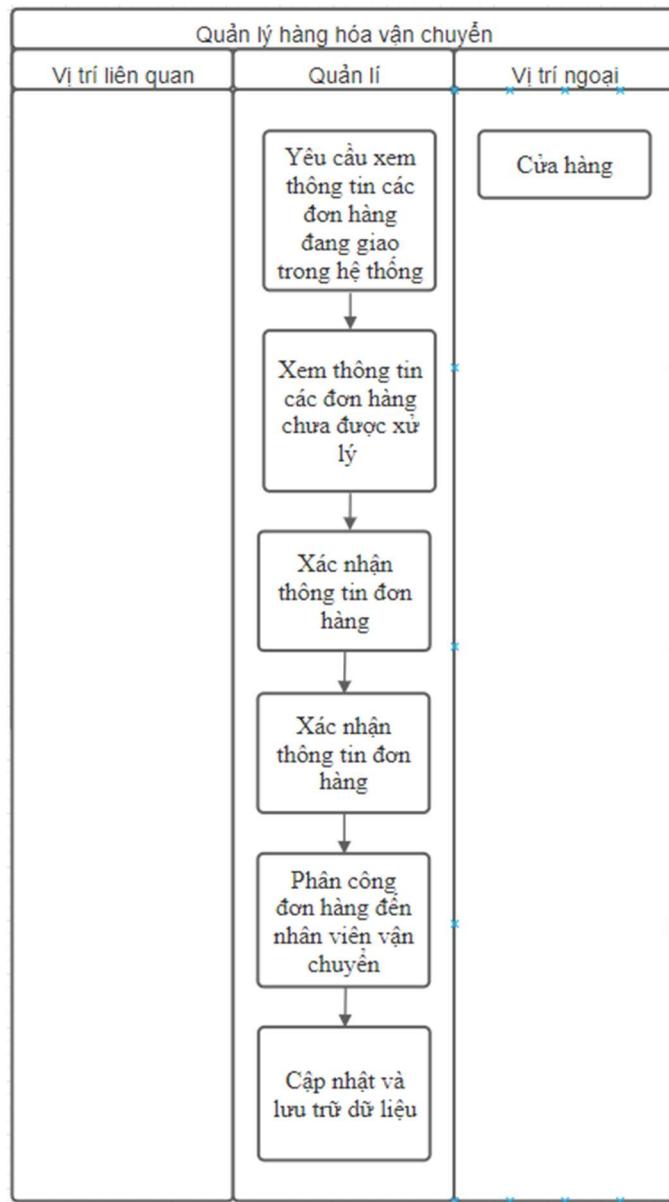


**Quản lý hàng hóa vận chuyển.**

**❖ Mô tả**

- Tình huống:
  - Quản lý muốn xem thông tin hàng hóa vận chuyển
  - Xác nhận đơn hàng sau đó phân công đơn hàng đến nhân viên vận chuyển
- Thực hiện: Xem thông tin các đơn hàng trong quá trình giao nhận. Đối với những đơn hàng mới đăng từ cửa hàng, quản lý xác nhận thông tin đơn hàng, tiến hành phân công nhân viên giao thực hiện giao hàng. Sau đó lưu lại vào cơ sở dữ liệu.

## ❖ Sơ đồ hiện trạng



**❖ Bảng mô tả công việc**

STT	Mô tả công việc	Điều kiện khởi động	Vị trí làm việc	Tần suất	Thời lượng
1	Yêu cầu xem thông tin các đơn hàng đang giao trong hệ thống	Quản lý muốn xem thông tin các đơn hàng đang giao trong hệ thống	Quản lý		2 phút
2	Xem thông tin các đơn hàng chưa được xử lý	Đã đăng nhập ứng dụng giao hàng	Quản lý		2 phút
3	Xác nhận thông tin đơn hàng	Sau khi chọn đơn hàng cần xử lý	Quản lý		5 phút
4	Phân công đơn hàng đến nhân viên vận chuyển	Sau khi xác nhận đơn hàng	Quản lý		2 phút
5	Cập nhật và lưu trữ dữ liệu	Sau khi đã phân công đơn hàng đến nhân viên vận chuyển	Quản lý		1 phút

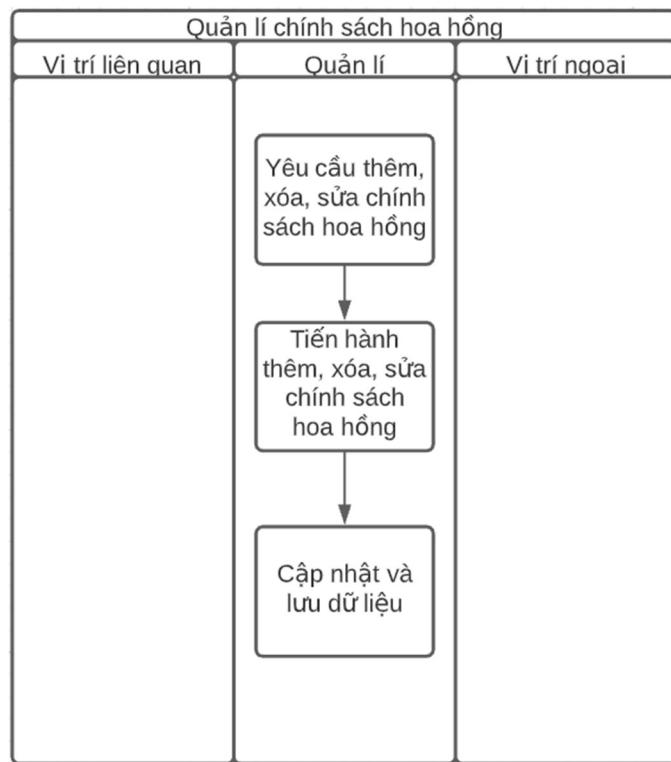


**Quản lý chính sách hoa hồng.**

**❖ Mô tả**

- Tình huống: Quản lý muốn thêm, xóa, sửa thông tin chính sách hoa hồng.
- Thực hiện: Nhập đầy đủ thông tin chính sách hoa hồng, cập nhật thông tin đã nhập vào cơ sở dữ liệu.

## ❖ Sơ đồ hiện trạng



**❖ Bảng mô tả công việc**

STT	Mô tả công việc	Điều kiện khởi động	Vị trí làm việc	Tần suất	Thời lượng
1	Yêu cầu thêm, xóa, sửa thông tin chính sách hoa hồng	Quản lý muốn thêm, xóa, sửa thông tin chính sách hoa hồng	Quản lý		5 phút
2	Tiến hành thêm, xóa, sửa thông tin chính sách hoa hồng	Đã đăng nhập phần mềm ứng dụng giao hàng	Quản lý		5 phút
3	Cập nhật và lưu trữ dữ liệu	Sau khi đã thay đổi thành công	Quản lý		5 phút

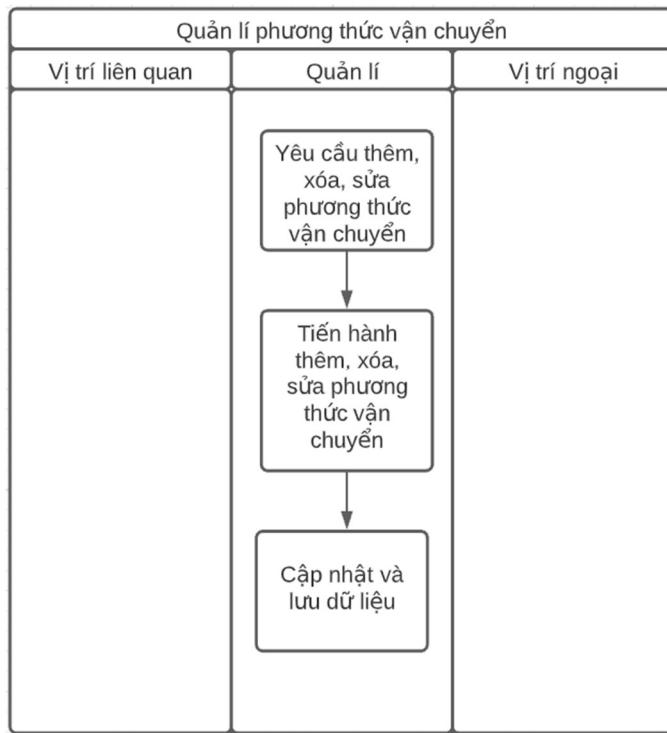


**Quản lý phương thức vận chuyển.**

**❖ Mô tả**

- Tình huống: Quản lý muốn thêm, xóa, sửa thông tin phương thức vận chuyển
- Thực hiện: Nhập đầy đủ thông tin phương thức vận chuyển và giá tiền của phương thức, cập nhật thông tin đã nhập vào cơ sở dữ liệu.

## ❖ Sơ đồ hiện trạng



**❖ Bảng mô tả công việc**

STT	Mô tả công việc	Điều kiện khởi động	Vị trí làm việc	Tần suất	Thời lượng
1	Yêu cầu thêm, xóa, sửa thông tin phương thức vận chuyển	Quản lý muốn thêm, xóa, sửa thông tin phương thức vận chuyển	Quản lý		3phút
2	Tiến hành thêm, xóa, sửa thông tin phương thức vận chuyển	Đã đăng nhập phần mềm ứng dụng giao hàng	Quản lý		3phút
3	Cập nhật và lưu trữ dữ liệu	Sau khi đã thay đổi thành công	Quản lý		3phút

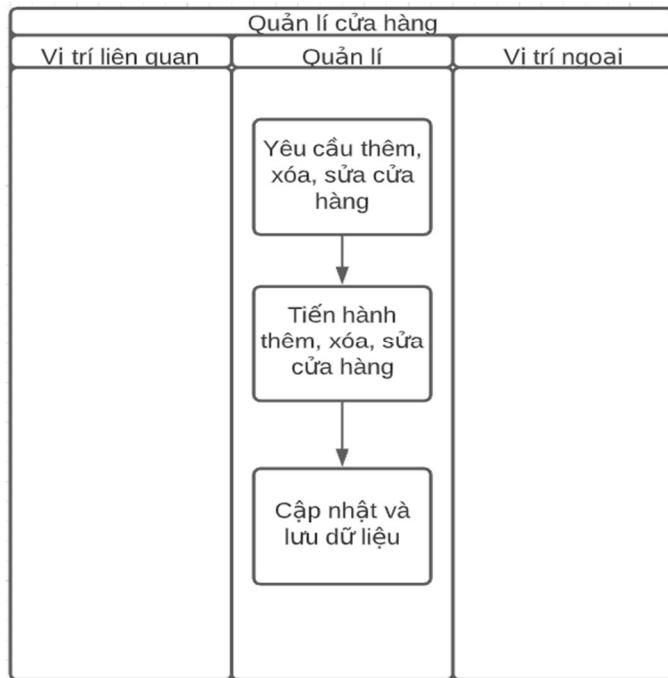


**Quản lý cửa hàng**

**❖ Mô tả**

- Tình huống: Quản lý muốn thêm, xóa, sửa thông tin cửa hàng.
- Thực hiện: Nhập đầy đủ thông tin cửa hàng, cập nhật thông tin đã nhập vào cơ sở dữ liệu.

## ❖ Sơ đồ hiện trạng



## ❖ Bảng mô tả công việc

STT	Mô tả công việc	Điều kiện khởi động	Vị trí làm việc	Tần suất	Thời lượng
1	Yêu cầu thêm, xóa, sửa thông tin cửa hàng	Quản lý muốn thêm, xóa, sửa thông tin cửa hàng	Quản lý		5 phút
2	Tiến hành thêm, xóa, sửa thông tin cửa hàng	Đã đăng nhập phần mềm ứng dụng giao hàng	Quản lý		5 phút
3	Cập nhật và lưu trữ dữ liệu	Sau khi đã thay đổi thành công	Quản lý		5 phút

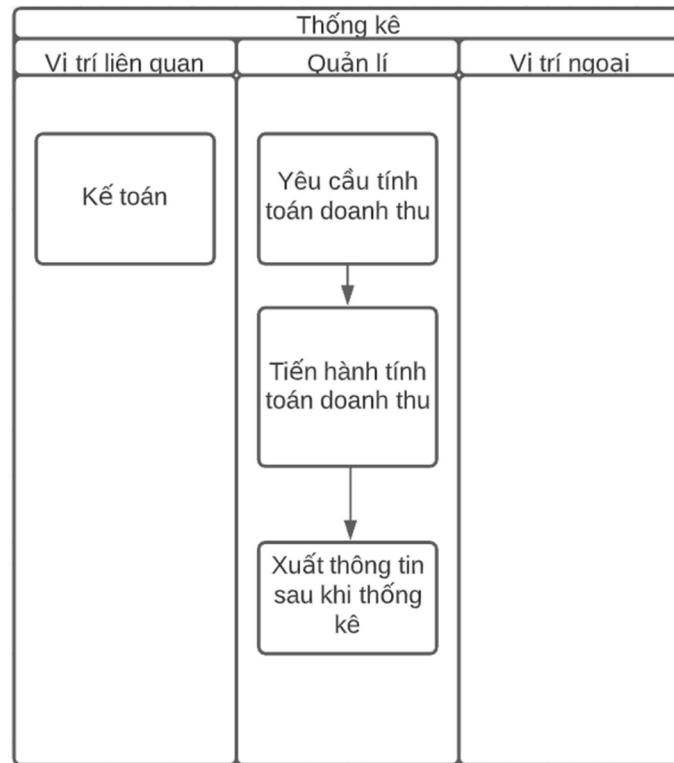


## Thống kê

### ❖ Mô tả

- Tình huống: Lập thống kê báo cáo doanh thu trong việc giao hàng của công ty.
- Thực hiện: Thống kê số lượng đơn vận (thành công, thất bại), số lượng cửa hàng, số lượng nhân viên dựa trên thông tin được lưu trữ trong CSDL.

### ❖ Sơ đồ hiện trạng



**❖ Bảng mô tả công việc**

STT	Mô tả công việc	Điều kiện khởi động	Vị trí làm việc	Tần suất	Thời lượng
1	Yêu cầu tính toán doanh thu của công ty	Kết toán yêu cầu tính toán doanh thu của công ty	Quản lý		5 phút
2	Tiến hành tính toán doanh thu của công ty	Đã đăng nhập phần mềm ứng dụng giao hàng	Quản lý		5 phút
3	Xuất thông tin Sau khi thống kê	Sau khi thống kê thành công	Quản lý		5 phút

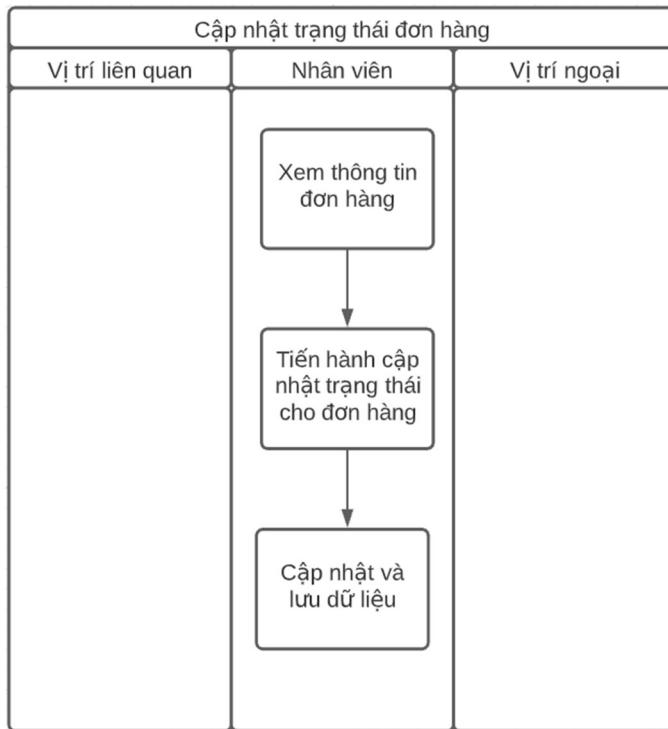
### 1.2.2. Nhân viên giao hàng

 **Cập nhật trạng thái đơn hàng**

**❖ Mô tả**

- Tình huống: Theo thông tin đơn hàng mà quản lý đã phân cho nhân viên, nhân viên đến lấy đơn hàng và tiến hành đi giao kèm theo cập nhật lần lượt các trạng thái cho đơn hàng.
- Thực hiện: Truy cập vào hệ thống và cập nhật trạng thái đơn hàng.

## ❖ Sơ đồ hiện trạng



## ❖ Bảng mô tả công việc

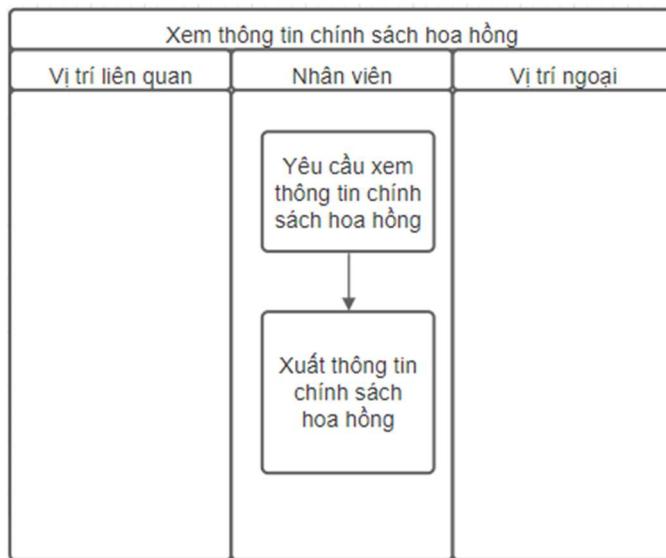
STT	Mô tả công việc	Điều kiện khởi động	Vị trí làm việc	Tần suất	Thời lượng
1	Xem danh sách đơn hàng	Nhân viên muốn cập nhật trạng thái mới cho đơn hàng	Nhân viên		5 phút
2	Tiến hành xem và cập nhật trạng thái cho đơn hàng	Đã đăng nhập phần mềm ứng dụng giao hàng	Nhân viên		5 phút
3	Cập nhật và lưu trữ trạng thái đơn hàng	Sau khi xác nhận thành công	Nhân viên		5 phút

## Xem thông tin chính sách hoa hồng

### ❖ Mô tả

- Tình huống: Nhân viên giao hàng muốn xem thông tin chính sách hoa hồng.
- Thực hiện: Sau khi chính sách hoa hồng dành riêng cho nhân viên đã cập nhật trên hệ thống, nhân viên tiến hành xem thông tin chính sách hoa hồng.

### ❖ Sơ đồ hiện trạng



### ❖ Bảng mô tả công việc

STT	Mô tả công việc	Điều kiện khởi động	Vị trí làm việc	Tần suất	Thời lượng
1	Yêu cầu xem thông tin chính sách hoa hồng	Nhân viên giao hàng muốn xem thông tin chính sách hoa hồng	Nhân viên		5 phút
2	Xuất thông tin chính sách hoa hồng	Đã đăng nhập phần mềm ứng dụng giao hàng và phần mềm đã cập nhật dữ liệu	Nhân viên		5 phút

### 1.2.3. Cửa hàng

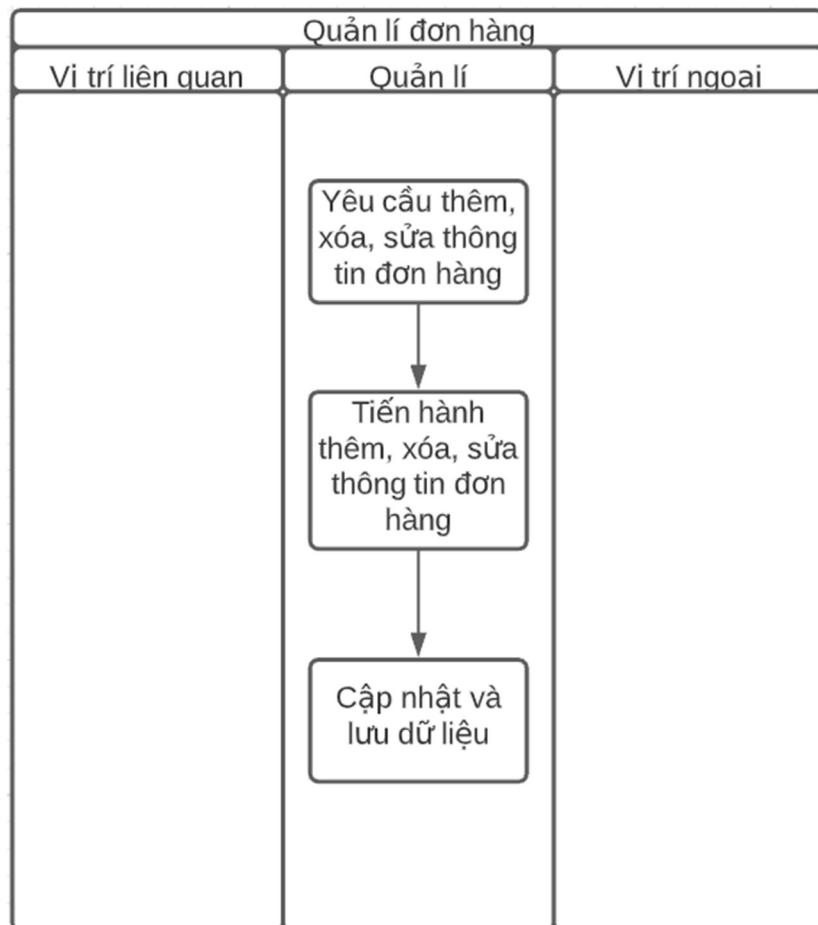


#### Quản lý đơn hàng

##### ❖ Mô tả

- Tình huống: Cửa hàng muốn vận chuyển hàng hóa do đó cửa hàng thêm đơn hàng vào hệ thống hoặc cửa hàng muốn chỉnh sửa thông tin đơn hàng hoặc xóa đơn hàng mà nhân viên chưa đến nhận giao.
- Thực hiện: Nhập đầy đủ thông tin địa chỉ giao hàng và nhận hàng, cập nhật thông tin đã nhập vào cơ sở dữ liệu.

##### ❖ Sơ đồ hiện trạng



**❖ Bảng mô tả công việc**

STT	Mô tả công việc	Điều kiện khởi động	Vị trí làm việc	Tần suất	Thời lượng
1	Yêu cầu thêm xóa sửa thông tin đơn hàng	Cửa hàng muốn thêm, xóa, sửa thông tin đơn hàng	Quản lý		5 phút
2	Tiến hành thêm xóa sửa thông tin đơn hàng	Đã đăng nhập phần mềm ứng dụng giao hàng	Quản lý		5 phút
3	Cập nhật và lưu trữ dữ liệu	Sau khi thay đổi thành công	Quản lý		5 phút

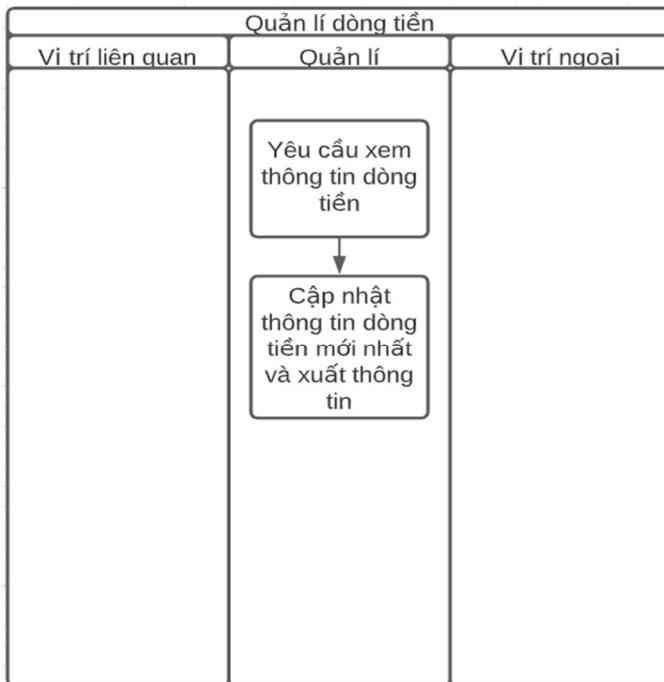


**Quản lý dòng tiền.**

**❖ Mô tả**

- Tình huống: Khách hàng muốn số xem tiền hàng được nhân viên thu hộ và các chi phí phụ thu, số dư hiện tại.
- Thực hiện: Thực hiện xem thông tin được nhân viên thu hộ và các chi phí phụ thu, số dư hiện tại.

## ❖ Sơ đồ hiện trạng



## ❖ Bảng mô tả công việc

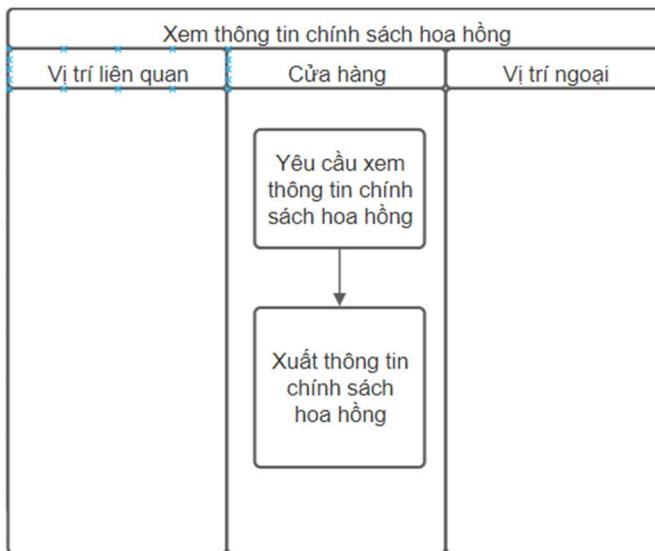
STT	Mô tả công việc	Điều kiện khởi động	Vị trí làm việc	Tần suất	Thời lượng
1	Yêu cầu xem thông tin dòng tiền	Chủ cửa hàng muốn xem thông tin dòng tiền	Chủ cửa hàng		5 phút
2	Cập nhật thông tin dòng tiền mới nhất và xuất thông tin	Đã đăng nhập phần mềm ứng dụng giao hàng và phần mềm đã cập nhật dữ liệu	Chủ cửa hàng		5 phút

## Xem thông tin chính sách hoa hồng

### ❖ Mô tả

- Tình huống: Chủ cửa hàng muốn xem thông tin chính sách hoa hồng.
- Thực hiện: Sau khi chính sách hoa hồng dành riêng cho chủ cửa hàng đã cập nhật trên hệ thống chủ cửa hàng tiến hành xem thông tin chính sách hoa hồng.

### ❖ Sơ đồ hiện trạng

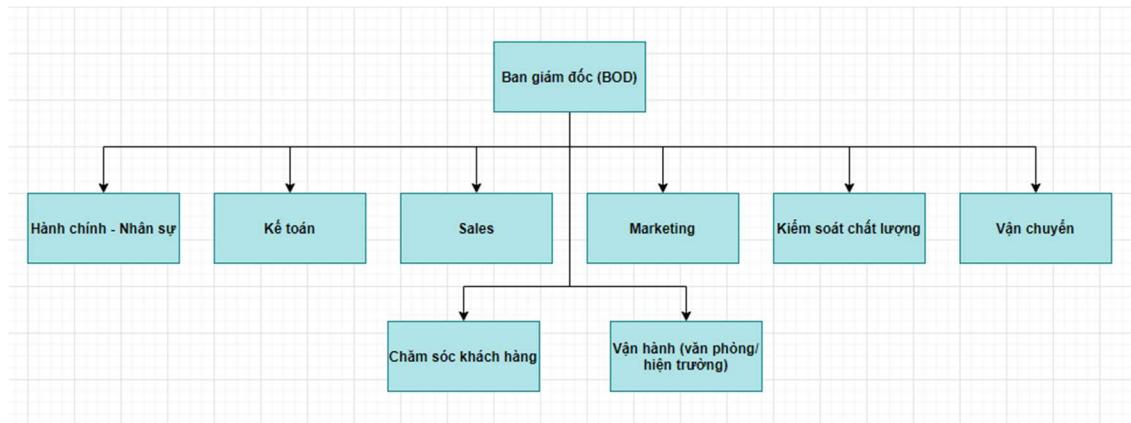


### ❖ Bảng mô tả công việc

STT	Mô tả công việc	Điều kiện khởi động	Vị trí làm việc	Tần suất	Thời lượng
1	Yêu cầu xem thông tin chính sách hoa hồng	Nhân viên giao hàng muốn xem thông tin chính sách hoa hồng	Chủ cửa hàng		5 phút
2	Xuất thông tin chính sách hoa hồng	Đã đăng nhập phần mềm ứng dụng giao hàng và phần mềm đã cập nhật dữ liệu	Chủ cửa hàng		5 phút

### 1.3. Hiện trạng tổ chức

- ❖ Sau khi nghiên cứu tài liệu về hệ thống thông tin, nhóm tổng hợp kết quả khảo sát ta có được mô hình tổ chức của công ty vận chuyển.



#### ❖ Mô tả

-Hành chính - Nhân sự: Tham mưu cho lãnh đạo về tổ chức bộ máy điều hành công ty, quản lý nhân sự, chế độ chính sách và quy chế của công ty.

-Kế toán: Phụ trách vấn đề quản lý tài chính trong công ty và tổ chức kế toán.

-Marketing: Thường có ở những công ty Startup hoặc chưa có danh tiếng trên thị trường. Chịu trách nhiệm quảng cáo cho dịch vụ tạo Lead cho Sale và phát triển thương hiệu của công ty.

-Sales: Tìm kiếm và làm việc với tệp khách hàng B2B và B2C để bàn giao thông tin vận chuyển đến các bộ phận liên quan. Đối với những công ty nhỏ, nguồn khách hàng chủ yếu đến từ mối quan hệ nên sẽ không đầy mạnh bộ phận này.

-Vận hành:

Office

+ Chuẩn bị các thông tin của khách hàng, hàng hóa để có thể giao và nhận hàng một cách nhanh chóng.

+ Đi theo tài xế, đảm bảo quá trình vận chuyển không bị gián đoạn, kiểm tra chất lượng hàng khi giao đến nơi quy định.

-Chăm sóc khách hàng: Tiếp nhận và xử lý những phản hồi từ khách hàng, đề xuất các chương trình dành cho khách hàng thân thiết.

-Kiểm soát chất lượng: Kiểm tra các thông tin liên quan đến Khách hàng, Tài xế, Đơn hàng đảm bảo các bộ phận thực hiện đúng trách nhiệm cam kết

-Vận chuyển: Vận chuyển theo đơn hàng đến cho khách hàng đúng thời gian quy định

## 2. Xác định yêu cầu

### 2.1. Danh sách các yêu cầu

STT	Tên yêu cầu	Biểu mẫu	Quy định	Ghi chú
<b>Dành cho quản lý</b>				
1	Thêm nhân viên	BM1	QĐ1	
2	Lập danh mục kho bãi	BM2	QĐ2	
3	Lập danh mục hàng hóa vận chuyển	BM3		
4	Xử lý đơn hàng			
5	Thay đổi bảng giá giao hàng	BM4	QĐ4	
6	Lập danh mục cửa hàng	BM5	QĐ5	
7	Lập phiếu nhập kho	BM6	QĐ6	
8	Lập phiếu xuất kho	BM7	QĐ7	
9	Lập doanh mục chính sách hoa hồng cho nhân viên	BM8	QĐ8	
10	Lập doanh mục chính sách hoa hồng cho cửa hàng	BM9	QĐ9	
11	Thông kê	BM11		
<b>Dành cho cửa hàng</b>				
12	Đăng ký cửa hàng	BM12	QĐ12	
13	Lập phiếu giao hàng	BM13	QĐ13	
14	Theo dõi đơn hàng	BM14		
15	Quản lý dòng tiền	BM15		
16	Xem thông tin chính sách hoa hồng đang thụ hưởng	BM16		
<b>Dành cho nhân viên vận chuyển</b>				
17	Cập nhật trạng thái đơn hàng	BM17	QĐ17	
18	Xem thông tin chính sách hoa hồng	BM18		

## 2.2. Danh sách các biểu mẫu và qui định

### 2.2.1. Biểu mẫu 1 và qui định 1



#### Biểu mẫu 1

BM1	Thêm nhân viên	
MãNV:.....	Số CMND:.....	Lương thực nhận:.....
Họ và tên:.....	Số điện thoại:.....	
Giới tính:.....	Email:.....	
Ngày sinh:.....	Địa chỉ:.....	
Loại nhân viên:.....	Lương CB:.....	



#### Qui định 1

**QĐ1:** - Có 2 loại nhân viên (nhân viên quản lý, nhân viên vận chuyển)  
- Mỗi nhân viên có một tài khoản để đăng nhập phần mềm

### 2.2.2. Biểu mẫu 2 và qui định 2



#### Biểu mẫu 2

BM2	Lập danh mục kho bãi		
STT	Mã kho bãi	Tên kho bãi	Địa chỉ
1	KB001	Kho luân chuyển Thủ Đức	336 Võ Văn Ngân, Bình Thạnh, Thủ Đức,
2	KB002	Kho luân chuyển Quận 7	323 Huỳnh Tấn Phát, Tân Thuận Đông, Quận 7



#### Qui định 2

**QĐ2:** Kho bãi trực thuộc 12 quận trong thành phố, mỗi quận bao gồm nhiều phường/xã

### 2.2.3. Biểu mẫu 3 và qui định 3



#### Biểu mẫu 3

BM3		Lập danh mục đơn hàng vận chuyển				
STT	Mã đơn hàng	Trạng thái hiện tại	SĐT người gửi	SĐT người nhận	Địa chỉ nhận hàng	
1	ĐH001	Đang giao	0352796298	0376612123	Xã Xuân Thới Thượng, Huyện Hóc Môn, Tp. HCM	
2	ĐH002	Đã giao	0351123123	0341231233	Khu phố 6, phường Linh Trung, quận Thủ Đức	

## 2.2.4. Biểu mẫu 4 và qui định 4



### Biểu mẫu 4

BM4		Thay đổi bảng giá giao hàng	
Vị trí	Phương thức	Giao hàng tiêu chuẩn	Giao hàng nhanh
Trong quận		20.000/3kg	23.000/3kg
Khác quận		30.000/3kg	33.000/3kg
0.5kg tiếp theo		+2.000	+3.0000



### Qui định 4

- QĐ4:**
- Với từng khoảng cách giao hàng cùng với phương thức giao khác nhau cước phí giao hàng sẽ thay đổi tương ứng.
  - Có 2 loại dịch vụ giao hàng (giao hàng nhanh, giao hàng tiêu chuẩn)
  - Có 2 khoảng cách giao hàng (trong quận, khác quận)

## 2.2.5. Biểu mẫu 5 và qui định 5



### Biểu mẫu 5

BM5		Lập doanh mục cửa hàng				
STT	Mã cửa hàng	Tên cửa hàng	SĐT liên hệ	Ngân hàng	STK	Địa chỉ cửa hàng
1	CH001	KD House	0376612123	AriBank	000001123123	1 Hưng Phú phường 8 quận 8, TP HCM
2	CH002	Toy Shop	0341231233	ACB	000001123123	2 Nguyễn Gia Trí quận Bình Thạnh TP HCM



### Qui định 5

- QĐ5:** 1 cửa hàng chỉ được chọn 1 ngân hàng và 1 địa chỉ nhận hàng.

## 2.2.6. Biểu mẫu 6 và qui định 6



### Biểu mẫu 6

BM6		Lập phiếu nhập kho				
Họ tên NV : ..... Ngày nhập kho: ..... Họ tên NV giao: ....  Mã kho : ..... Địa chỉ : .....  STT      Mã Đơn Hàng      Địa chỉ nhận      Địa chỉ giao hàng      SĐT liên hệ shop      Phương thức giao      SĐT người nhận						
1	ĐH001	KD House	1 Hưng Phú phường 8 quận 8, TP HCM	0367065301	Tiêu chuẩn	0367023103
2	ĐH002	Toy Shop	2 Nguyễn Gia Trí quận Bình Thạnh TP HCM	0367065301	Nhanh	0367023106



### Qui định 6

**QĐ6:** Mỗi phiếu nhập phải có 1 hoặc nhiều đơn hàng

## 2.2.7. Biểu mẫu 7 và qui định 7



### Biểu mẫu 7

BM7		Lập phiếu xuất kho				
Họ tên NV : ..... Ngày xuất kho: ..... Họ tên NV nhận: ....  Mã kho : ..... Địa chỉ : .....  STT      Mã Đơn Hàng      Địa chỉ nhận      Địa chỉ giao hàng      SĐT liên hệ      Phương thức giao      SĐT người nhận						
1	ĐH001	KD House	1 Hưng Phú phường 8 quận 8, TP HCM	0367065301	Tiêu chuẩn	0367023103
2	ĐH002	Toy Shop	2 Nguyễn Gia Trí quận Bình Thạnh TP HCM	0367065301	Nhanh	0367023106



## Qui định 7

QĐ7: Mỗi phiếu xuất phải có 1 hoặc nhiều đơn hàng

### 2.2.8. Biểu mẫu 8 và qui định 8



#### Biểu mẫu 8

BM8		Lập doanh mục chính sách hoa hồng cho nhân viên		
STT	Tên chính sách	Đơn hàng giao/tháng	Hoa hồng(%)	Ghi chú
1	<50	<50	2	Hoa hồng 2%, 70% lương cơ bản
2	50<100	50<100	5	Hoa hồng 5%, 70% lương cơ bản



## Qui định 8

QĐ8: Mỗi tháng phải giao thành công trên 40 đơn hàng và là nhân viên của công ty trên 3 tháng.

### 2.2.9. Biểu mẫu 9 và qui định 9



#### Biểu mẫu 9

BM9		Lập doanh mục chính sách hoa hồng cho cửa hàng		
STT	Tên chính sách	Đơn hàng giao /tháng	Hoa hồng(%)	Ghi chú
1	<50	<70	3	Hoa hồng 3%
2	50<100	70<100	7	Hoa hồng 7%



## Qui định 9

QĐ9: Mỗi tháng phải giao ít nhất 50 đơn hàng và tài khoản của cửa hàng.

## 2.2.10. Biểu mẫu 10 và qui định 10



### Biểu mẫu 10

BM10		Thống kê				
Từ ngày:.....		Đến ngày:.....				
Tháng	Tổng doanh thu	Lợi nhuận	Tổng chi	Tổng số đơn giao	Số đơn giao thành công	Số đơn giao thất bại
1	50000000	30000000	20000000	200	180	20

## 2.2.11. Biểu mẫu 11 và qui định 11



### Biểu mẫu 11

BM11		Thống kê				
Từ ngày:.....		Đến ngày:.....				
Tháng	Tổng doanh thu	Lợi nhuận	Tổng chi	Tổng số đơn giao	Số đơn giao thành công	Số đơn giao thất bại
1	50000000	30000000	20000000	200	180	20

## 2.2.12. Biểu mẫu 12 và qui định 12



### Biểu mẫu 12

BM12		Đăng ký cửa hàng	
Mã cửa hàng:.....		Tên tài khoản ngân hàng:.....	
Tên cửa hàng:.....		Số tài khoản:.....	
Số điện thoại:.....		Tên ngân hàng:.....	
Email:.....		Chi nhánh:.....	
Địa chỉ:.....			



### Qui định 12

<b>QĐ12:</b> - Có nhiều ngân hàng trong hệ thống. - Mỗi cửa hàng chỉ có một tài khoản ngân hàng và một địa chỉ cửa hàng tương ứng
--

## 2.2.13. Biểu mẫu 13 và qui định 13



### Biểu mẫu 13

BM13	Lập phiếu giao hàng	
Mã ĐH:.....	Mã cửa hàng:.....	
<b>Người gửi *</b>		<b>Người nhận*</b>
Tên:.....	Tên:.....	
SĐT:.....	SĐT:.....	
Email:.....	Email:.....	
Địa chỉ:.....	Địa chỉ:.....	
Tên gói hàng:.....	Cân nặng:.....	Phụ phí:.....
Tiền COD:.....	Nội dung:.....	Tổng phí giao hàng:.....



### Qui định 13

QĐ13: - Cước phí giao hàng tương ứng theo cân nặng, vị trí giao nhận

## 2.2.14. Biểu mẫu 14 và qui định 14



### Biểu mẫu 14

BM14	Theo dõi đơn hàng	
Mã NV Giao hàng:.....	Mã đơn hàng:.....	
STT	Trạng thái	Thời gian cập nhật
01	Giao thành công	2021/6/21 10:56:50
01	Đang giao	2021/6/20 10:10:45

## 2.2.15. Biểu mẫu 15 và qui định 15



### Biểu mẫu 15

BM15	Quản lý dòng tiền	
Từ ngày:.....	Đến ngày:.....	
<b>Đang giao*</b>		
Tiền CoD :.....	Phụ phí :.....	Phí hoàn hàng :.....
Khuyến mãi :.....	Phí lưu kho :.....	
Phí giao hàng :.....	Phí thay đổi địa chỉ giao :.....	
<b>Đã giao*</b>		
Tiền CoD :.....	Phụ phí :.....	Phí hoàn hàng :.....
Khuyến mãi :.....	Phí lưu kho :.....	
Phí giao hàng :.....	Phí thay đổi địa chỉ giao :.....	

## 2.2.16. Biểu mẫu 16 và qui định 16



### Biểu mẫu 16

BM16	Xem thông tin chính sách hoa hồng cửa hàng đang thụ hưởng
Tên chính sách:.....	
Đơn hàng giao / tháng:.....	
Ghi chú:.....	
Hoa hồng:.....	

## 2.2.17. Biểu mẫu 17 và qui định 17



### Biểu mẫu 17

BM17	Cập nhật tình trạng đơn hàng
Mã NV:.....	Thời gian cập nhật:.....
Mã đơn hàng:.....	Trạng thái:.....



## Qui định 17

**QĐ17:** - Đơn hàng cần cập nhật theo trạng thái có sẵn của hệ thống, trường hợp khác trả về mặc định là chưa xử lý.

### 2.2.18. Biểu mẫu 18 và qui định 18



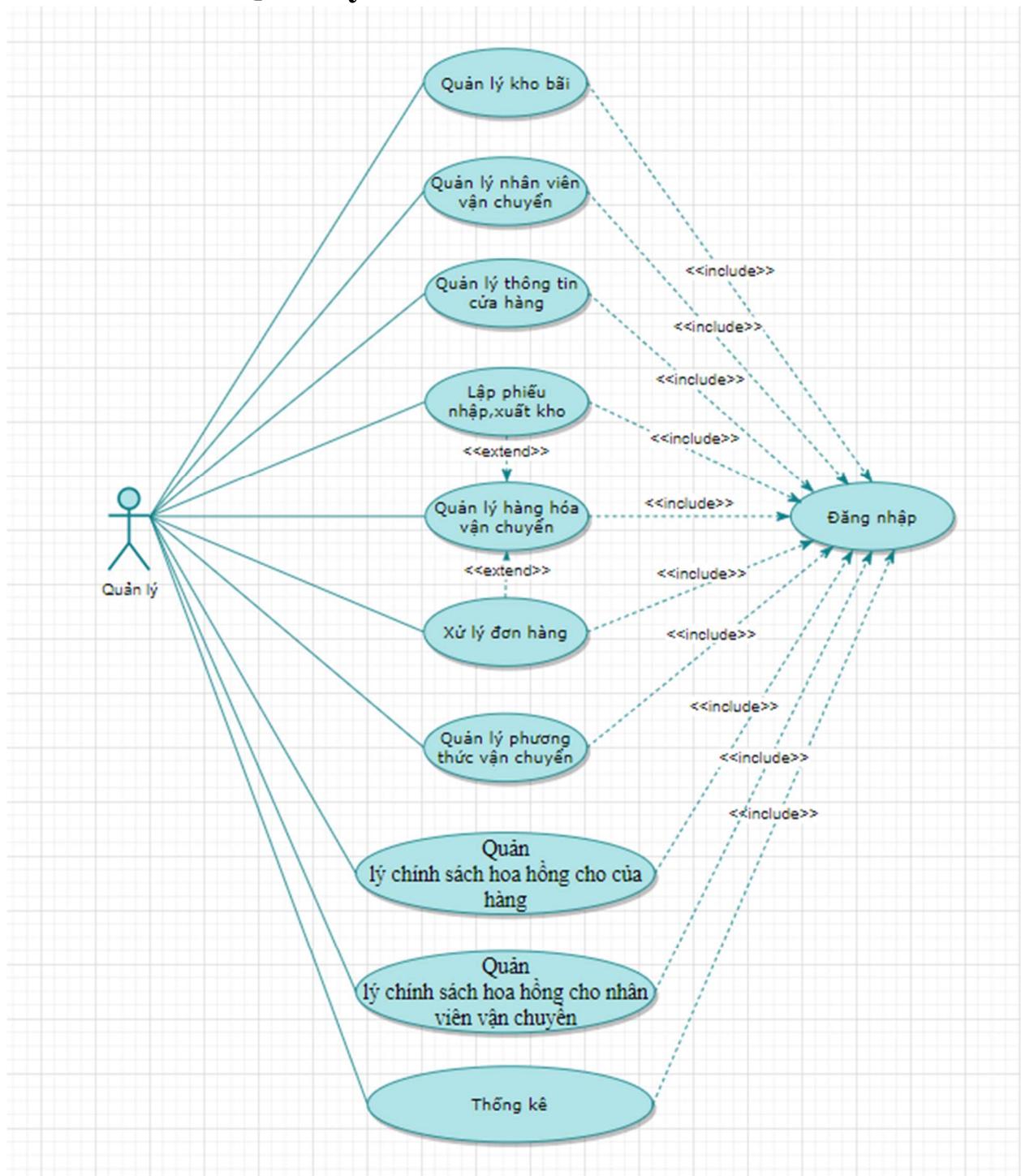
#### Biểu mẫu 18

BM18	Xem thông tin chính sách hoa hồng nhân viên đang thụ hưởng
	Tên chính sách:.....
	Đơn hàng giao / tháng:.....
	Ghi chú:.....
	Hoa hồng:.....

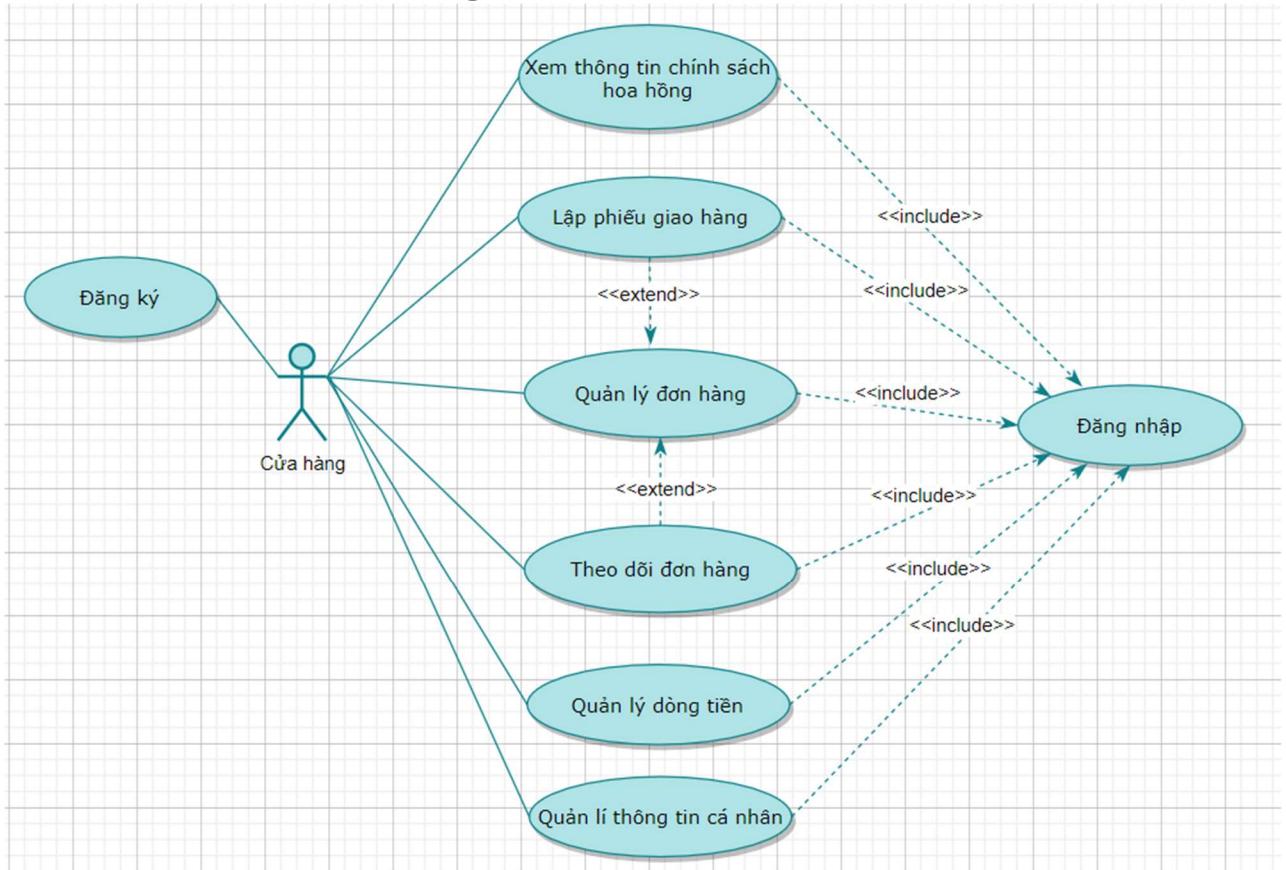
# Chương 2: Phân tích

## 1. Sơ đồ UseCase

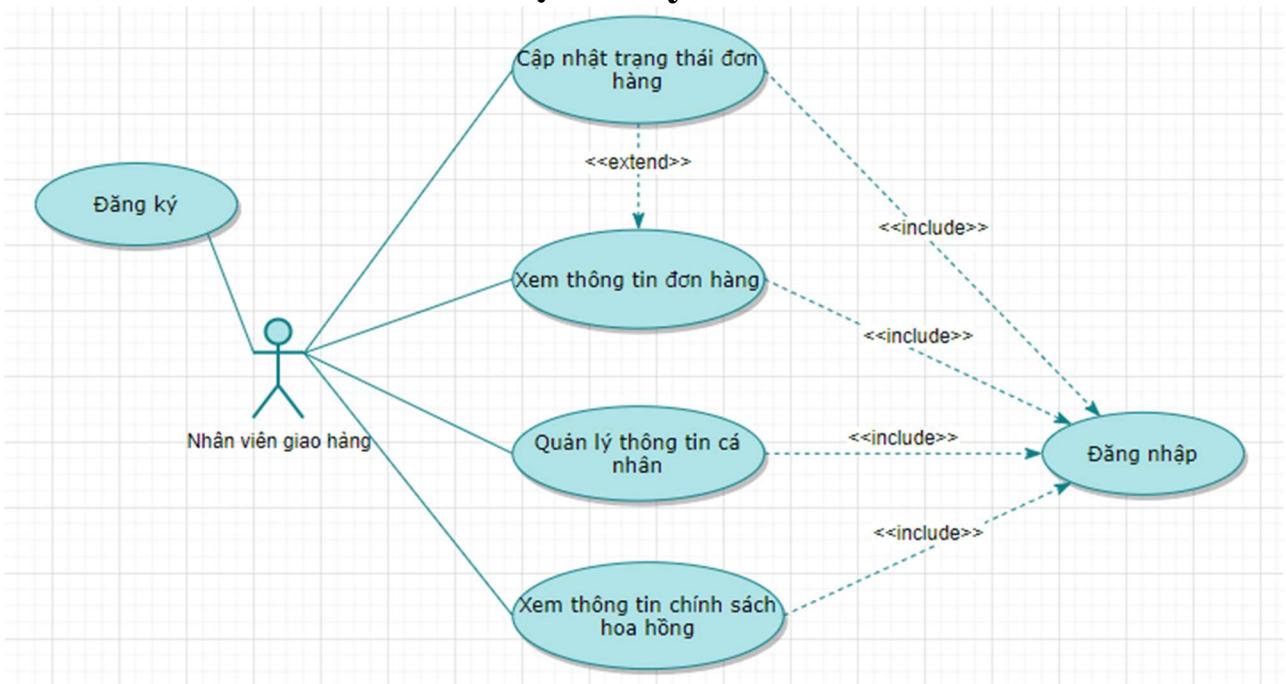
### 1.1. Use case Quản lý



## 1.2. Use case Cửa hàng



## 1.3. Use case Nhân viên vận chuyển



## 2. Đặc tả Use case

### 2.1. Danh sách các Actor

STT	Tên Actor	Ý nghĩa/Ghi chú
1	Quản lý	Người quản lý của công ty vận chuyển, thực hiện quản lý các hoạt động của quá trình giao nhận hàng hóa
2	Cửa hàng	Người đứng đầu cửa hàng, bên khách hàng sử dụng dịch vụ giao hàng
3	Người giao hàng	Nhân viên của công ty giao hàng, thực hiện giao hàng đến người nhận

### 2.2. Danh sách các Use case

#### 2.2.1. Use case quản lý

##### Đăng nhập

STT	1
Tên use case	Đăng nhập
Mục đích	Đăng nhập vào ứng dụng Fast Delivery Manager để thao tác với các chức năng chính của phần mềm
Người dùng	Quản lý
Điều kiện kích hoạt	1. Người dùng vào ứng dụng Fast Delivery Manager 2. Vào trang đăng nhập
Điều kiện trước	Không.
Điều kiện sau	1. Người dùng đăng nhập thành công. 2. Hệ thống tiến hành lấy thông tin người dùng.
Luồng sự kiện chính	1. Người dùng truy cập vào ứng dụng Fast Delivery Manager. 2. Người dùng chọn mở trang đăng nhập. 3. Hiển thị trang đăng nhập yêu cầu người dùng điền email và mật khẩu 4. Người dùng nhập email và mật khẩu 5. Hệ thống xác thực thông tin tài khoản và cho phép người dùng truy cập vào ứng dụng. 6. Hệ thống tiến hành lấy thông tin của người dùng và chuyển hướng màn hình vào màn hình chính của ứng dụng.

Luồng sự kiện phụ	Không
Các ngoại lệ	1. Hệ thống xác thực thông tin đăng nhập thất bại và hiện thông báo 2. Người dùng chọn lệnh hủy đăng nhập, use case dừng lại.
Kích hoạt sự kiện khác	Không

## Quản lý kho bãi

STT	2
Tên use case	Quản lý kho bãi
Mục đích	Quản lý thông tin các kho bãi mà hệ thống đang có.
Người dùng	Quản lý
Điều kiện kích hoạt	Người dùng mở ứng dụng Fast Delivery Manager và chọn mục More sau đó tiếp chọn mục quản lý kho bãi.
Điều kiện trước	Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống.
Điều kiện sau	Hệ thống tiến hành lấy thông tin danh sách các kho bãi hiện đang có
Luồng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Người dùng khởi động ứng dụng.</li> <li>2. Người dùng đăng nhập vào ứng dụng</li> <li>3. Người dùng đăng nhập thành công vào ứng dụng</li> <li>4. Người dùng chọn mục More tiếp đó chọn mục quản lý kho bãi.</li> <li>5. Hệ thống lấy thông tin danh sách các kho bãi đang có và hiển thị.</li> <li>6. Người dùng chọn kho bãi muốn chỉnh sửa và tiến hành chỉnh sửa, xóa khỏi danh sách.</li> <li>7. Người dùng chỉnh sửa, xóa kho bãi xong, hệ thống tiến hành xác nhận lưu trữ và quay về màn hình chính.</li> </ol>
Luồng sự kiện phụ	1.Không
Các ngoại lệ	<ol style="list-style-type: none"> <li>1.Hệ thống không lấy được thông tin kho bãi người dùng muốn chỉnh sửa.</li> <li>2.Hệ thống lưu thông tin sau khi chỉnh sửa không thành công.</li> </ol>
Kích hoạt sự kiện khác	Không

## Quản lý nhân viên vận chuyển

STT	3
Tên use case	Quản lý nhân viên vận chuyển
Mục đích	Quản lý thông tin các nhân viên vận chuyển mà hệ thống đang có.
Người dùng	Quản lý
Điều kiện kích hoạt	Người dùng mở ứng dụng Fast Delivery Manager và chọn mục More sau đó tiếp chọn mục quản lý nhân viên vận chuyển.
Điều kiện trước	Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống.
Điều kiện sau	Hệ thống tiến hành lấy thông tin danh sách các nhân viên hiện đang làm việc cho hệ thống
Luồng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> <li>Người dùng khởi động ứng dụng.</li> <li>Người dùng đăng nhập vào ứng dụng</li> <li>Người dùng đăng nhập thành công vào ứng dụng</li> <li>Người dùng chọn mục More tiếp đó chọn mục quản lý nhân viên vận chuyển.</li> <li>Hệ thống lấy thông tin danh sách các nhân viên vận chuyển đang có và hiển thị.</li> <li>Người dùng chọn nhân viên vận chuyển muốn chỉnh sửa và tiến hành chỉnh sửa, xóa khỏi danh sách hoặc thêm nhân viên chỉnh sửa</li> <li>Người dùng chỉnh sửa, xóa, thêm nhân viên vận chuyển xong, hệ thống tiến hành xác nhận lưu trữ và quay về màn hình chính.</li> </ol>
Luồng sự kiện phụ	1.Không
Các ngoại lệ	<ol style="list-style-type: none"> <li>Hệ thống không lấy được thông tin nhân viên vận chuyển người dùng muốn chỉnh sửa.</li> <li>Hệ thống lưu thông tin sau khi chỉnh sửa, thêm không thành công.</li> </ol>
Kích hoạt sự kiện khác	Không

## Quản lý thông tin cửa hàng

STT	4
Tên use case	Quản lý cửa hàng
Mục đích	Quản lý thông tin các cửa hàng mà hệ thống đang có.
Người dùng	Quản lý
Điều kiện kích hoạt	Người dùng mở ứng dụng Fast Delivery Manager và chọn mục More sau đó tiếp chọn mục quản lý cửa hàng.
Điều kiện trước	Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống.
Điều kiện sau	Hệ thống tiến hành lấy thông tin danh sách các cửa hàng hiện đang hợp tác với hệ thống
Luồng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Người dùng khởi động ứng dụng.</li> <li>2. Người dùng đăng nhập vào ứng dụng</li> <li>3. Người dùng đăng nhập thành công vào ứng dụng</li> <li>4. Người dùng chọn mục More tiếp đó chọn mục quản lý cửa hàng.</li> <li>5. Hệ thống lấy thông tin danh sách các cửa hàng đang có và hiển thị.</li> <li>6. Người dùng chọn cửa hàng muốn chỉnh sửa và tiến hành chỉnh sửa, xóa khỏi danh sách hoặc thêm cửa hàng.</li> <li>7. Người dùng chỉnh sửa, xóa, thêm cửa hàng xong, hệ thống tiến hành xác nhận lưu trữ và quay về màn hình chính.</li> </ol>
Luồng sự kiện phụ	1.Không
Các ngoại lệ	<ol style="list-style-type: none"> <li>1.Hệ thống không lấy được thông tin cửa hàng người dùng muốn chỉnh sửa.</li> <li>2.Hệ thống lưu thông tin sau khi chỉnh sửa, thêm không thành công.</li> </ol>
Kích hoạt sự kiện khác	Không

## Lập phiếu nhập kho

STT	5
Tên use case	Lập phiếu nhập kho
Mục đích	Lập phiếu nhập kho cho đơn hàng cần vận chuyển.
Người dùng	Quản lý
Điều kiện kích hoạt	Người dùng mở ứng dụng Fast Delivery Manager và chọn mục More sau đó tiếp chọn mục lập phiếu nhập kho.
Điều kiện trước	Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống.
Điều kiện sau	Lập thành công phiếu nhập kho.
Luồng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Người dùng khởi động ứng dụng.</li> <li>2. Người dùng đăng nhập vào ứng dụng</li> <li>3. Người dùng đăng nhập thành công vào ứng dụng</li> <li>4. Người dùng chọn mục More tiếp đó chọn mục lập phiếu nhập kho.</li> <li>5. Hệ thống lấy thông tin danh sách kho bãi đang có và chọn kho bãi muốn nhập hàng hóa.</li> <li>6. Người dùng nhập thông tin hàng hóa vào phiếu nhập.</li> <li>7. Hệ thống hỏi xác nhận lần cuối sau đó tiến hành tạo phiếu nhập và lưu trữ vào hệ thống.</li> </ol>
Luồng sự kiện phụ	1.Không
Các ngoại lệ	<ol style="list-style-type: none"> <li>1.Hệ thống không lấy được thông tin kho bãi người dùng muốn nhập.</li> <li>2.Hệ thống tạo phiếu nhập không thành công.</li> </ol>
Kích hoạt sự kiện khác	Không

## Lập phiếu xuất kho

STT	6
Tên use case	Lập phiếu xuất kho
Mục đích	Lập phiếu xuất kho cho đơn hàng cần vận chuyển.
Người dùng	Quản lý
Điều kiện kích hoạt	Người dùng mở ứng dụng Fast Delivery Manager và chọn mục More sau đó tiếp chọn mục lập phiếu xuất kho.
Điều kiện trước	Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống.
Điều kiện sau	Lập thành công phiếu xuất kho.
Luồng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Người dùng khởi động ứng dụng.</li> <li>2. Người dùng đăng nhập vào ứng dụng</li> <li>3. Người dùng đăng nhập thành công vào ứng dụng</li> <li>4. Người dùng chọn mục More tiếp đó chọn mục lập phiếu xuất kho.</li> <li>5. Hệ thống lấy thông tin danh sách kho bãi đang có và chọn kho bãi muốn xuất hàng hóa.</li> <li>6. Người dùng chọn hàng hóa từ danh sách hàng hóa đang có trong kho.</li> <li>7. Hệ thống hỏi xác nhận lần cuối sau đó tiến hành tạo phiếu xuất và lưu trữ vào hệ thống đồng thời xóa thông tin hàng hóa khỏi danh sách hàng hóa đang có trong kho.</li> </ol>
Luồng sự kiện phụ	1.Không
Các ngoại lệ	<ol style="list-style-type: none"> <li>1.Hệ thống không lấy được thông tin kho bãi người dùng muốn xuất.</li> <li>2.Hệ thống tạo phiếu xuất không thành công.</li> <li>3.Thông tin hàng hóa người dùng cần xuất không tìm thấy.</li> </ol>
Kích hoạt sự kiện khác	Không



## Quản lý hàng hóa vận chuyển

STT	7
Tên use case	Quản lý hàng hóa vận chuyển
Mục đích	Quản lý thông tin hàng hóa vận chuyển mà hệ thống đang vận chuyển.
Người dùng	Quản lý
Điều kiện kích hoạt	Người dùng mở ứng dụng Fast Delivery Manager và chọn mục danh sách đơn hàng vận chuyển(màn hình chính)
Điều kiện trước	Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống.
Điều kiện sau	Hệ thống tiến hành lấy thông tin danh sách các đơn hàng hiện đang có trên hệ thống.
Luồng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> <li>Người dùng khởi động ứng dụng.</li> <li>Người dùng đăng nhập vào ứng dụng</li> <li>Người dùng đăng nhập thành công vào ứng dụng</li> <li>Người dùng chọn mục danh sách đơn hàng vận chuyển.</li> <li>Hệ thống lấy thông tin danh sách các đơn hàng đang có và hiển thị.</li> <li>Người dùng chọn đơn hàng muốn chỉnh sửa và tiến hành chỉnh sửa, xóa khỏi danh sách.</li> <li>Người dùng chỉnh sửa, xóa xong, hệ thống tiến hành xác nhận lưu trữ và quay về màn hình chính.</li> </ol>
Luồng sự kiện phụ	1.Không
Các ngoại lệ	<ol style="list-style-type: none"> <li>Hệ thống không lấy được thông tin đơn hàng, hàng hóa vận chuyển người dùng muốn chỉnh sửa.</li> <li>Hệ thống lưu thông tin sau khi chỉnh sửa không thành công.</li> </ol>
Kích hoạt sự kiện khác	Không

## Xử lý đơn hàng

STT	8
Tên use case	Xử lý đơn hàng
Mục đích	Xác thực thông tin đơn hàng, tiến hành phân công các đơn hàng chưa được xử lý đến nhân viên vận chuyển
Người dùng	Quản lý
Điều kiện kích hoạt	Người dùng mở ứng dụng Fast Delivery Manager và chọn vào đơn hàng cần được xử lý.
Điều kiện trước	Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống.
Điều kiện sau	Hệ thống tiến hành lưu thông tin xử lý đơn hàng, cập nhật chi tiết phân công đơn hàng đến nhân viên vận chuyển
Luồng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Người dùng truy cập vào ứng dụng Fast Delivery Manager.</li> <li>2. Người dùng mở trang đăng nhập tiến hành đăng nhập vào hệ thống.</li> <li>3. Sau khi đăng nhập thành công hệ thống chuyển về màn hình danh sách đơn hàng.</li> <li>4. Người dùng chọn trang danh sách đơn hàng cần được xử lý</li> <li>5. Người dùng chọn đơn hàng cần xử lý</li> <li>6. Hệ thống lấy thông tin đơn hàng hiển thị chi tiết lên màn hình xử lý đơn hàng.</li> <li>7. Người dùng chọn nhân viên sẽ được nhận nhiệm vụ phụ trách giao đơn hàng này.</li> <li>8. Người dùng nhấn phân công để cập nhật dữ liệu vào cơ sở dữ liệu</li> <li>9. Người dùng chọn tạo mới trạng thái</li> <li>10. Hệ thống cập nhật dữ liệu mà quản lý gởi, chuyển về màn hình danh sách đơn hàng cần xử lý.</li> </ol>
Luồng sự kiện phụ	Không
Các ngoại lệ	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Hệ thống không có đơn hàng nào cần xử lý</li> <li>2. Hệ thống không xác định được danh sách nhân viên giao hàng</li> <li>3. Không phân công được đơn hàng đến người nhận và hiển thị thông tin ra màn hình</li> </ol>
Kích hoạt sự kiện khác	Không

## Quản lý phương thức vận chuyển

STT	9
Tên use case	Quản lý phương thức vận chuyển
Mục đích	Xem thông tin phương thức vận chuyển.
Người dùng	Quản lý
Điều kiện kích hoạt	Người dùng mở ứng dụng Fast Delivery Manager và chọn mục More sau đó tiếp chọn mục quản lý phương thức vận chuyển.
Điều kiện trước	Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống.
Điều kiện sau	Hệ thống tiến hành lấy thông tin danh sách phương thức vận chuyển đang có trong hệ thống
Luồng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Người dùng khởi động ứng dụng Fast Delivery Manager.</li> <li>2. Người dùng đăng nhập vào ứng dụng</li> <li>3. Người dùng đăng nhập thành công vào ứng dụng</li> <li>4. Người dùng chọn mục More tiếp đó chọn mục quản lý phương thức vận chuyển</li> <li>5. Hệ thống lấy thông tin danh sách các phương thức vận chuyển hiện có và hiển thị</li> </ol>
Luồng sự kiện phụ	1. Không
Các ngoại lệ	1. Hệ thống không lấy được thông tin phương thức vận chuyển
Kích hoạt sự kiện khác	Không



## Quản lý chính sách hoa hồng cho cửa hàng

STT	10
Tên use case	Quản lý chính sách hoa hồng cho cửa hàng
Mục đích	Quản lý thông tin các chính sách hoa hồng dành cho cửa hàng.
Người dùng	Quản lý
Điều kiện kích hoạt	Người dùng mở ứng dụng Fast Delivery Manager và chọn mục More sau đó tiếp chọn mục quản lý chính sách hoa hồng, tiếp tục chọn trang store (chính sách hoa hồng dành cho cửa hàng).
Điều kiện trước	Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống.
Điều kiện sau	Hệ thống tiến hành lấy thông tin chính sách hoa hồng hiện đang có trong hệ thống.
Luồng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Người dùng khởi động ứng dụng Fast Delivery Manager.</li> <li>2. Người dùng đăng nhập vào ứng dụng Fast Delivery Manager.</li> <li>3. Người dùng đăng nhập thành công vào ứng dụng</li> <li>4. Người dùng chọn mục More tiếp đó chọn quản lý chính sách hoa hồng sau đó chọn trang store (chính sách hoa hồng dành cho cửa hàng)</li> <li>5. Hệ thống lấy thông tin danh sách các chính sách hoa hồng dành cho cửa hàng hiện có và hiển thị</li> <li>6. Người dùng chọn chính sách hoa hồng xem, xóa, sửa chính sách hoa hồng hoặc thêm chính sách hoa hồng vào hệ thống.</li> <li>7. Người dùng chỉnh sửa, xóa, thêm chính sách hoa hồng xong, hệ thống tiến hành xác nhận lưu trữ và quay về màn hình chính.</li> </ol>
Luồng sự kiện phụ	1.Không
Các ngoại lệ	<ol style="list-style-type: none"> <li>1.Hệ thống không lấy được thông tin chính sách hoa hồng.</li> <li>2.Hệ thống lưu thông tin sau khi xóa, chỉnh sửa, thêm không thành công.</li> </ol>
Kích hoạt sự kiện khác	Không



## Quản lý chính sách hoa hồng cho nhân viên vận chuyển

STT	11
Tên use case	Quản lý chính sách hoa hồng cho nhân viên vận chuyển
Mục đích	Quản lý thông tin các chính sách hoa hồng dành cho cửa hàng.
Người dùng	Quản lý
Điều kiện kích hoạt	Người dùng mở ứng dụng Fast Delivery Manager và chọn mục More sau đó tiếp chọn mục quản lý chính sách hoa hồng, tiếp tục chọn trang store (chính sách hoa hồng dành cho cửa hàng).
Điều kiện trước	Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống.
Điều kiện sau	Hệ thống tiến hành lấy thông tin chính sách hoa hồng hiện đang có trong hệ thống.
Luồng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Người dùng khởi động ứng dụng Fast Delivery Manager.</li> <li>2. Người dùng đăng nhập vào ứng dụng Fast Delivery Manager.</li> <li>3. Người dùng đăng nhập thành công vào ứng dụng</li> <li>4. Người dùng chọn mục More tiếp đó chọn quản lý chính sách hoa hồng sau đó chọn trang store (chính sách hoa hồng dành cho cửa hàng)</li> <li>5. Hệ thống lấy thông tin danh sách các chính sách hoa hồng dành cho cửa hàng hiện có và hiển thị</li> <li>6. Người dùng chọn chính sách hoa hồng xem, xóa, sửa chính sách hoa hồng hoặc thêm chính sách hoa hồng vào hệ thống.</li> <li>7. Người dùng chỉnh sửa, xóa, thêm chính sách hoa hồng xong, hệ thống tiến hành xác nhận lưu trữ và quay về màn hình chính.</li> </ol>
Luồng sự kiện phụ	1.Không
Các ngoại lệ	<ol style="list-style-type: none"> <li>1.Hệ thống không lấy được thông tin chính sách hoa hồng.</li> <li>2.Hệ thống lưu thông tin sau khi xóa, chỉnh sửa, thêm không thành công.</li> </ol>
Kích hoạt sự kiện khác	Không

## **Thống kê**

STT	12
Tên use case	Thống kê
Mục đích	Thống kê doanh thu, số đơn giao thành công, đơn giao thất bại..
Người dùng	Quản lý
Điều kiện kích hoạt	Người dùng mở ứng dụng Fast Delivery Manager và chọn vào mục thống kê
Điều kiện trước	Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống.
Điều kiện sau	Không có
Luồng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"><li>Người dùng khởi động ứng dụng Fast Delivery Manager.</li><li>Người dùng đăng nhập vào ứng dụng Fast Delivery Manager.</li><li>Người dùng đăng nhập thành công vào ứng dụng</li><li>Người dùng chọn mục màn hình thống kê</li><li>Hệ thống tiến hành thống kê và hiển thị</li></ol>
Luồng sự kiện phụ	1.Không
Các ngoại lệ	1.Hệ thống không lấy được thông tin thống kê
Kích hoạt sự kiện khác	Không

### **2.2.1. Use case cửa hàng**

#### **Đăng ký**

STT	01
Tên use case	Đăng ký
Mục đích	Tạo tài khoản mới trên hệ thống để cửa hàng có thể sử dụng dịch vụ giao hàng.
Người dùng	Cửa hàng
Điều kiện kích hoạt	Người dùng mở ứng dụng Fast Delivery Store
Điều kiện trước	Không

Điều kiện sau	Thông tin đăng nhập không được trùng với tài khoản đã có trong hệ thống. Người dùng tạo tài khoản thành công. Đăng nhập vào ứng dụng.
Luồng sự kiện chính	3. Người dùng khởi động ứng dụng. 4. Người dùng chọn vào mục đăng ký tài khoản mới. 5. Hiển thị màn hình điền thông tin tài khoản  6. Người dùng nhập thông tin tài khoản.  7. Hệ thống kiểm tra thông tin và tiến hành lưu trữ thông tin  8. Quay lại màn hình đăng nhập để người dùng đăng nhập vào ứng dụng.
Luồng sự kiện phụ	1.Không
Các ngoại lệ	1. Hệ thống xác thực thông tin đăng nhập đã tồn tại, hiển thị thông báo và quay về màn hình đăng nhập. 2.Người dùng chọn quay lại, dừng đăng ký tài khoản mới.
Kích hoạt sự kiện khác	Không

## Đăng nhập

STT	02
Tên use case	Đăng nhập
Mục đích	Đăng nhập vào hệ thống để tiến hành quản lý và vận chuyển đơn hàng, quản lý thông tin cá nhân.
Người dùng	Cửa hàng
Điều kiện kích hoạt	Người dùng mở ứng dụng Fast Delivery Store
Điều kiện trước	Không
Điều kiện sau	Người dùng đăng nhập thành công. Hệ thống tiến hành lấy thông tin của người dùng.
Luồng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> <li>Người dùng khởi động ứng dụng.</li> <li>Người dùng chọn vào mục đăng nhập tài khoản.</li> <li>Hiển thị màn hình điền thông tin tài khoản</li> <li>Người dùng nhập thông tin tài khoản.</li> <li>Hệ thống xác thực thông tin tài khoản và cho phép người dùng truy cập vào ứng dụng.</li> <li>Hệ thống tiến hành lấy thông tin của người dùng và chuyển hướng màn hình vào màn hình chính của ứng dụng.</li> </ol>
Luồng sự kiện phụ	1. Không
Các ngoại lệ	<ol style="list-style-type: none"> <li>Hệ thống xác thực thông tin đăng nhập sai, hiển thị thông báo và quay về màn hình đăng nhập.</li> <li>Người dùng chọn quay lại, dừng đăng nhập tài khoản.</li> </ol>
Kích hoạt sự kiện khác	Không

 **Xem thông tin chính sách hoa hồng**

STT	03
Tên use case	Xem thông tin chính sách hoa hồng
Mục đích	Xem thông tin các chính sách hoa hồng hiện có và chính sách hoa hồng mà cửa hàng đang thụ hưởng.
Người dùng	Cửa hàng
Điều kiện kích hoạt	Người dùng mở ứng dụng Fast Delivery Store và chọn mục xem thông tin chính sách hoa hồng.
Điều kiện trước	Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống.
Điều kiện sau	Hệ thống tiến hành lấy thông tin các chính sách hoa hồng thành công và hiển thị.
Luồng sự kiện chính	<ul style="list-style-type: none"> <li>3. Người dùng khởi động ứng dụng.</li> <li>4. Người dùng đăng nhập vào ứng dụng</li> <li>5. Người dùng đăng nhập thành công vào ứng dụng</li> <li>6. Người dùng chọn mục xem thông tin chính sách hoa hồng.</li> <li>7. Hệ thống lấy thông tin chính sách hoa hồng hiện có và chính sách hoa hồng cửa hàng người dùng đang thụ hưởng hiển thị.</li> </ul>
Luồng sự kiện phụ	1. Không
Các ngoại lệ	1. Hệ thống không lấy được thông tin các chính sách hoa hồng hiện có hoặc thông tin chính sách cửa hàng đang thụ hưởng.
Kích hoạt sự kiện khác	Không

## Lập phiếu giao hàng

STT	04
Tên use case	Lập phiếu giao hàng
Mục đích	Lập phiếu giao hàng và gửi lên hệ thống để tiến hành giao hàng.
Người dùng	Cửa hàng
Điều kiện kích hoạt	Người dùng mở ứng dụng Fast Delivery Store và chọn mục tạo phiếu giao hàng
Điều kiện trước	Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống.
Điều kiện sau	Không.
Luồng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> <li>Người dùng khởi động ứng dụng.</li> <li>Người dùng đăng nhập vào ứng dụng</li> <li>Người dùng đăng nhập thành công vào ứng dụng</li> <li>Người dùng chọn mục xem thông tin chính sách hoa hồng.</li> <li>Người dùng nhập các thông tin của đơn hàng, người nhận đơn hàng và chọn phương thức giao hàng.</li> <li>Hệ thống trả về thông tin phí giao hàng.</li> <li>Người dùng xác nhận tạo đơn hàng, hệ thống tiến hành lưu trữ dữ liệu và quay lại màn hình chính.</li> </ol>
Luồng sự kiện phụ	<ol style="list-style-type: none"> <li>Dựa vào thông tin đơn hàng và phương thức giao hàng, tính toán phí vận chuyển đơn hàng.</li> </ol>
Các ngoại lệ	<ol style="list-style-type: none"> <li>Người dùng nhập thiếu thông tin đơn hàng .</li> <li>Hệ thống không tính toán được chi phí giao hàng.</li> </ol>
Kích hoạt sự kiện khác	Không

## Quản lý đơn hàng

STT	5
Tên use case	Quản lý đơn hàng
Mục đích	Quản lý các đơn hàng mà cửa hàng đã tạo.
Người dùng	Cửa hàng
Điều kiện kích hoạt	Người dùng mở ứng dụng Fast Delivery Store và chọn mục danh sách đơn hàng(màn hình chính).
Điều kiện trước	Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống.
Điều kiện sau	Hệ thống tiến hành lấy thông tin danh sách đơn hàng mà cửa hàng đã tạo.
Luồng sự kiện chính	<ul style="list-style-type: none"> <li>4. Người dùng khởi động ứng dụng.</li> <li>5. Người dùng đăng nhập vào ứng dụng</li> <li>6. Người dùng đăng nhập thành công vào ứng dụng</li> <li>7. Người dùng chọn mục danh sách đơn hàng.</li> <li>8. Hệ thống lấy thông tin danh sách đơn hàng cửa hàng đã tạo vào hiển thị.</li> <li>9. Người dùng chọn đơn hàng có trạng thái khác trạng thái giao thành công và tiến hành chỉnh sửa, xóa khỏi danh sách.</li> <li>10. Người dùng chỉnh sửa, xóa đơn hàng xong, hệ thống tiến hành xác nhận lưu trữ và quay về màn hình chính.</li> </ul>
Luồng sự kiện phụ	1. Không
Các ngoại lệ	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. Hệ thống không lấy được thông tin đơn hàng người dùng muốn chỉnh sửa.</li> <li>2. Hệ thống xóa đơn hàng không thành công.</li> </ul>
Kích hoạt sự kiện khác	Không

## Theo dõi đơn hàng

STT	6
Tên use case	Theo dõi đơn hàng
Mục đích	Quản lý các đơn hàng mà cửa hàng đã tạo.
Người dùng	Cửa hàng
Điều kiện kích hoạt	Người dùng mở ứng dụng Fast Delivery Store và chọn mục danh sách đơn hàng(màn hình chính).
Điều kiện trước	Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống.
Điều kiện sau	Hệ thống tiến hành lấy thông tin danh sách đơn hàng mà cửa hàng đã tạo.
Luồng sự kiện chính	<p>8. Người dùng khởi động ứng dụng.</p> <p>9. Người dùng đăng nhập vào ứng dụng</p> <p>10. Người dùng đăng nhập thành công vào ứng dụng</p> <p>11. Người dùng chọn mục danh sách đơn hàng.</p> <p>12. Hệ thống lấy thông tin danh sách đơn hàng cửa hàng đã tạo vào hiển thị.</p> <p>13. Người dùng chọn đơn hàng có trạng thái khác trạng thái giao thành công và xem trạng thái hiện tại của đơn hàng.</p> <p>14. Người dùng theo dõi xong, chọn quay lại màn hình chính.</p>
Luồng sự kiện phụ	1. Không
Các ngoại lệ	1. Hệ thống không lấy được thông tin đơn hàng người dùng muốn theo dõi.
Kích hoạt sự kiện khác	Không

## Quản lý dòng tiền

STT	7
Tên use case	Quản lý dòng tiền
Mục đích	Quản lý dòng tiền từ việc vận chuyển đơn hàng(Ship COD, phí lưu trữ, phí vận chuyển).
Người dùng	Cửa hàng
Điều kiện kích hoạt	Người dùng mở ứng dụng Fast Delivery Store và chọn mục quản lý dòng tiền
Điều kiện trước	Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống.
Điều kiện sau	Hệ thống tiến hành tính tổng các chi phí vận chuyển từ các đơn hàng mà cửa hàng đã tạo.
Luồng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Người dùng khởi động ứng dụng.</li> <li>2. Người dùng đăng nhập vào ứng dụng</li> <li>3. Người dùng đăng nhập thành công vào ứng dụng</li> <li>4. Người dùng chọn mục quản lý dòng tiền.</li> <li>5. Hệ thống tiến hành tính tổng các chi phí vận chuyển từ các đơn hàng mà cửa hàng đã tạo.</li> <li>6. Hệ thống tính toán thành công trả về các chi phí và hiển thị cho người dùng xem.</li> </ol>
Luồng sự kiện phụ	1.Không
Các ngoại lệ	1.Hệ thống không lấy được chi phí từ các đơn hàng người dùng đã tạo.
Kích hoạt sự kiện khác	Không

## Quản lý thông tin cá nhân

STT	8
Tên use case	Quản lý thông tin cá nhân
Mục đích	Quản lý cửa hàng mà cửa hàng đã tạo khi đăng ký tài khoản.
Người dùng	Cửa hàng
Điều kiện kích hoạt	Người dùng mở ứng dụng Fast Delivery Store và chọn mục thông tin cửa hàng, chỉnh sửa thông tin cửa hàng.
Điều kiện trước	Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống.
Điều kiện sau	Hệ thống tiến hành lấy thông tin cửa hàng mà cửa hàng đã tạo.
Luồng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Người dùng khởi động ứng dụng.</li> <li>2. Người dùng đăng nhập vào ứng dụng</li> <li>3. Người dùng đăng nhập thành công vào ứng dụng</li> <li>4. Người dùng chọn mục thông tin cửa hàng, chỉnh sửa thông tin cửa hàng.</li> <li>5. Hệ thống lấy thông tin cửa hàng trước đó và hiển thị</li> <li>6. Người dùng mục thông tin cần chỉnh sửa và nhập thông tin mới vào mục.</li> <li>7. Người dùng chỉnh sửa thông tin xong và lưu lại thông tin đã chỉnh sửa.</li> </ol>
Luồng sự kiện phụ	1.Không
Các ngoại lệ	<ol style="list-style-type: none"> <li>1.Hệ thống không lấy được thông tin người dùng muốn chỉnh sửa.</li> <li>2.Hệ thống lưu lại thông tin mới không thành công.</li> </ol>
Kích hoạt sự kiện khác	Không

## 2.2.2. Use case nhân viên vận chuyển

### Đăng ký

STT	01
Tên use case	Đăng ký
Mục đích	Để lại thông tin liên lạc, hệ thống sẽ tiến hành liên hệ bạn để đưa bạn vào hệ thống với vai trò nhân viên giao hàng.
Người dùng	Nhân viên vận chuyển
Điều kiện kích hoạt	<ol style="list-style-type: none"> <li>Người dùng vào ứng dụng Fast Delivery Staff</li> <li>Vào trang Save Information</li> </ol>
Điều kiện trước	Không.
Điều kiện sau	<ol style="list-style-type: none"> <li>Người dùng để lại thông tin liên hệ thành công</li> <li>Hệ thống tiến hành lấy thông tin của người dùng.</li> </ol>
Luồng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> <li>Người dùng truy cập vào ứng dụng Fast Delivery Staff.</li> <li>Người dùng chọn vào mục đăng ký trên màn hình đăng nhập.</li> <li>Hiển thị trang đăng ký yêu cầu người dùng điền email và số điện thoại</li> <li>Người dùng nhập email và số điện thoại</li> <li>Hệ thống tiến hành lấy thông tin của người dùng.</li> </ol>
Luồng sự kiện phụ	1.Không
Các ngoại lệ	<ol style="list-style-type: none"> <li>Hệ thống lưu thông tin liên hệ thất bại và hiện thông báo</li> <li>Người dùng chọn lệnh hủy, use case dừng lại</li> </ol>
Kích hoạt sự kiện khác	Không

## Đăng nhập

STT	02
Tên use case	Đăng nhập
Mục đích	Đăng nhập vào ứng dụng Fast Delivery Staff để thao tác với các chức năng chính của phần mềm
Người dùng	Nhân viên vận chuyển
Điều kiện kích hoạt	8. Người dùng vào ứng dụng Fast Delivery Staff 9. Vào trang đăng nhập
Điều kiện trước	Không.
Điều kiện sau	3. Người dùng đăng nhập thành công. 4. Hệ thống tiến hành lấy thông tin người dùng.
Luồng sự kiện chính	11. Người dùng truy cập vào ứng dụng Fast Delivery Staff. 12. Người dùng chọn mở trang đăng nhập. 13. Hiển thị trang đăng nhập yêu cầu người dùng điền email và mật khẩu 14. Người dùng nhập email và mật khẩu 15. Hệ thống xác thực thông tin tài khoản và cho phép người dùng truy cập vào ứng dụng. 16. Hệ thống tiến hành lấy thông tin của người dùng và chuyển hướng màn hình vào màn hình chính của ứng dụng.
Luồng sự kiện phụ	Không
Các ngoại lệ	1. Hệ thống xác thực thông tin đăng nhập thất bại và hiện thông báo 2. Người dùng chọn lệnh hủy đăng nhập, use case dừng lại.
Kích hoạt sự kiện khác	Không

## Xem thông tin đơn hàng

STT	03
Tên use case	Xem thông tin đơn hàng
Mục đích	Xem thông tin đơn hàng (vị trí nhận hàng, vị trí giao hàng, số tiền COD,..) để tiến hành thực hiện nghiệp vụ giao hàng.
Người dùng	Nhân viên vận chuyển
Điều kiện kích hoạt	7. Người dùng chọn đơn hàng cần xem thông tin
Điều kiện trước	1. Người dùng đăng nhập thành công vào ứng dụng 2. Vào trang danh sách đơn hàng.
Điều kiện sau	Không
Luồng sự kiện chính	1. Người dùng truy cập vào ứng dụng Fast Delivery Staff. 2. Người dùng mở trang đăng nhập tiến hành đăng nhập vào hệ thống. 3. Sau khi đăng nhập thành công hệ thống chuyển về màn hình danh sách đơn hàng. 4. Người dùng chọn đơn hàng cần xem thông tin 5. Hệ thống lấy thông tin đơn hàng hiển thị chi tiết lên màn hình chi tiết đơn hàng.
Luồng sự kiện phụ	Không
Các ngoại lệ	Nếu không có đơn hàng nào trong danh sách đơn hàng, hệ thống sẽ thông báo ở màn hình danh sách đơn hàng.
Kích hoạt sự kiện khác	Không

## Cập nhật trạng thái đơn hàng

STT	04
Tên use case	Cập nhật trạng thái đơn hàng
Mục đích	Cập nhật trạng thái hiện tại của đơn hàng
Người dùng	Nhân viên vận chuyển
Điều kiện kích hoạt	Người dùng chọn lưu thông tin trạng thái hiện tại.
Điều kiện trước	1. Người dùng đăng nhập thành công vào ứng dụng 2. Người dùng chọn đơn hàng cần cập nhật 3. Chọn vào mục theo dõi đơn hàng 4. Chọn vào mục tạo trạng thái mới cho đơn hàng.

Điều kiện sau	<ol style="list-style-type: none"> <li>Người dùng cập nhật trạng thái đơn hàng thành công.</li> <li>Hệ thống tiến hành lưu thông tin trạng thái vào cơ sở dữ liệu</li> </ol>
Luồng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> <li>Người dùng truy cập vào ứng dụng Fast Delivery Staff.</li> <li>Người dùng mở trang đăng nhập tiến hành đăng nhập vào hệ thống.</li> <li>Sau khi đăng nhập thành công hệ thống chuyển về màn hình danh sách đơn hàng.</li> <li>Người dùng chọn đơn hàng cần cập nhật trạng thái</li> <li>Hệ thống lấy thông tin đơn hàng hiển thị chi tiết lên màn hình chi tiết đơn hàng.</li> <li>Người dùng chọn theo dõi đơn hàng</li> <li>Hệ thống lấy thông tin lịch sử di chuyển của đơn hàng hiển thị lên màn hình theo dõi đơn hàng</li> <li>Người dùng chọn tạo mới trạng thái</li> <li>Hệ thống hiển thị màn hình tạo mới trạng thái đơn hàng.</li> <li>Người dùng chọn trạng thái hiện tại, sau đó nhấn Lưu để cập nhật vào cơ sở dữ liệu</li> <li>Hệ thống cập nhật dữ liệu mà người dùng gõi, chuyển về trang danh sách đơn hàng.</li> </ol>
Luồng sự kiện phụ	Không
Các ngoại lệ	<ol style="list-style-type: none"> <li>Hệ thống cập nhật trạng thái đơn hàng hiện tại thất bại và hiện thông báo</li> <li>Người dùng chọn lệnh hủy cập nhật, usecase dừng lại</li> </ol>
Kích hoạt sự kiện khác	Không



## Quản lý thông tin cá nhân

STT	05
Tên use case	Quản lý thông tin cá nhân
Mục đích	Quản lý thông tin nhân viên vận chuyển đã tạo khi đăng ký tài khoản.
Người dùng	Nhân viên vận chuyển
Điều kiện kích hoạt	Người dùng mở ứng dụng Fast Delivery Staff và chọn mục thông tin nhân viên vận chuyển, chỉnh sửa thông tin nhân viên vận chuyển.
Điều kiện trước	Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống.
Điều kiện sau	Hệ thống tiến hành lấy thông tin cửa hàng mà cửa hàng đã tạo.
Luồng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Người dùng khởi động ứng dụng.</li> <li>2. Người dùng đăng nhập vào ứng dụng</li> <li>3. Người dùng đăng nhập thành công vào ứng dụng</li> <li>4. Người dùng chọn mục thông tin nhân viên giao hàng, chỉnh sửa thông tin nhân viên.</li> <li>5. Hệ thống lấy thông tin nhân viên giao hàng trước đó và hiển thị</li> <li>6. Người dùng nhập thông tin cần chỉnh sửa và nhập thông tin mới vào mục.</li> <li>7. Người dùng chỉnh sửa thông tin xong và lưu lại thông tin đã chỉnh sửa.</li> </ol>
Luồng sự kiện phụ	1.Không
Các ngoại lệ	<ol style="list-style-type: none"> <li>1.Hệ thống không lấy được thông tin người dùng muốn chỉnh sửa.</li> <li>2.Hệ thống lưu lại thông tin mới không thành công.</li> </ol>
Kích hoạt sự kiện khác	Không

 **Xem thông tin chính sách hoa hồng**

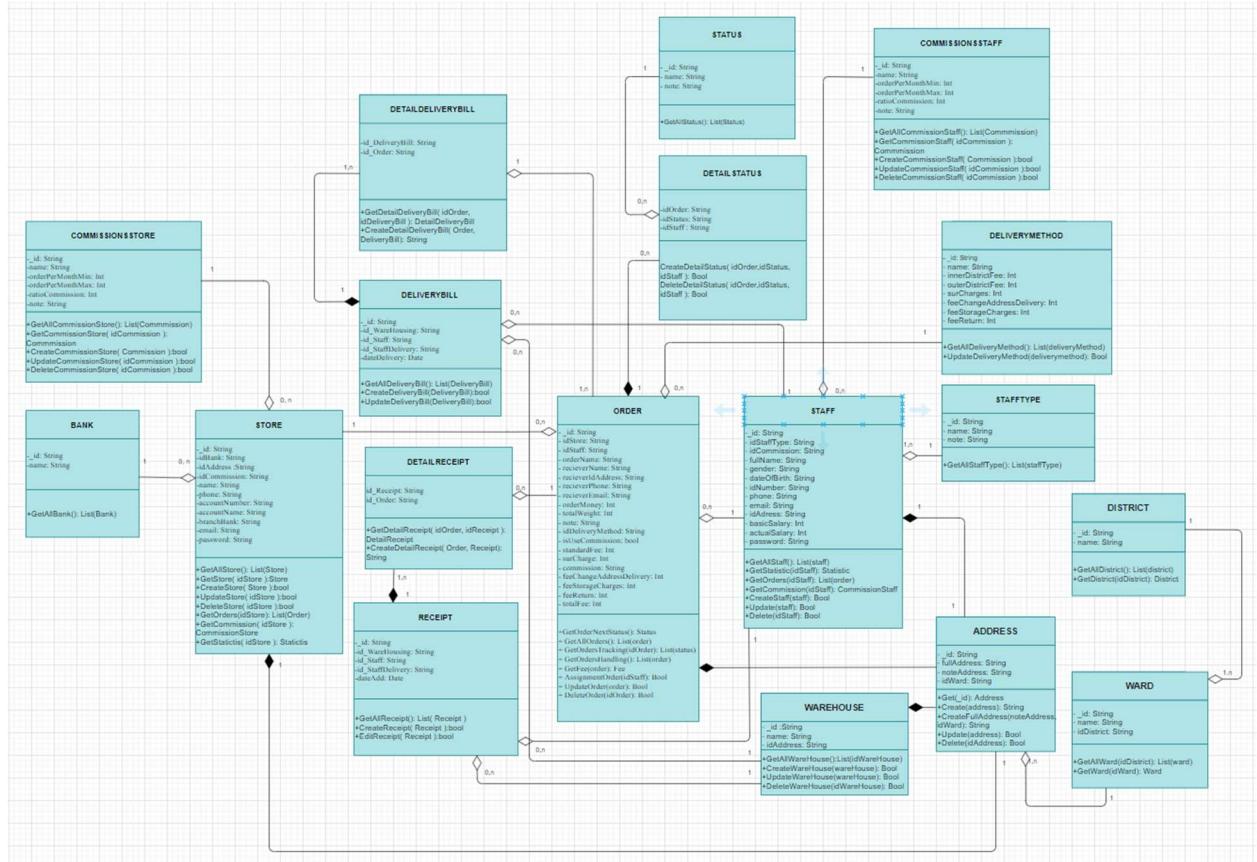
STT	06
Tên use case	Xem thông tin chính sách hoa hồng
Mục đích	Xem thông tin các chính sách hoa hồng hiện có và chính sách hoa hồng mà nhân viên giao hàng đang thụ hưởng.
Người dùng	Nhân viên giao hàng
Điều kiện kích hoạt	Người dùng mở ứng dụng Fast Delivery Staff và chọn mục xem thông tin chính sách hoa hồng.
Điều kiện trước	Người dùng đăng nhập thành công vào hệ thống.
Điều kiện sau	Hệ thống tiến hành lấy thông tin các chính sách hoa hồng thành công và hiển thị.
Luồng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> <li>Người dùng khởi động ứng dụng.</li> <li>Người dùng đăng nhập vào ứng dụng</li> <li>Người dùng đăng nhập thành công vào ứng dụng</li> <li>Người dùng chọn mục xem thông tin chính sách hoa hồng.</li> <li>Hệ thống lấy thông tin chính sách hoa hồng hiện có và chính sách hoa hồng nhân viên đang thụ hưởng hiển thị.</li> </ol>
Luồng sự kiện phụ	Không
Các ngoại lệ	1. Hệ thống không lấy được thông tin các chính sách hoa hồng hiện có hoặc thông tin chính sách nhân viên đang thụ hưởng.
Kích hoạt sự kiện khác	Không

# Chương 3: Thiết kế

## 1. Thiết kế dữ liệu

### 1.1. Sơ đồ lớp

#### 1.1.1. Sơ đồ lớp



## 1.1.2. Mô tả chi tiết từng lớp đối tượng

### 1.1.2.1. Commission Store



STT	Tên thuộc tính	Loại	Ràng buộc	Ý nghĩa/ Ghi chú
1	_id	String	Private	Id của chính sách hoa hồng của cửa hàng
2	name	String	Private	Tên của chính sách
3	orderPerMonthMin	Int	Private	Số đơn hàng tối cần giao thành công trong chính sách
4	orderPerMonthMax	Int	Private	Số đơn hàng tối đa cần giao thành công trong chính sách
5	ratioCommission	Int	Private	Phần trăm chiết khấu của chính sách
6	note	String	Private	Nội dung của chính sách

Bảng 1 Danh sách thuộc tính lớp Commission Store

STT	Tên phương thức	Kiểu trả về	Ràng buộc	Ý nghĩa/ Ghi chú
1	GetAllCommissionStore()	List(Commission)	Public	Lấy tất cả danh sách các chính sách dành cho cửa hàng.
2	GetCommissionStore( idCommission )	Commission	Public	Lấy thông tin của một chính sách
3	CreateCommissionStore( Commission )	bool	Public	Tạo chính sách mới cho cửa hàng/
4	UpdateCommissionStore( idCommission )	bool	Public	Cập nhật thông tin cho chính sách

5	DeleteCommissionStore( idCommission )	bool	Public	Xóa chính sách khỏi hệ thống lưu trữ
---	--	------	--------	---

Bảng 2 Danh sách phương thức lớp Commission Store

### 1.1.2.2. Bank



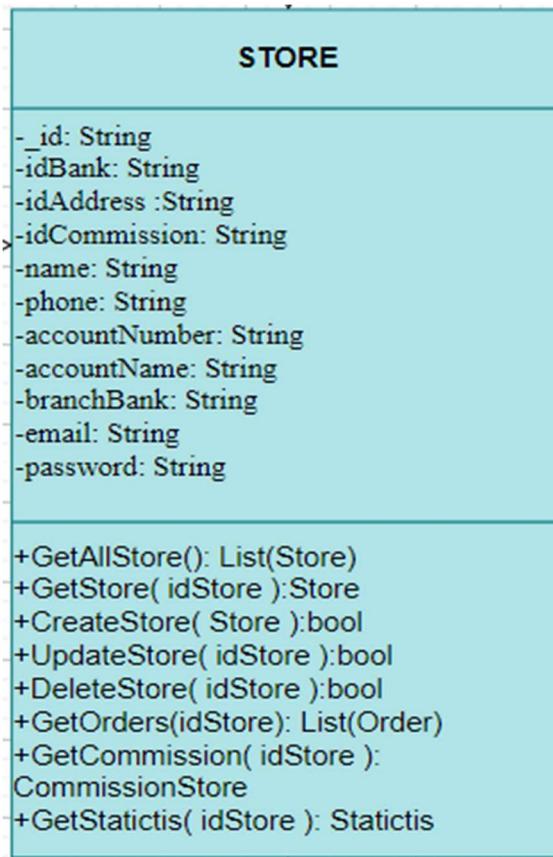
STT	Tên thuộc tính	Loại	Ràng buộc	Ý nghĩa/ Ghi chú
1	id	String	Private	Id của ngân hàng
2	name	String	Private	Tên của ngân hàng

Bảng 3 Danh sách thuộc tính lớp Bank

STT	Tên phương thức	Kiểu trả về	Ràng buộc	Ý nghĩa/ Ghi chú
1	GetAllBank()	List(Bank)	Public	Lấy tất cả danh sách các ngân hàng có trong hệ thống.

Bảng 4 Danh sách phương thức lớp Bank

### 1.1.2.3. Store



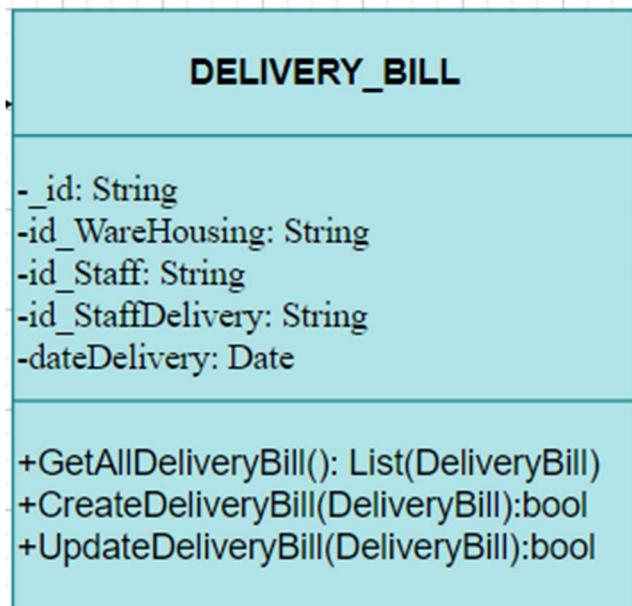
STT	Tên thuộc tính	Loại	Ràng buộc	Ý nghĩa/ Ghi chú
1	id	String	Private	Id của cửa hàng
2	idBank	String	Private	Id của ngân hàng
3	idAddress	String	Private	Id của địa chỉ cửa hàng
4	idCommission	String	Private	Id chính sách hoa hồng mà cửa hàng đang thụ hưởng
5	name	String	Private	Tên cửa hàng
6	phone	String	Private	Số điện thoại của cửa hàng
7	accountNumber	String	Private	Số tài khoản ngân hàng của cửa hàng
8	accountName	String	Private	Tên tài khoản ngân hàng của cửa hàng
9	branchBank	String	Private	Chi nhánh ngân hàng cửa hàng dùng đăng ký thẻ
10	email	String	Private	Địa chỉ email của cửa hàng, đồng thời là tên đăng nhập
11	password	String	Private	Mật khẩu đăng nhập của cửa hàng

Bảng 5 Danh sách thuộc tính lớp Store

STT	Tên phương thức	Kiểu trả về	Ràng buộc	Ý nghĩa/ Ghi chú
1	GetAllStore()	List	Public	Lấy danh sách tất cả các cửa hàng.
2	GetStore( idStore)	Store	Public	Lấy thông tin của một cửa hàng
3	CreateStore( Store )	Bool	Public	Tạo cửa hàng mới
4	UpdateStore( idStore )	Bool	Public	Cập nhật thông tin cho cửa hàng
5	DeleteStore( idStore )	Bool	Public	Xóa cửa hàng khỏi hệ thống lưu trữ
6	GetOrders(idStore)	List(Order)	Public	Lấy danh sách tất cả đơn hàng cửa hàng đã tạo
7	GetCommission( idStore )	CommissionStore	Public	Lấy thông tin chính sách cửa hàng đang thu hưởng
8	GetStatictis( idStore )	Statictis	Public	Tính toán dòng tiền của cửa hàng (chi phí)

Bảng 6 Danh sách phương thức lớp Store

#### 1.1.2.4. Delivery Bill



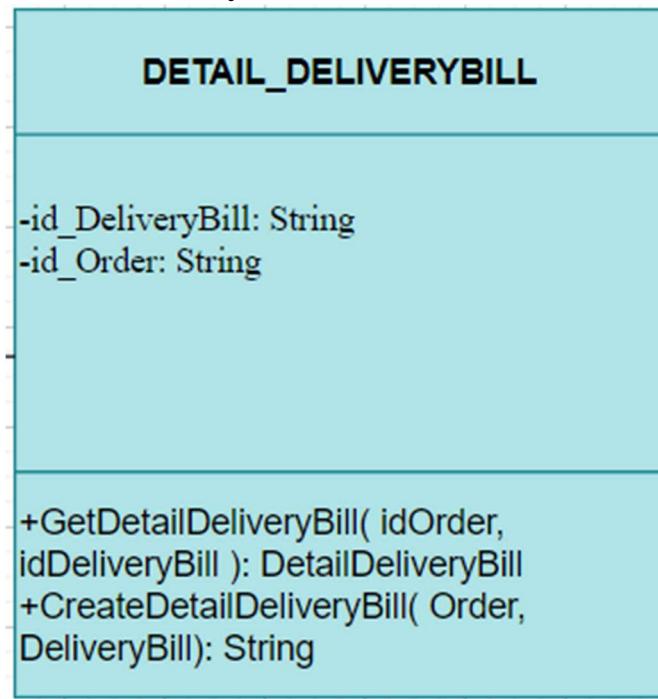
STT	Tên thuộc tính	Loại	Ràng buộc	Ý nghĩa/ Ghi chú
1	id	String	Private	Id phiếu xuất kho hàng
2	id_WareHousing	String	Private	Id kho hàng lưu trữ đơn hàng
3	id_Staff	String	Private	Id nhân viên quản lý kho
4	id_StaffDelivery	String	Private	Id nhân viên vận chuyển đơn hàng
5	dateDelivery	Date	Private	Ngày lập phiếu xuất

Bảng 7 Danh sách thuộc tính lớp Delivery Bill

STT	Tên phương thức	Kiểu trả về	Ràng buộc	Ý nghĩa/ Ghi chú
1	GetAllDeliveryBill()	List(DeliveryBill)	Public	Lấy danh sách tất cả các phiếu xuất.
2	CreateDeliveryBill(DeliveryBill)	Bool	Public	Tạo phiếu xuất mới
3	UpdatedeliveryBill(DeliveryBill)	Bool	Public	Cập nhật thông tin cho phiếu xuất

Bảng 8 Danh sách phương thức lớp Delivery Bill

### 1.1.2.5. Detail Delivery Bill



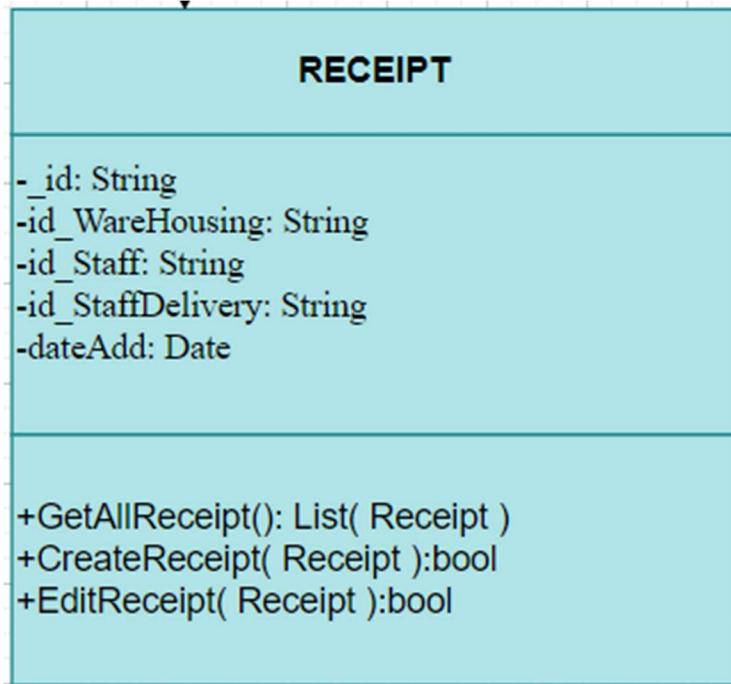
STT	Tên thuộc tính	Loại	Ràng buộc	Ý nghĩa/ Ghi chú
1	id_DeliveryBill	String	Private	Id phiếu xuất kho hàng
2	id_Order	String	Private	Id đơn hàng

Bảng 9 Danh sách thuộc tính lớp Detail Delivery Bill

STT	Tên phương thức	Kiểu trả về	Ràng buộc	Ý nghĩa/ Ghi chú
1	GetDetailDeliveryBill( idOrder, idDeliveryBill )	Detail Delivery Bill	Public	Lấy thông tin chi tiết của phiếu xuất.
2	CreateDetailDeliveryBill( Order, DeliveryBill )	String	Public	Tạo chi tiết phiếu xuất mới

Bảng 10 Danh sách phương thức lớp Detail Delivery Bill

### 1.1.2.6. Receipt



STT	Tên thuộc tính	Loại	Ràng buộc	Ý nghĩa/ Ghi chú
1	id	String	Private	Id phiếu nhập kho hàng
2	id_WareHousing	String	Private	Id kho hàng lưu trữ đơn hàng
3	id_Staff	String	Private	Id nhân viên quản lý kho
4	id_StaffDelivery	String	Private	Id nhân viên vận chuyển đơn hàng
5	dateAdd	Date	Private	Ngày lập phiếu nhập

Bảng 11 Danh sách thuộc tính lớp Receipt

STT	Tên phương thức	Kiểu trả về	Ràng buộc	Ý nghĩa/ Ghi chú
1	GetAllReceipt()	List(Receipt)	Public	Lấy danh sách tất cả các phiếu nhập.
2	CreateReceipt ( Receipt )	bool	Public	Tạo phiếu xuất mới
3	UpdateReceipt( Receipt )	bool	Public	Cập nhật thông tin cho phiếu xuất

Bảng 12 Danh sách phương thức lớp Receipt

### 1.1.2.7. Detail Receipt



STT	Tên thuộc tính	Loại	Ràng buộc	Ý nghĩa/ Ghi chú
1	id_Receipt	String	Private	Id phiếu nhập kho hàng
2	id_Order	String	Private	Id đơn hàng

Bảng 13 Danh sách thuộc tính lớp Detail Receipt

STT	Tên phương thức	Kiểu trả về	Ràng buộc	Ý nghĩa/ Ghi chú
1	GetDetailReceipt( idOrder, idReceipt )	Detail Receipt	Public	Lấy thông tin chi tiết của phiếu nhập.
2	CreateDetailReceipt( Order, Receipt )	String	Public	Tạo chi tiết phiếu nhập mới

Bảng 14 Danh sách phương thức lớp Detail Receipt

#### 1.1.2.8. Order

<b>ORDER</b>	
- <u>id</u>	
- idStore (người gửi) (ID)	
- idStaff (người giao)	
- orderName (tên gói hàng)	
- recieverName (tên người nhận)	
- recieverIdAddress (đ/c nhận)	
- recieverPhone	
- recieverEmail	
- orderMoney (COD)	
- totalWeight (Kg)	
- note	
- idDeliveryMethod	
- isUseCommission (boolean)	
- standardFee	
- surCharge	
- commission	
- feeChangeAddressDelivery	
- feeStorageCharges	
- feeReturn	
- totalFee	
+GetOrderNextStatus(): Status	
+ GetAllOrders(): List(order)	
+ GetOrdersTracking(idOrder): List(status)	
+ GetOrdersHandling(): List(order)	
+ GetFee(order): Fee	
+ AssignmentOrder(idStaff): Bool	
+ UpdateOrder(order): Bool	
+ DeleteOrder(idOrder): Bool	

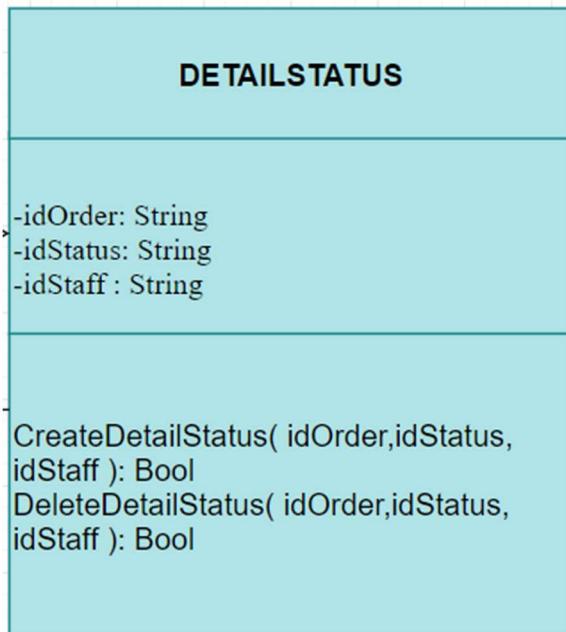
STT	Tên thuộc tính	Loại	Ràng buộc	Ý nghĩa/ Ghi chú
1	id	String	Private	Id của đơn hàng
2	idStore	String	Private	Id của cửa hàng gửi đơn hàng
3	idStaff	String	Private	Id của nhân viên giao đơn hàng
4	orderName	String	Private	Tên của đơn hàng
5	recieverName	String	Private	Tên của người nhận đơn hàng
6	recieverPhone	String	Private	Số điện thoại của người nhận đơn hàng
7	recieverEmail	String	Private	Địa chỉ email của người nhận đơn hàng
8	recieverAddress	String	Private	Địa chỉ của người nhận đơn hàng
9	orderMoney	String	Private	Tiền COD của đơn hàng
10	totalWeight	String	Private	Cân nặng của đơn hàng
11	Note	String	Private	Nội dung ghi chú của đơn hàng
12	idDeliveryMethod	String	Private	Id của phương thức giao hàng
13	isUseCommission	Bool	Private	Có sử dụng chính sách hoa hồng để giảm bớt tiền hay không
14	standardFee	Int	Private	Phí giao hàng tiêu chuẩn
15	surCharge	Int	Private	Phụ phí
16	commission	Int	Private	Chính sách giao hàng
18	feeChangeAddressDelivery	Int	Private	Phí thay đổi địa chỉ
19	feestorageCharges	Int	Private	Phí lưu trữ kho hàng
20	feeReturn	Int	Private	Phí hoàn trả đơn hàng
21	totalFee	Int	Private	Tổng chi phí

Bảng 15 Danh sách thuộc tính lớp Order

STT	Tên phương thức	Kiểu trả về	Ràng buộc	Ý nghĩa/ Ghi chú
1	GetOrderNextStatus()	Status	Public	Lấy danh sách trạng thái tiếp theo của đơn hàng
2	GetAllOrders( )	List(order)	Public	Lấy danh sách tất cả đơn hàng
3	GetOrdersTracking(idOrder)	List(status)	Public	Lấy thông tin theo dõi đơn hàng
4	GetOrdersHandling ( )	List(order)	Public	Lấy thông tin điều hướng đơn hàng
5	GetFee(order)	Fee	Public	Lấy toàn bộ các phí của đơn hàng
6	AssignmentOrder(idStaff)	Bool	Public	Điều hướng đơn hàng
7	UpdateOrder(order)	Bool	Public	Cập nhật thông tin của đơn hàng
8	DeleteOrder(idOrder)	Bool	Public	Xóa thông tin của đơn hàng

Bảng 16 Danh sách phương thức lớp Order

#### 1.1.2.9. DetailStatus



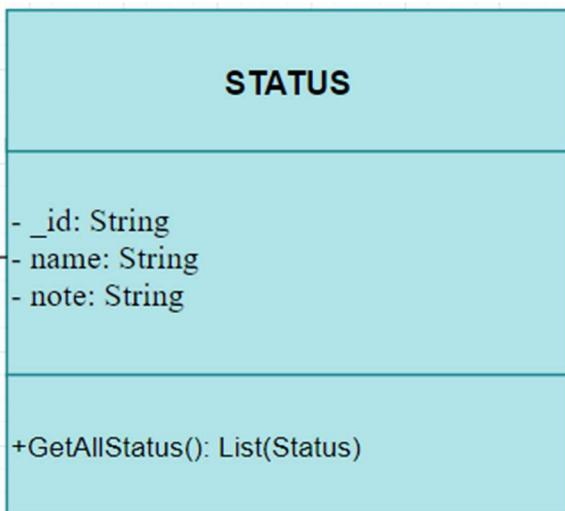
STT	Tên thuộc tính	Loại	Ràng buộc	Ý nghĩa/ Ghi chú
1	idOrder	String	Private	Id đơn hàng
2	idStatus	String	Private	Id trạng thái
3	idStaff	String	Private	Id nhân viên giao hàng

Bảng 17 Danh sách thuộc tính lớp Detail Status

STT	Tên phương thức	Kiểu trả về	Ràng buộc	Ý nghĩa/ Ghi chú
1	CreateDetailStatus( idOrder,idStatus, idStaff ): String	Bool	Public	Tạo trạng thái mới cho đơn hàng
2	DeleteDetailStatus( id Order,idStatus, idStaff ): Bool	Bool	Public	Xóa chi tiết trạng thái.

Bảng 18 Danh sách phương thức lớp Detail Status

### 1.1.2.10. Status



STT	Tên thuộc tính	Loại	Ràng buộc	Ý nghĩa/ Ghi chú
1	id	String	Private	Id trạng thái
2	name	String	Private	Tên trạng thái
3	note	String	Private	Ghi chú trạng thái

Bảng 19 Danh sách thuộc tính lớp Status

STT	Tên phương thức	Kiểu trả về	Ràng buộc	Ý nghĩa/ Ghi chú
1	GetAllStatus()	List(status)	Public	Lấy danh sách trạng thái

Bảng 20 Danh sách phương thức lớp Status

### 1.1.2.11. Commission Staff

COMMISSIONS_STAFF	
- _id: String - name: String - orderPerMonthMin: Int - orderPerMonthMax: Int - ratioCommission: Int - note: String	
+ GetAllCommissionStaff(): List(Commission) + GetCommissionStaff( idCommission ): Commission + CreateCommissionStaff( Commission ): bool + UpdateCommissionStaff( idCommission ): bool + DeleteCommissionStaff( idCommission ): bool	

STT	Tên thuộc tính	Loại	Ràng buộc	Ý nghĩa/ Ghi chú
1	_id	String	Private	Id chính sách hoa hồng dành cho nhân viên giao hàng
2	name	String	Private	Tên chính sách hoa hồng dành cho nhân viên giao hàng
3	orderPerMonthMin	Int	Private	Số đơn hàng tối thiểu cần giao để nhận chính sách
4	orderPerMonthMax	Int	Private	Số đơn hàng tối đa cần giao để nhận chính sách
5	ratioCommission	Int	Private	Phần trăm chiết khấu của chính sách
6	note	String	Private	Nội dung của chính sách

Bảng 21 Danh sách thuộc tính lớp Commission Staff

STT	Tên phương thức	Kiểu trả về	Ràng buộc	Ý nghĩa/ Ghi chú
1	GetAllCommissionStaff()	List(Commission)	Public	Lấy tất cả danh sách các chính sách dành cho nhân viên vận chuyển
2	GetCommissionStaff(id Commission)	Commission	Public	Lấy thông tin của một chính sách
3	CreateCommissionStaff( idCommission )	Bool	Public	Tạo chính sách mới cho nhân viên vận chuyển
4	UpdateCommissionStaff( idCommission )	Bool	Public	Cập nhật thông tin cho chính sách
5	DeleteCommissionStaff( idCommission )	Bool	Public	Xóa chính sách khỏi hệ thống lưu trữ

Bảng 22 Danh sách phương thức lớp Commission Staff

### 1.1.2.12. Delivery Method

DELIVERYMETHOD	
- _id	
- name	
- innerDistrictFee	
- outerDistrictFee	
- surCharges	
- feeChangeAddressDelivery	
- feeStorageCharges	
- feeReturn	
+ GetAllDeliveryMethod(): List(deliveryMethod)	
+ UpdateDeliveryMethod(deliverymethod): Bool	

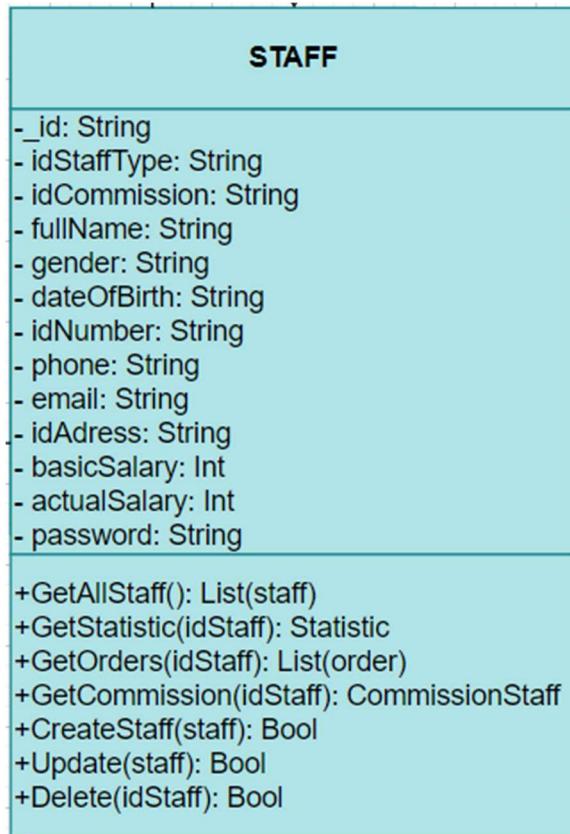
STT	Tên thuộc tính	Loại	Ràng buộc	Ý nghĩa/ Ghi chú
1	id	String	Private	Id phương thức vận chuyển
2	name	String	Private	Tên phương thức vận chuyển
3	innerDistrictFee	Int	Private	Phí giao hàng nội quận
4	outerDistrictFee	Int	Private	Phí giao hàng ngoại quận
5	surCharges	Int	Private	Phụ phí
6	feeChangeAddressDelivery	Int	Private	Phí thay đổi địa chỉ giao hàng
7	feeStorageCharges	Int	Private	Phí lưu kho
8	feeReturn	Int	Private	Phí hoàn trả đơn hàng

Bảng 23 Danh sách thuộc tính lớp Delivery Method

STT	Tên phương thức	Kiểu trả về	Ràng buộc	Ý nghĩa/ Ghi chú
1	GetAllDeliveryMethod()	List(deliveryMethod)	Public	Lấy danh sách phương thức vận chuyển
2	UpdateDeliveryMethod( idDeliveryMethod)	Bool	Public	Cập nhật thông tin phương thức vận chuyển

Bảng 24 Danh sách phương thức lớp Delivery Method

### 1.1.2.13. Staff



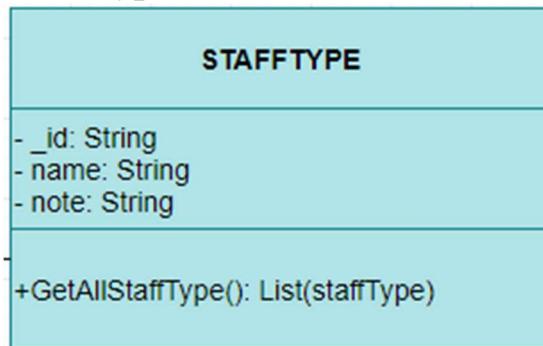
STT	Tên thuộc tính	Loại	Ràng buộc	Ý nghĩa/ Ghi chú
1	_id	String	Private	Mã nhân viên
2	idStaffType	String	Private	Mã loại nhân viên
3	idCommission	String	Private	Mã chính sách
4	fullName	String	Private	Họ và tên nhân viên
5	gender	String	Private	Giới tính
6	dateOfBirth	String	Private	Ngày sinh
7	idNumber	String	Private	Số chứng minh nhân dân
8	phone	String	Private	Số điện thoại
9	email	String	Private	Email
10	idAddress	String	Private	Mã địa chỉ
11	basicSalary	Int	Private	Lương cơ bản
12	actualSalary	Int	Private	Lương thực nhận
13	password	String	Private	Mật khẩu

Bảng 25 Danh sách thuộc tính lớp Staff

STT	Tên phương thức	Kiểu trả về	Ràng buộc	Ý nghĩa/ Ghi chú
1	GetAllStaff()	List(staff)	Public	Lấy danh sách nhân viên
2	GetStatistic(idStaff)	Statistic	Public	Thông kê số liệu dành cho nhân viên quản lý
3	GetOrders(idStaff)	List(order)	Public	Lấy danh sách đơn hàng nhân viên cần giao
4	GetCommission(idStaff)	CommissionStaff	Public	Lấy ra chính sách hoa hồng mà nhân viên đang thụ hưởng
5	CreateStaff(staff)	Bool	Public	Tạo nhân viên
6	UpdateStaff(staff)	Bool	Public	Cập nhật thông tin nhân viên
7	DeleteStaff(idStaff)	Bool	Public	Xóa nhân viên

Bảng 26 Danh sách phương thức lớp Staff

#### 1.1.2.14. Staff Type



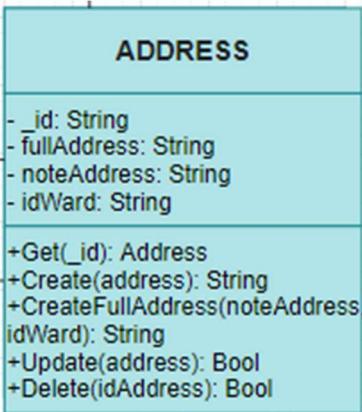
STT	Tên thuộc tính	Loại	Ràng buộc	Ý nghĩa/ Ghi chú
1	<code>_id</code>	String	Private	Mã loại nhân viên
2	<code>name</code>	String	Private	Tên loại nhân viên
3	<code>note</code>	String	Private	Ghi chú loại nhân viên

Bảng 27 Danh sách thuộc tính lớp Staff Type

STT	Tên phương thức	Kiểu trả về	Ràng buộc	Ý nghĩa/ Ghi chú
1	GetAllStaffType()	List(staffType)	Public	Lấy danh sách loại nhân viên

Bảng 28 Danh sách phương thức lớp Staff Type

### 1.1.2.15. Address



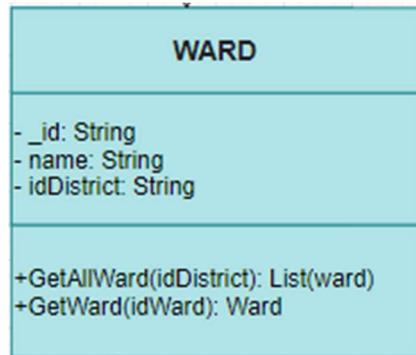
STT	Tên thuộc tính	Loại	Ràng buộc	Ý nghĩa/ Ghi chú
1	id	String	Private	Mã địa chỉ
2	fullAddress	String	Private	Địa chỉ đầy đủ
3	noteAddress	String	Private	Ghi chú địa chỉ
4	idWard	String	Private	Mã phường

Bảng 29 Danh sách thuộc tính lớp Address

STT	Tên phương thức	Kiểu trả về	Ràng buộc	Ý nghĩa/ Ghi chú
1	Get(idAddress)	Address	Public	Lấy địa chỉ theo mã địa chỉ
2	Create(address)	Bool	Public	Tạo địa chỉ
3	CreateFullAddress(noteAddress, idWard)	String	Public	Tạo địa chỉ đầy đủ
4	Update(address)	Bool	Public	Cập nhật địa chỉ
5	Delete(idAddress)	Bool	Public	Xóa địa chỉ

Bảng 30 Danh sách phương thức lớp Address

### 1.1.2.16. Ward



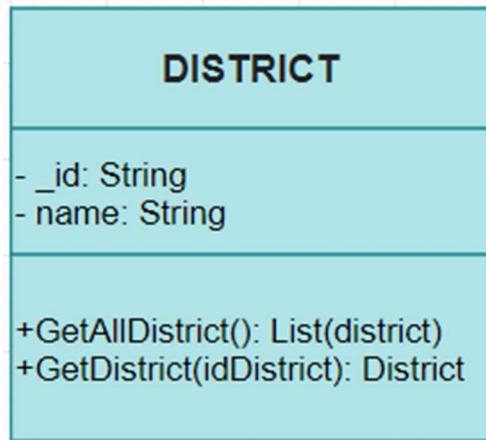
STT	Tên thuộc tính	Loại	Ràng buộc	Ý nghĩa/ Ghi chú
1	id	String	Private	Mã phường
2	name	String	Private	Tên phường
3	idDistrict	String	Private	Mã quận

Bảng 31 Danh sách thuộc tính lớp Ward

STT	Tên phương thức	Kiểu trả về	Ràng buộc	Ý nghĩa/ Ghi chú
1	GetAllWard(idDistrict)	List(ward)	Public	Lấy danh sách quận thuộc một quận
2	GetWard(idWard)	Ward	Public	Lấy ra quận theo mã quận

Bảng 32 Danh sách phương thức lớp Ward

### 1.1.2.17. District



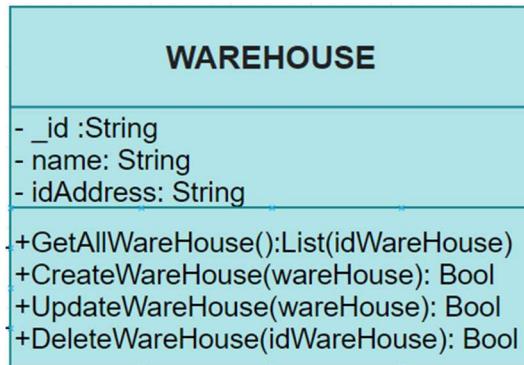
STT	Tên thuộc tính	Loại	Ràng buộc	Ý nghĩa/ Ghi chú
1	<u>id</u>	String	Private	Mã quận
2	name	String	Private	Tên quận

Bảng 33 Danh sách thuộc tính lớp District

STT	Tên phương thức	Kiểu trả về	Ràng buộc	Ý nghĩa/ Ghi chú
1	GetAllDistrict()	List(district)	Public	Lấy danh sách quận
2	GetDistrict(idDistrict)	District	Public	Lấy ra quận theo mã quận

Bảng 34 Danh sách phương thức lớp District

### 1.1.2.18. Ware House



STT	Tên thuộc tính	Loại	Ràng buộc	Ý nghĩa/ Ghi chú
1	_id	String	Private	Mã kho
2	name	String	Private	Tên kho
3	idAddress	String	Private	Mã địa chỉ kho

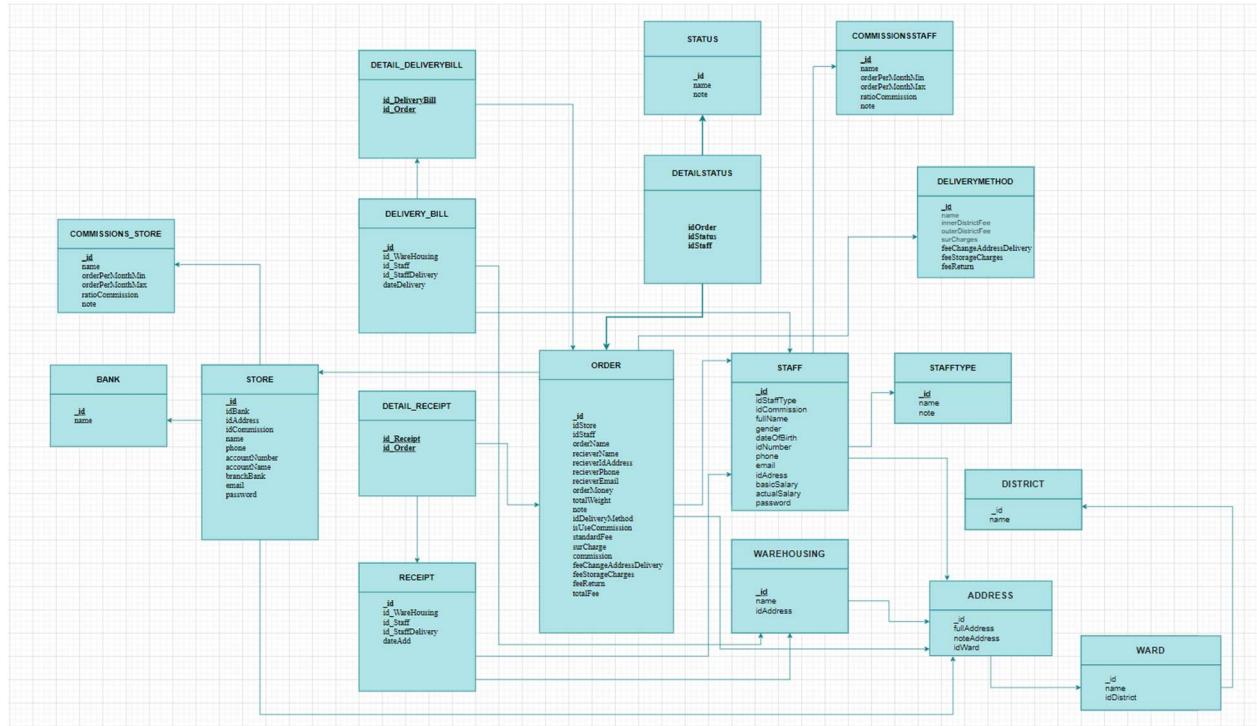
Bảng 35 Danh sách phương thức lớp WareHousing

STT	Tên phương thức	Kiểu trả về	Ràng buộc	Ý nghĩa/ Ghi chú
1	GetAllWareHouse()	List(wareHouse)	Public	Lấy danh sách kho bãi
2	CreateWareHouse(wareHouse)	Bool	Public	Tạo kho bãi
3	UpdateWareHouse(wareHouse)	Bool	Public	Cập nhật thông tin kho bãi
4	DeleteWareHouse(idWareHouse)	Bool	Public	Xóa kho bãi khỏi hệ thống

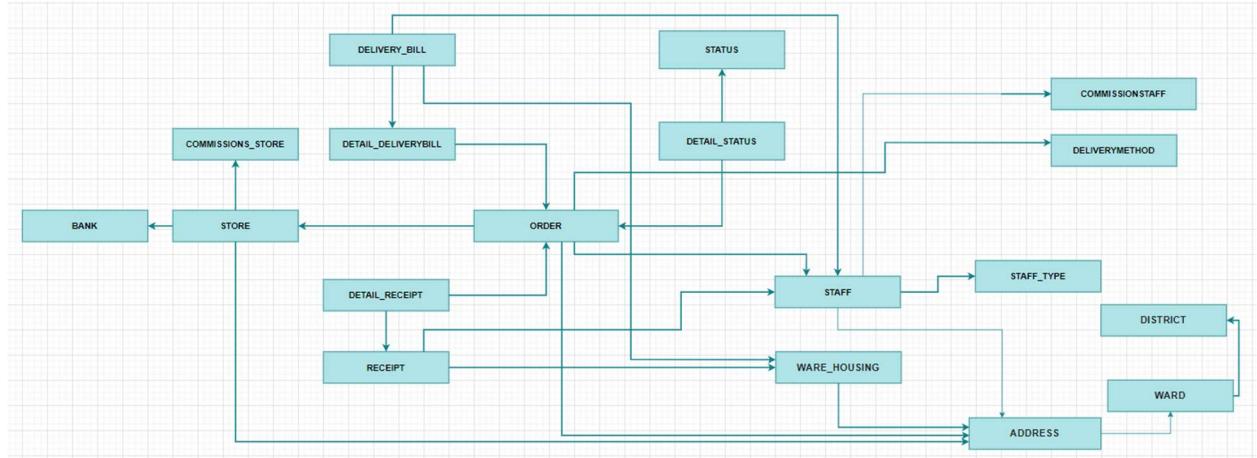
Bảng 36 Danh sách phương thức lớp WareHousing

## 1.2. Sơ đồ cơ sở dữ liệu

### 1.2.1. Sơ đồ



### 1.2.2. Sơ đồ logic



### 1.2.3. Mô tả từng bảng dữ liệu

#### 1.2.3.1. Commission Store



STT	Tên thuộc tính	Loại	Ràng buộc	Ý nghĩa/ Ghi chú
1	_id	String	Private	Id của chính sách hoa hồng của cửa hàng
2	name	String	Private	Tên của chính sách
3	orderPerMonthMin	Int	Private	Số đơn hàng tối cần giao thành công trong chính sách
4	orderPerMonthMax	Int	Private	Số đơn hàng tối đa cần giao thành công trong chính sách
5	ratioCommission	Int	Private	Phần trăm chiết khấu của chính sách
6	note	String	Private	Nội dung của chính sách

Bảng 37 Danh sách thuộc tính bảng Commission Store

#### 1.2.3.2. Bank



STT	Tên thuộc tính	Loại	Ràng buộc	Ý nghĩa/ Ghi chú
1	_id	String	Private	Id của ngân hàng
2	name	String	Private	Tên của ngân hàng

Bảng 38 Danh sách thuộc tính bảng Bank

### 1.2.3.3. Store



STT	Tên thuộc tính	Loại	Ràng buộc	Ý nghĩa/ Ghi chú
1	id	String	Private	Id của cửa hàng
2	idBank	String	Private	Id của ngân hàng
3	idAddress	String	Private	Id của địa chỉ cửa hàng
4	idCommission	String	Private	Id chính sách hoa hồng mà cửa hàng đang thụ hưởng
5	name	String	Private	Tên cửa hàng
6	phone	String	Private	Số điện thoại của cửa hàng
7	accountNumber	String	Private	Số tài khoản ngân hàng của cửa hàng
8	accountName	String	Private	Tên tài khoản ngân hàng của cửa hàng
9	branchBank	String	Private	Chi nhánh ngân hàng cửa hàng dùng đăng ký thẻ
10	email	String	Private	Địa chỉ email của cửa hàng, đồng thời là tên đăng nhập
11	password	String	Private	Mật khẩu đăng nhập của cửa hàng

Bảng 39 Danh sách thuộc tính bảng Store

#### 1.2.3.4. Delivery Bill



STT	Tên thuộc tính	Loại	Ràng buộc	Ý nghĩa/ Ghi chú
1	id	String	Private	Id phiếu xuất kho hàng
2	id_WareHousing	String	Private	Id kho hàng lưu trữ đơn hàng
3	id_Staff	String	Private	Id nhân viên quản lý kho
4	id_StaffDelivery	String	Private	Id nhân viên vận chuyển đơn hàng
5	dateDelivery	Date	Private	Ngày lập phiếu xuất

Bảng 40 Danh sách thuộc tính bảng Delivery Bill

#### 1.2.3.5. Detail Delivery Bill



STT	Tên thuộc tính	Loại	Ràng buộc	Ý nghĩa/ Ghi chú
1	id_DeliveryBill	String	Private	Id phiếu xuất kho hàng
2	id_Order	String	Private	Id đơn hàng

Bảng 41 Danh sách thuộc tính bảng Detail Delivery Bill

### 1.2.3.6. Receipt



STT	Tên thuộc tính	Loại	Ràng buộc	Ý nghĩa/ Ghi chú
1	id	String	Private	Id phiếu nhập kho hàng
2	id_WareHousing	String	Private	Id kho hàng lưu trữ đơn hàng
3	id_Staff	String	Private	Id nhân viên quản lý kho
4	id_StaffDelivery	String	Private	Id nhân viên vận chuyển đơn hàng
5	dateAdd	Date	Private	Ngày lập phiếu nhập

Bảng 42 Danh sách thuộc tính bảng Receipt

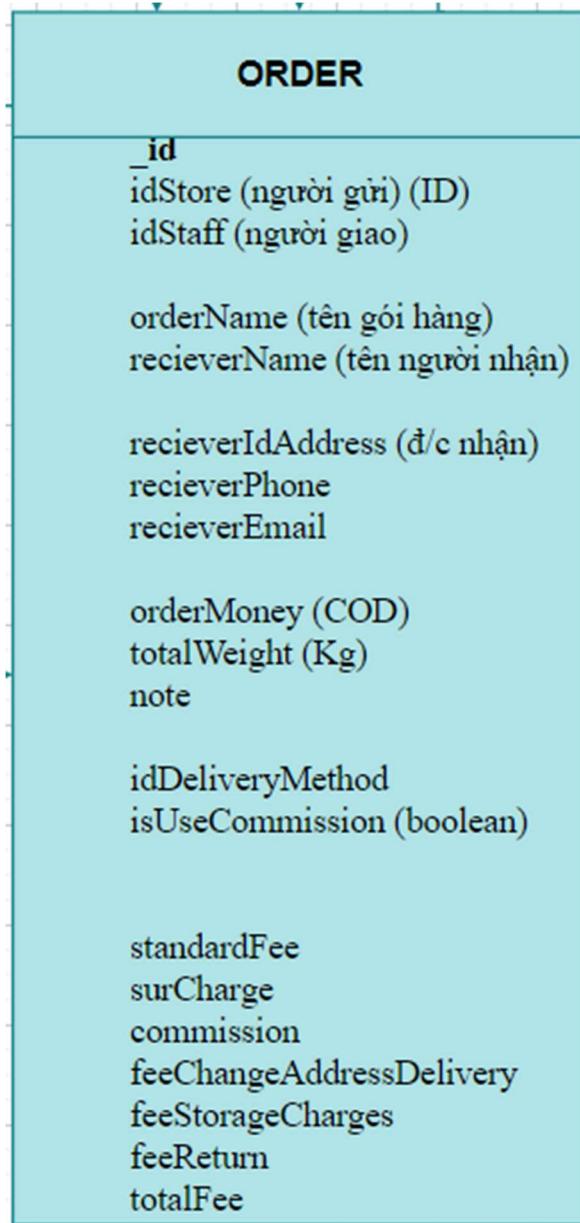
### 1.2.3.7. Detail Receipt



STT	Tên thuộc tính	Loại	Ràng buộc	Ý nghĩa/ Ghi chú
1	id_Receipt	String	Private	Id phiếu nhập kho hàng
2	id_Order	String	Private	Id đơn hàng

Bảng 43 Danh sách thuộc tính bảng Detail Receipt

### 1.2.3.8. Order

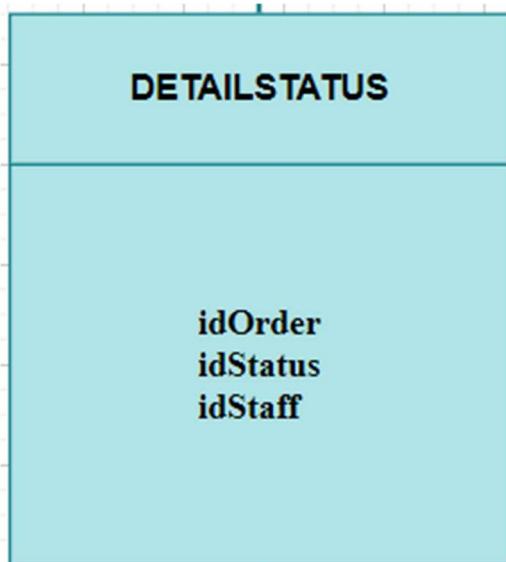


STT	Tên thuộc tính	Loại	Ràng buộc	Ý nghĩa/ Ghi chú
1	id	String	Private	Id của đơn hàng
2	idStore	String	Private	Id của cửa hàng gửi đơn hàng
3	idStaff	String	Private	Id của nhân viên giao đơn hàng
4	orderName	String	Private	Tên của đơn hàng
5	recieverName	String	Private	Tên của người nhận đơn hàng
6	recieverPhone	String	Private	Số điện thoại của người nhận đơn hàng

7	recieverEmail	String	Private	Địa chỉ email của người nhận đơn hàng
8	recieverAddress	String	Private	Địa chỉ của người nhận đơn hàng
9	orderMoney	String	Private	Tiền COD của đơn hàng
10	totalWeight	String	Private	Cân nặng của đơn hàng
11	Note	String	Private	Nội dung ghi chú của đơn hàng
12	idDeliveryMethod	String	Private	Id của phương thức giao hàng
13	isUseCommission	Bool	Private	Có sử dụng chính sách hoa hồng để giảm bớt tiền hay không
14	standardFee	Int	Private	Phí giao hàng tiêu chuẩn
15	surCharge	Int	Private	Phụ phí
16	commission	Int	Private	Chính sách giao hàng
18	feeChangeAddressDelivery	Int	Private	Phí thay đổi địa chỉ
19	feestorageCharges	Int	Private	Phí lưu trữ kho hàng
20	feeReturn	Int	Private	Phí hoàn trả đơn hàng
21	totalFee	Int	Private	Tổng chi phí

Bảng 44 Danh sách thuộc tính bảng Order

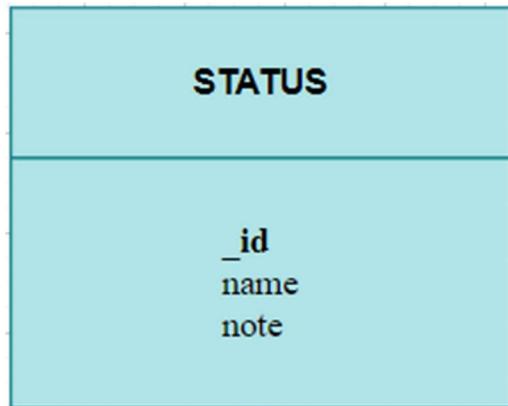
#### 1.2.3.9. DetailStatus



STT	Tên thuộc tính	Loại	Ràng buộc	Ý nghĩa/ Ghi chú
1	idOrder	String	Private	Id đơn hàng
2	idStatus	String	Private	Id trạng thái
3	idStaff	String	Private	Id nhân viên giao hàng

Bảng 45 Danh sách thuộc tính bảng Detail Status

### 1.2.3.10. Status



STT	Tên thuộc tính	Loại	Ràng buộc	Ý nghĩa/ Ghi chú
1	id	String	Private	Id trạng thái
2	name	String	Private	Tên trạng thái
3	note	String	Private	Ghi chú trạng thái

Bảng 46 Danh sách thuộc tính bảng Status

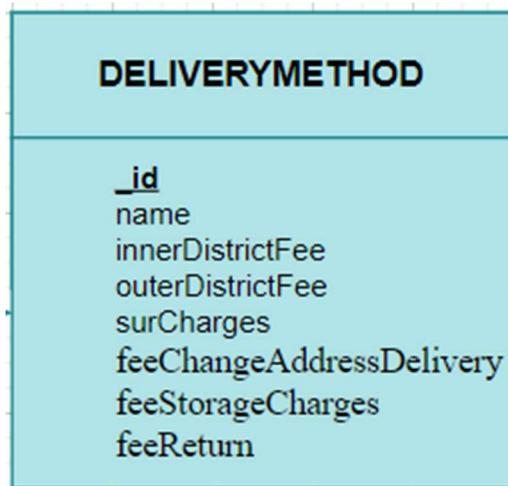
### 1.2.3.11. Commission Staff



STT	Tên thuộc tính	Loại	Ràng buộc	Ý nghĩa/ Ghi chú
1	_id	String	Private	Id chính sách hoa hồng dành cho nhân viên giao hàng
2	name	String	Private	Tên chính sách hoa hồng dành cho nhân viên giao hàng
3	orderPerMonthMin	Int	Private	Số đơn hàng tối thiểu cần giao để nhận chính sách
4	orderPerMonthMax	Int	Private	Số đơn hàng tối đa cần giao để nhận chính sách
5	ratioCommission	Int	Private	Phần trăm chiết khấu của chính sách
6	note	String	Private	Nội dung của chính sách

Bảng 47 Danh sách thuộc tính bảng Commission Staff

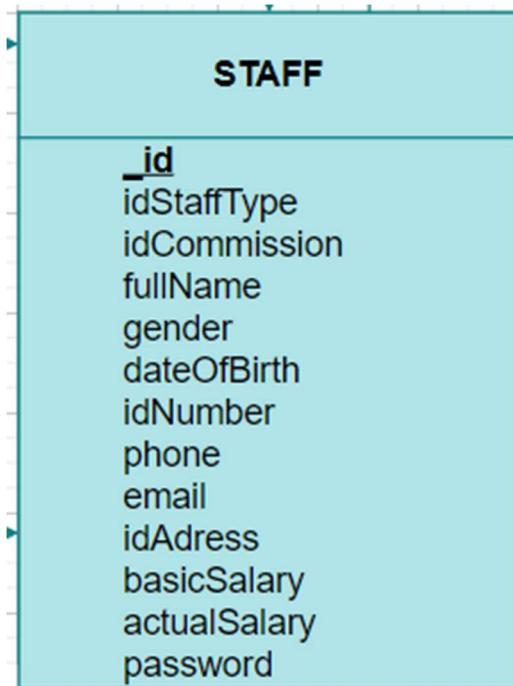
### 1.2.3.12. Delivery Method



STT	Tên thuộc tính	Loại	Ràng buộc	Ý nghĩa/ Ghi chú
1	id	String	Private	Id phương thức vận chuyển
2	name	String	Private	Tên phương thức vận chuyển
3	innerDistrictFee	Int	Private	Phí giao hàng nội quận
4	outerDistrictFee	Int	Private	Phí giao hàng ngoại quận
5	surCharges	Int	Private	Phụ phí
6	feeChangeAddressDelivery	Int	Private	Phí thay đổi địa chỉ giao hàng
7	feeStorageCharges	Int	Private	Phí lưu kho
8	feeReturn	Int	Private	Phí hoàn trả đơn hàng

Bảng 48 Danh sách thuộc tính bảng Delivery Method

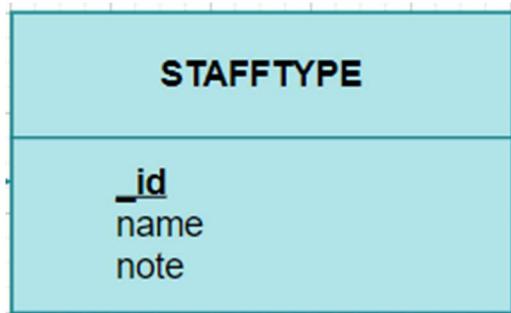
### 1.2.3.13. Staff



STT	Tên thuộc tính	Loại	Ràng buộc	Ý nghĩa/ Ghi chú
1	<b>id</b>	String	Private	Mã nhân viên
2	<b>idStaffType</b>	String	Private	Mã loại nhân viên
3	<b>idCommission</b>	String	Private	Mã chính sách
4	<b>fullName</b>	String	Private	Họ và tên nhân viên
5	<b>gender</b>	String	Private	Giới tính
6	<b>dateOfBirth</b>	String	Private	Ngày sinh
7	<b>idNumber</b>	String	Private	Số chứng minh nhân dân
8	<b>phone</b>	String	Private	Số điện thoại
9	<b>email</b>	String	Private	Email
10	<b>idAddress</b>	String	Private	Mã địa chỉ
11	<b>basicSalary</b>	Int	Private	Lương cơ bản
12	<b>actualSalary</b>	Int	Private	Lương thực nhận
13	<b>password</b>	String	Private	Mật khẩu

Bảng 49 Danh sách thuộc tính bảng Staff

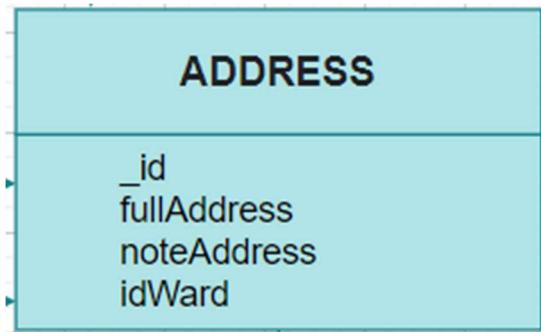
#### 1.2.3.14. Staff Type



STT	Tên thuộc tính	Loại	Ràng buộc	Ý nghĩa/ Ghi chú
1	id	String	Private	Mã loại nhân viên
2	name	String	Private	Tên loại nhân viên
3	note	String	Private	Ghi chú loại nhân viên

Bảng 50 Danh sách thuộc tính bảng Staff Type

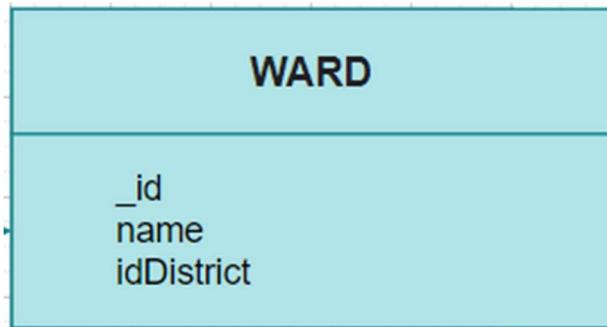
#### 1.2.3.15. Address



STT	Tên thuộc tính	Loại	Ràng buộc	Ý nghĩa/ Ghi chú
1	_id	String	Private	Mã địa chỉ
2	fullAddress	String	Private	Địa chỉ đầy đủ
3	noteAddress	String	Private	Ghi chú địa chỉ
4	idWard	String	Private	Mã phường

Bảng 51 Danh sách thuộc tính bảng Address

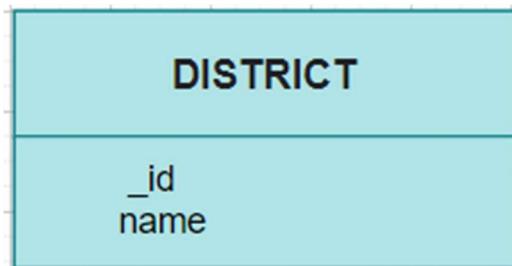
### 1.2.3.16. Ward



STT	Tên thuộc tính	Loại	Ràng buộc	Ý nghĩa/ Ghi chú
1	id	String	Private	Mã phường
2	name	String	Private	Tên phường
3	idDistrict	String	Private	Mã quận

Bảng 52 Danh sách thuộc tính bảng Ward

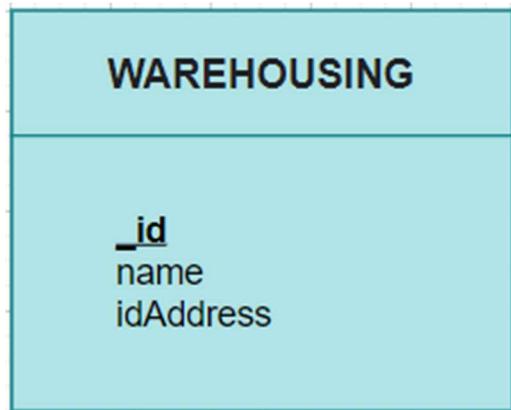
### 1.2.3.17. District



STT	Tên thuộc tính	Loại	Ràng buộc	Ý nghĩa/ Ghi chú
1	_id	String	Private	Mã quận
2	name	String	Private	Tên quận

Bảng 53 Danh sách thuộc tính bảng District

### 1.2.3.18. Ware Housing



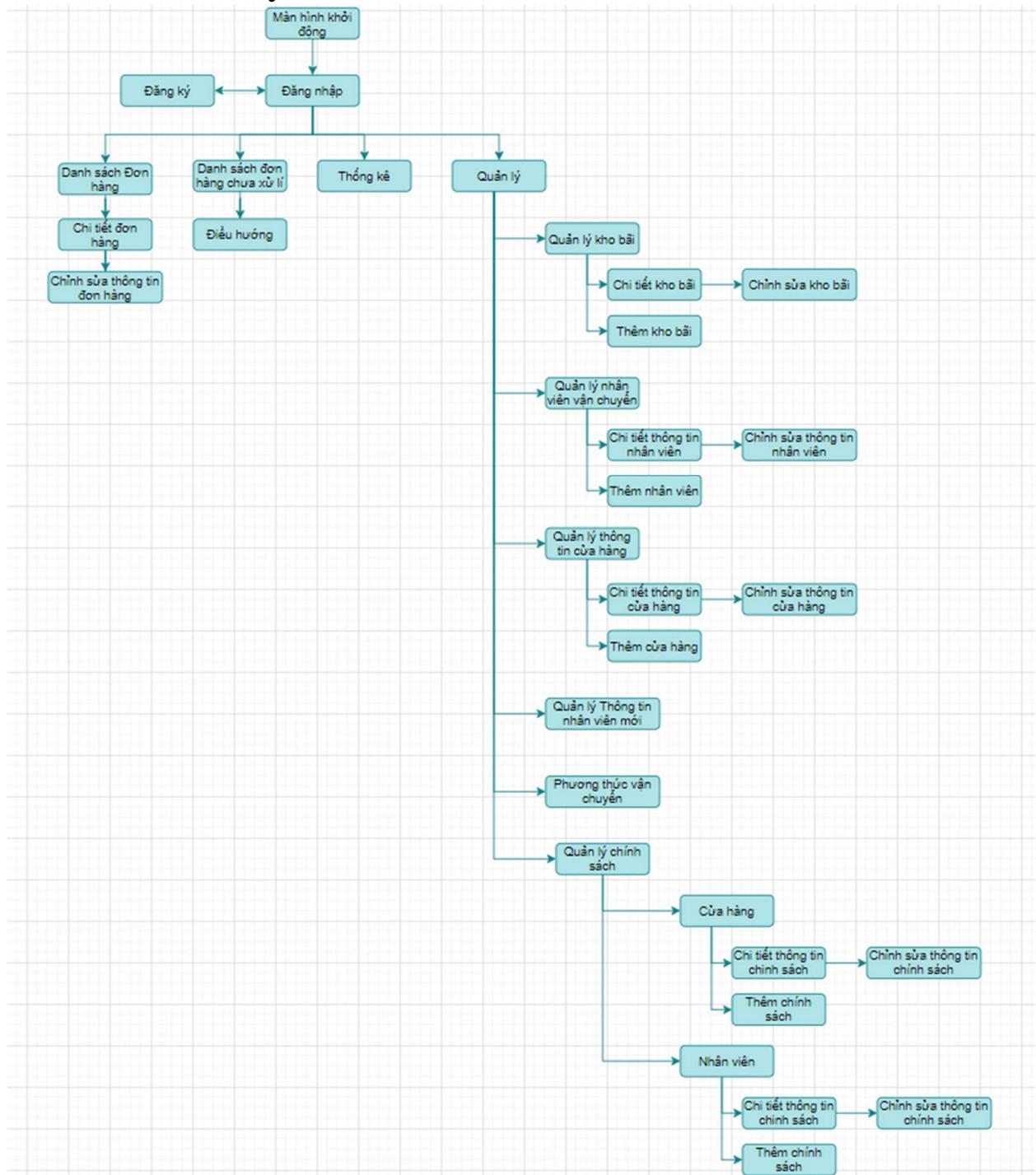
STT	Tên thuộc tính	Loại	Ràng buộc	Ý nghĩa/ Ghi chú
1	id	String	Private	Mã kho
2	name	String	Private	Tên kho
3	idAddress	String	Private	Mã địa chỉ kho

Bảng 54 Danh sách thuộc tính bảng WareHousing

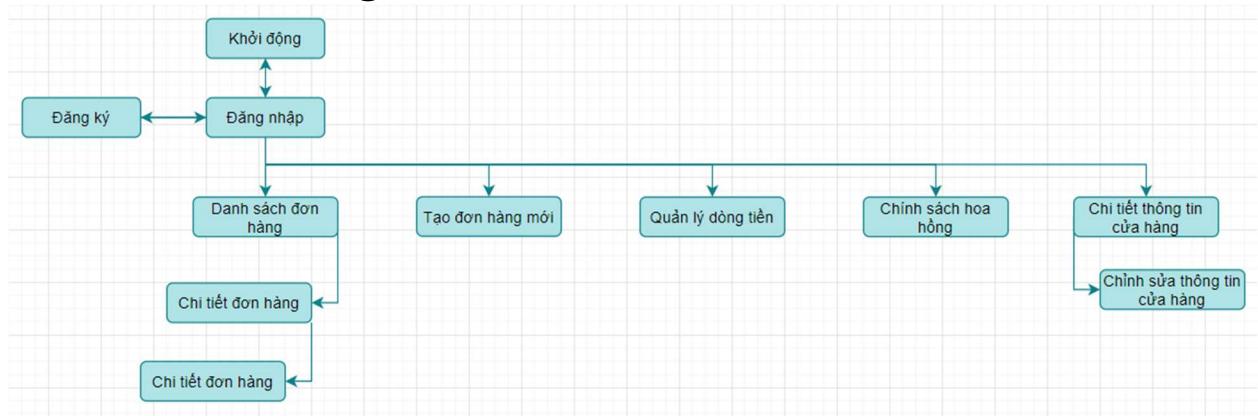
## 2. Thiết kế giao diện

### 2.1. Sơ đồ liên kết màn hình

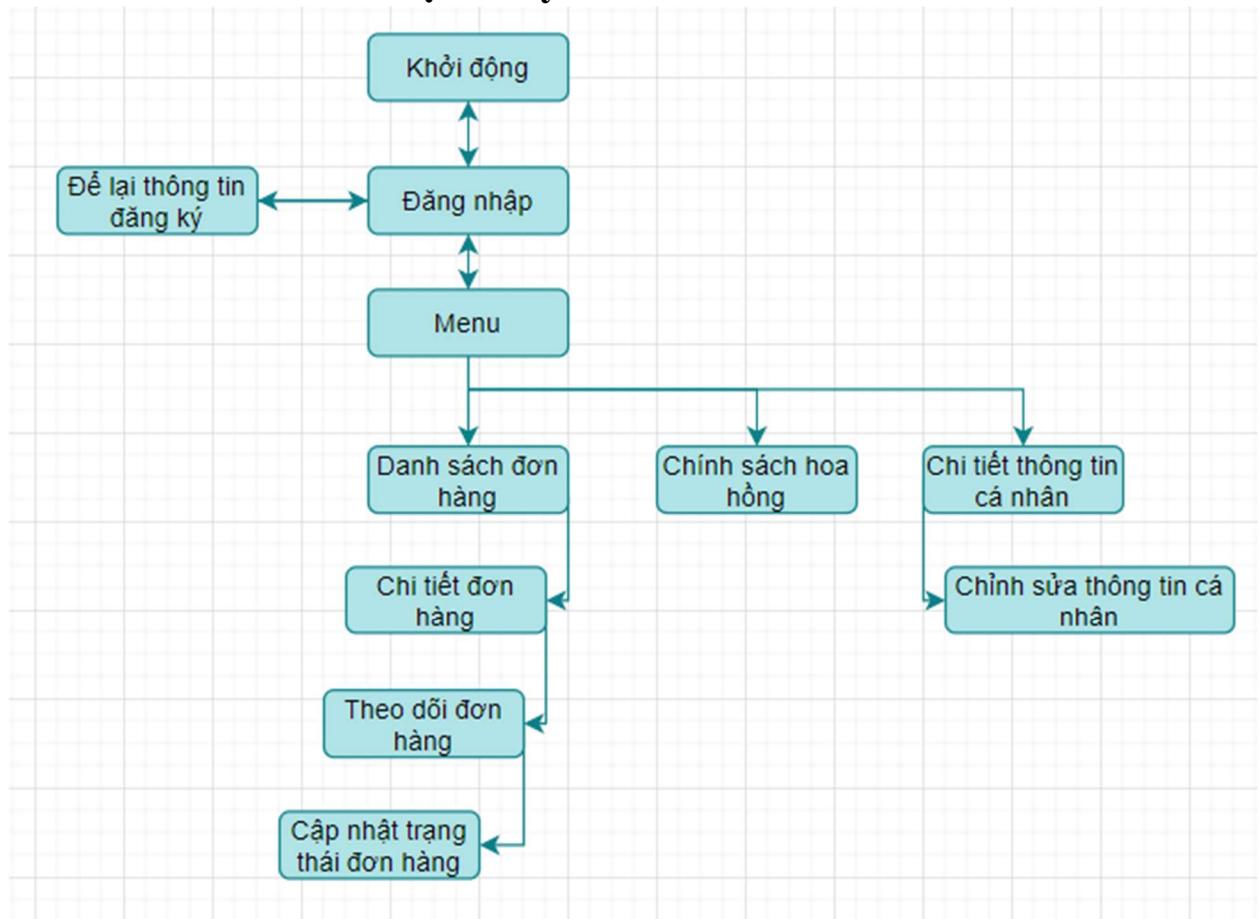
#### 2.1.1. Quản lý



## 2.1.2. Cửa hàng



## 2.1.3. Nhân viên vận chuyển



## 2.2. Mô tả các đối tượng trên màn hình

### 2.2.1. Quản lý

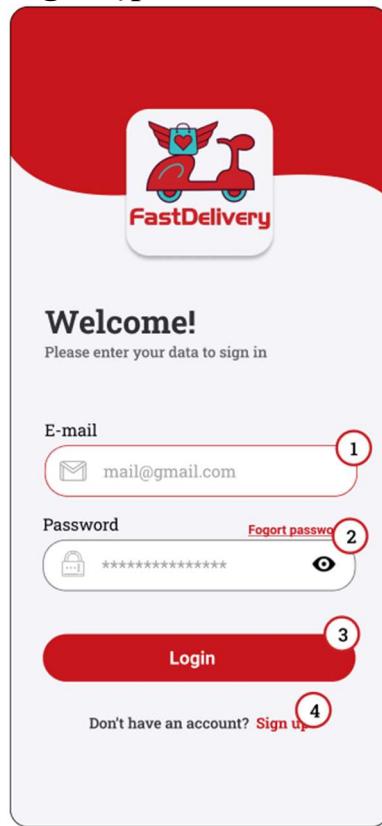
#### 2.2.1.1. Màn hình khởi động



STT	Tên xử lý	Ý Nghĩa	Điều kiện gọi	Ghi chú
1	Bắt đầu	Chuyển sang màn hình đăng nhập để sử dụng hệ thống	Người dùng bấm vào nút “Get started”	

Bảng 55. Danh sách xử lý màn hình khởi động App Delivery Manager

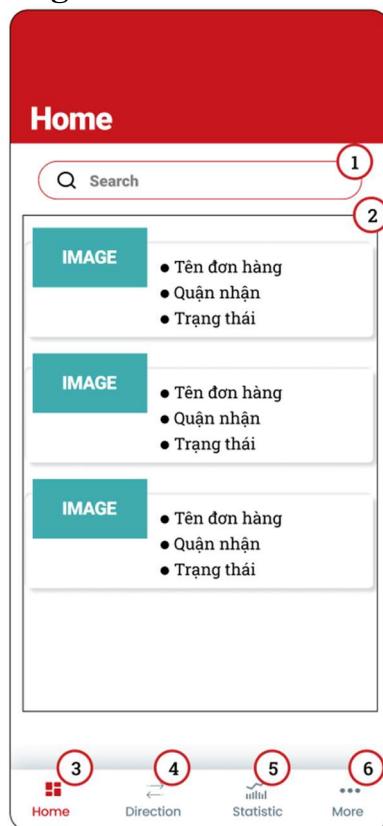
### 2.2.1.2. Màn hình đăng nhập



STT	Tên xử lý	Ý Nghĩa	Điều kiện gọi	Ghi chú
1	Điền tên tài khoản	Điền địa chỉ email tài khoản để đăng nhập	Người dùng nhấn vào “1”	
2	Điền mật khẩu	Điền mật khẩu để đăng nhập	Người dùng nhấn vào “2”	
3	Đăng nhập	Đăng nhập vào hệ thống chuyển sang màn hình “Trang chủ”	Người dùng nhấn vào nút “Login”	
4	Đăng ký	Đăng ký tài khoản	Người dùng nhấn vào nút “Sign up”	

Bảng 56. Danh sách xử lý màn hình đăng nhập

### 2.2.1.3. Màn hình trang chủ



STT	Tên xử lý	Ý Nghĩa	Điều kiện gọi	Ghi chú
1	Tìm kiếm	Tìm kiếm đơn hàng	Người dùng rời khỏi “1”	
2	Danh sách đơn hàng	Hiển thị danh sách đơn hàng đã xử lý		Tự động Load
3	Home	Chuyển về màn hình trang chủ	Người dùng nhấn vào nút “Home”	
4	Direction	Chuyển về màn hình “Danh sách đơn hàng chưa xử lý”	Người dùng nhấn vào nút “Direction”	
5	Statistic	Chuyển về màn hình “Thống kê”	Người dùng nhấn vào nút “Statistic”	
6	More	Chuyển về màn hình “More”	Người dùng nhấn vào nút “More”	

Bảng 57. Danh sách xử lý màn hình trang chủ

#### 2.2.1.4. Màn hình chi tiết đơn hàng

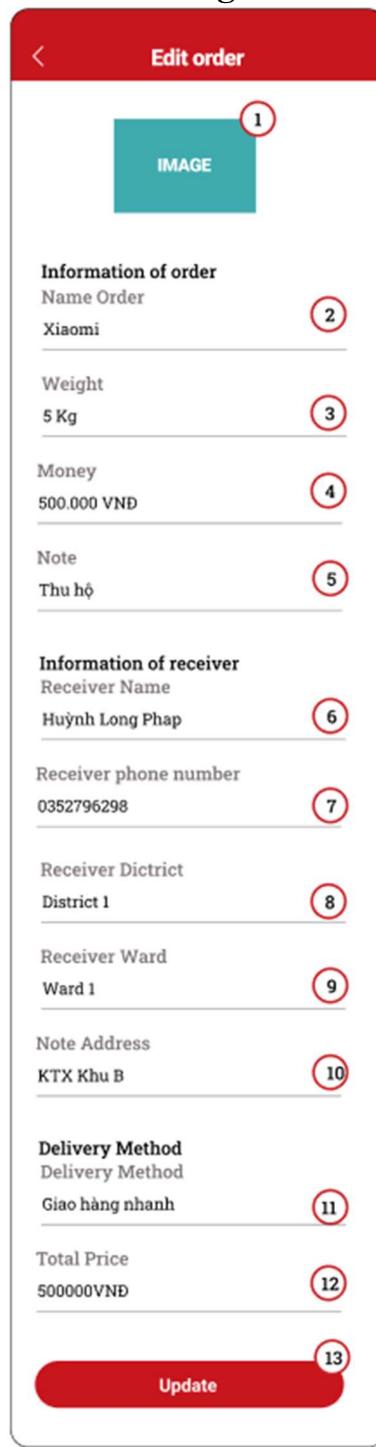


STT	Tên xử lí	Ý Nghĩa	Điều kiện gọi	Ghi chú
1	Hình đơn hàng	Hình của đơn hàng		Tự động Load
2	Chỉnh sửa đơn hàng	Chỉnh sửa thông tin của đơn hàng, chuyển	Người dùng bấm vào biểu tượng chỉnh sửa	

		đến màn hình “Chỉnh sửa thông tin đơn hàng”		
3	Hiển thị thông tin cơ bản đơn hàng	Hiển thị thông tin cơ bản của đơn hàng		Tự động Load
4	Hiển thị thông tin người nhận hàng	Hiển thị thông tin người nhận hàng		Tự động Load
5	Hiển thị phương thức vận chuyển của đơn hàng	Hiển thị thông tin vận chuyển của đơn hàng		Tự động Load

Bảng 58. Danh sách xử lý màn hình chi tiết đơn hàng

### 2.2.1.5. Màn hình chỉnh sửa thông tin đơn hàng



STT	Tên xử lý	Ý Nghĩa	Điều kiện gọi	Ghi chú
1	Chỉnh sửa ảnh đơn hàng	Chỉnh sửa ảnh của đơn hàng	Sau khi người dùng nhấn vào “1”	
2	Chỉnh sửa tên đơn hàng	Chỉnh sửa tên đơn hàng	Sau khi người dùng nhấn vào “2”	
3	Chỉnh sửa năng đơn hàng	Chỉnh sửa năng của đơn hàng	Sau khi người dùng nhấn vào “3”	
4	Chỉnh sửa tiền đơn hàng	Chỉnh sửa tiền(tiền COD) của đơn hàng	Sau khi người dùng nhấn vào “4”	
5	Chỉnh sửa ghi chú đơn hàng	Điền ghi chú của đơn hàng	Sau khi người dùng nhấn vào “5”	
6	Chỉnh sửa tên người nhận	Chỉnh sửa tên của người nhận đơn hàng	Sau khi người dùng nhấn vào “6”	
7	Chỉnh sửa số điện thoại người nhận	Chỉnh sửa số điện thoại của người nhận đơn hàng	Sau khi người dùng nhấn vào “7”	
8	Chỉnh sửa quận người nhận	Chỉnh sửa quận thuộc địa chỉ hiện tại của người nhận	Sau khi người dùng nhấn vào “8”	
9	Chỉnh sửa phường người nhận	Chỉnh sửa phường thuộc địa chỉ hiện tại của người nhận	Sau khi người dùng nhấn vào “9”	
10	Chỉnh sửa ghi chú địa chỉ người nhận	Chỉnh sửa ghi chú địa chỉ của người nhận đơn hàng	Sau khi người dùng nhấn vào “10”	
11	Chỉnh sửa phương thức giao hàng	Chỉnh sửa phương thức giao hàng cho đơn hàng	Sau khi người dùng nhấn vào “11”	
12	Tổng chi phí giao hàng	Hiển thị tổng chi phí giao hàng sau khi chọn phương thức giao hàng	Sau khi nhấn vào “13”	
13	Cập nhật	Cập nhật thông tin mới của đơn hàng	Khi người dùng nhấn nút “Update”	

Bảng 59. Danh sách xử lý màn hình chỉnh sửa thông tin đơn hàng

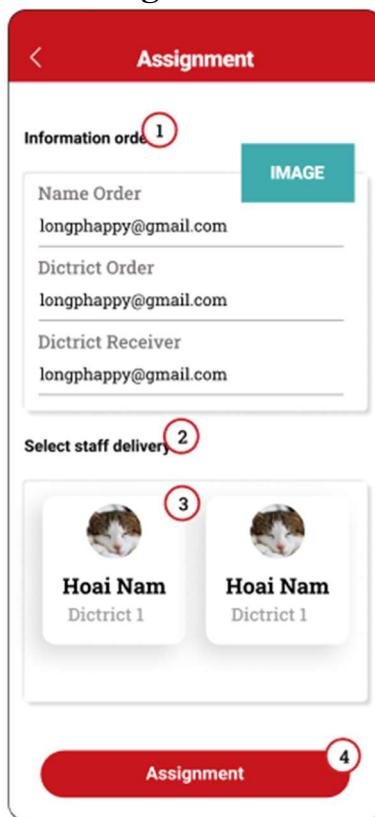
### 2.2.1.6. Màn hình danh sách đơn hàng chưa xử lý



STT	Tên xử lí	Ý Nghĩa	Điều kiện gọi	Ghi chú
1	Tìm kiếm	Tìm kiếm đơn hàng	Người dùng rời khỏi “1”	
2	Danh sách đơn hàng	Hiển thị danh sách đơn hàng đã xử lý		Tự động Load
3	Home	Chuyển về màn hình trang chủ	Người dùng nhấn vào nút “Home”	
4	Direction	Chuyển về màn hình “Danh sách đơn hàng chưa xử lý”	Người dùng nhấn vào nút “Direction”	
5	Statistic	Chuyển về màn hình “Thống kê”	Người dùng nhấn vào nút “Statistic”	
6	More	Chuyển về màn hình “More”	Người dùng nhấn vào nút “More”	

Bảng 60. Danh sách xử lý màn hình danh sách đơn hàng

### 2.2.1.7. Màn hình điều hướng



STT	Tên xử lý	Ý Nghĩa	Điều kiện gọi	Ghi chú
1	Thông tin cơ bản đơn hàng	Hiển thị thông tin cơ bản đơn hàng		Tự động Load
2	Danh sách nhân viên	Hiển thị danh sách nhân viên giao hàng		Tự động Load
3	Chọn nhân viên	Chọn nhân viên thực hiện giao nhận đơn hàng này	Người dùng nhấn vào hình ảnh nhân viên	
4	Assignment	Phân công đơn hàng đến nhân viên giao hàng	Người dùng nhấn vào nút “Assignment”	

Bảng 61. Danh sách xử lý màn hình điều hướng

### 2.2.1.8. Màn hình thống kê



STT	Tên xử lý	Ý Nghĩa	Điều kiện gọi	Ghi chú
1	Thời gian thống kê	Hiển thị thời gian thống kê, người dùng chọn để thay đổi	Người dùng nhấn vào “1”	
2	Thông tin thống kê	Hiển thị thông tin sau khi đã thống kê	Sau khi chọn “Thoi gian thống kê”	
3	Home	Chuyển về màn hình trang chủ	Người dùng nhấn vào nút “Home”	
4	Direction	Chuyển về màn hình “Danh sách đơn hàng chưa xử lý”	Người dùng nhấn vào nút “Direction”	
5	Statistic	Chuyển về màn hình “Thống kê”	Người dùng nhấn vào nút “Statistic”	
6	More	Chuyển về màn hình “More”	Người dùng nhấn vào nút “More”	

Bảng 62. Danh sách xử lý màn hình thống kê

### 2.2.1.9. Màn hình More

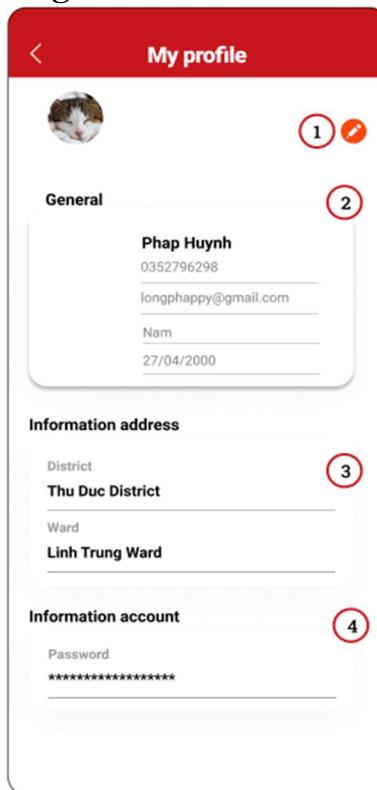


STT	Tên xử lí	Ý Nghĩa	Điều kiện gọi	Ghi chú
1	Thông tin cá nhân	Chuyển đến màn hình hiển thị thông tin cá nhân	Khi người dùng nhấn vào biểu tượng chỉnh sửa	
2	Quản lý nhân viên	Chuyển đến màn hình quản lý nhân viên	Khi người dùng nhấn vào nút “ Delivery Staff Management ”	
3	Quản lý cửa hàng	Chuyển đến màn hình quản lý cửa hàng	Khi người dùng nhấn vào nút “ Store Management ”	
4	Quản lý kho bãi	Chuyển đến màn hình quản lý kho bãi	Khi người dùng nhấn vào nút “ Ware Housing Management ”	
5	Quản lý thông tin nhân viên mới	Chuyển đến màn hình danh sách thông tin nhân viên mới	Khi người dùng nhấn vào nút “ Information Sign Up ”	

6	Quản lý phương thức vận chuyển	Chuyển đến màn hình quản lý phương thức vận chuyển	Khi người dùng nhấn vào nút “Delivery Method”	
7	Quản lý chính sách hoa hồng	Chuyển đến màn hình quản lý chính sách hoa hồng	Khi người dùng nhấn vào nút “Policy Management”	

Bảng 63. Danh sách xử lý màn hình More

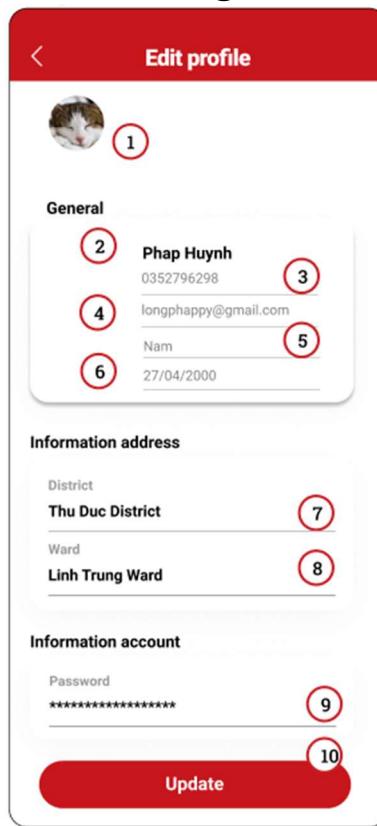
#### 2.2.1.10. Màn hình thông tin cá nhân



STT	Tên xử lý	Ý Nghĩa	Điều kiện gọi	Ghi chú
1	Chỉnh sửa thông tin cá nhân	Chuyển đến màn hình chỉnh sửa thông tin cá nhân	Người dùng nhấn vào biểu tượng chỉnh sửa	
2	Hiển thị thông tin cơ bản	Hiển thị thông tin cơ bản của người dùng		
3	Hiển thị thông tin địa chỉ	Hiển thị thông tin địa chỉ của người dùng		
4	Hiển thị thông tin tài khoản	Hiển thị thông tin tài khoản của người dùng		

Bảng 64. Danh sách xử lý màn hình thông tin cá nhân

### 2.2.1.11. Màn hình chỉnh sửa thông tin cá nhân

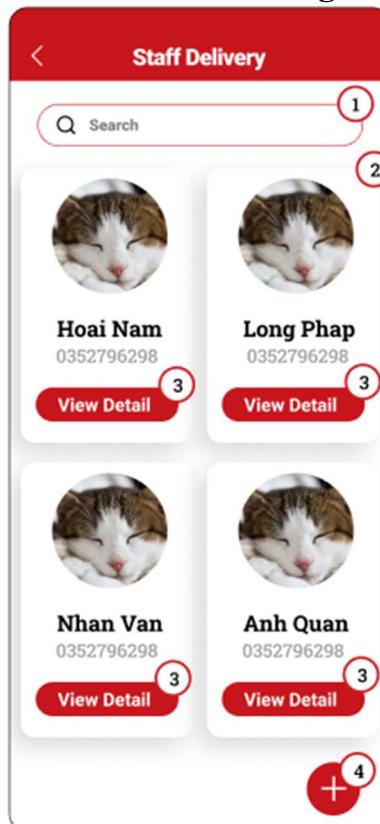


STT	Tên xử lí	Ý Nghĩa	Điều kiện gọi	Ghi chú
1	Chỉnh sửa ảnh người dùng	Chỉnh sửa ảnh của người dùng		
2	Chỉnh sửa tên người dùng	Chỉnh sửa tên của người dùng		
3	Chỉnh sửa số điện thoại người dùng	Chỉnh sửa số điện thoại của người dùng		
4	Chỉnh sửa địa chỉ email người dùng	Chỉnh sửa địa chỉ email của người dùng		
5	Chỉnh sửa quận thuộc địa chỉ người dùng	Chỉnh sửa quận thuộc địa chỉ hiện tại của người dùng		
6	Chỉnh sửa phường thuộc địa chỉ người dùng	Chỉnh sửa phường thuộc địa chỉ hiện tại của người dùng		

7	Chỉnh sửa thông tin tài khoản	Chỉnh sửa thông tin tài khoản hiện tại của người dùng		
8	Cập nhật	Cập nhật thông tin mới của người dùng	Khi người dùng nhấn nút Update	

Bảng 65. Danh sách xử lý màn hình chỉnh sửa thông tin cá nhân

### 2.2.1.12. Màn hình danh sách nhân viên giao hàng



STT	Tên xử lí	Ý Nghĩa	Điều kiện gọi	Ghi chú
1	Tìm kiếm	Tìm kiếm nhân viên vận chuyển	Sau khi rời khỏi “1”	
2	Danh sách nhân viên giao hàng	Hiển thị danh sách nhân viên giao hàng	Không có	Tự động Load
3	Chi tiết nhân viên	Xem chi tiết nhân viên vận chuyển	Người dùng nhấn vào “3”	
4	Thêm nhân viên	Tạo tài khoản mới dành cho nhân viên vận chuyển	Người dùng nhấn vào “4”	

Bảng 66. Danh sách xử lý màn hình danh sách nhân viên

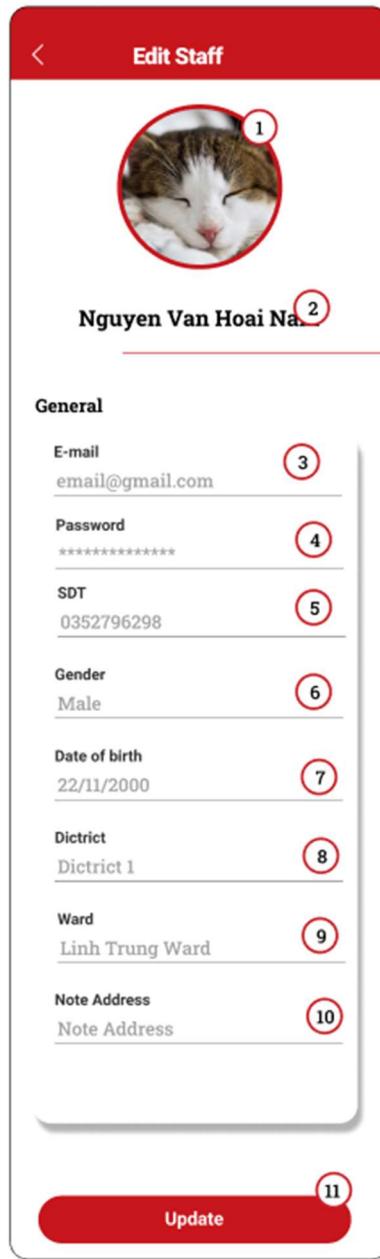
### 2.2.1.13. Màn hình chi tiết nhân viên giao hàng



STT	Tên xử lí	Ý Nghĩa	Điều kiện gọi	Ghi chú
1	Chỉnh sửa thông tin nhân viên vận chuyển	Chuyển đến màn hình chỉnh sửa thông tin nhân viên vận chuyển	Sau khi nhấn nút “1”	
2	Hiển thị ảnh đại diện	Hiển thị ảnh đại diện của nhân viên vận chuyển	Không có	Tự động Load
3	Hiển thị tên nhân viên vận chuyển	Hiển thị tên cửa hàng	Không có	Tự động Load
4	Hiển thị thông tin cơ bản	Hiển thị thông tin cơ bản của nhân viên vận chuyển	Không có	Tự động Load

Bảng 67. Danh sách xử lý màn hình chi tiết nhân viên giao hàng

#### 2.2.1.14. Màn hình chỉnh sửa nhân viên giao hàng



STT	Tên xử lí	Ý Nghĩa	Điều kiện gọi	Ghi chú
1	Chỉnh sửa ảnh đại diện	Chỉnh sửa ảnh đại diện của nhân viên vận chuyển	Sau khi nhấn vào “1”	
2	Chỉnh sửa tên	Chỉnh sửa tên của nhân viên vận chuyển	Sau khi nhấn vào “2”	
3	Chỉnh sửa địa chỉ email	Chỉnh sửa địa chỉ email của nhân viên vận chuyển	Sau khi nhấn vào “3”	

4	Chỉnh sửa mật khẩu	Chỉnh sửa mật khẩu của nhân viên vận chuyển	Sau khi nhấn vào “4”	
5	Chỉnh sửa số điện thoại nhân viên vận chuyển	Chỉnh sửa số điện thoại nhân viên vận chuyển	Sau khi nhấn vào “5”	
6	Chỉnh sửa giới tính	Chỉnh sửa giới tính của nhân viên vận chuyển	Sau khi nhấn vào “6”	
7	Chỉnh sửa ngày sinh	Chỉnh sửa ngày sinh của nhân viên vận chuyển	Sau khi nhấn vào “7”	
8	Chỉnh sửa địa chỉ quận	Chỉnh sửa địa chỉ quận của nhân viên vận chuyển	Sau khi nhấn vào “8”	
9	Chỉnh sửa địa chỉ phường	Chỉnh sửa địa chỉ phường của nhân viên vận chuyển	Sau khi nhấn vào “9”	
10	Chỉnh sửa ghi chú địa chỉ	Chỉnh sửa ghi chú địa chỉ nhân viên vận chuyển	Sau khi nhấn vào “10”	
11	Cập nhật thông tin	Cập nhật thông tin đã nhập	Sau khi nhấn nút “Update”	

Bảng 68. Danh sách xử lý màn hình chỉnh sửa nhân viên giao hàng

### 2.2.1.15. Màn hình tạo mới nhân viên giao hàng



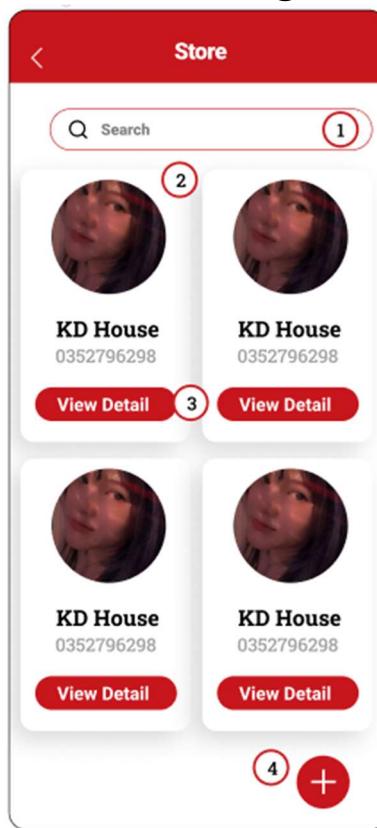
The screenshot shows a mobile application interface for creating a new staff member. The title bar at the top is red with the text 'Create Staff'. Below the title, a message reads 'Please enter your data to register staff delivery'. The form consists of ten fields, each with a red numbered circle (1-10) in the top right corner:

- E-mail (1): mail@gmail.com
- Password (2): \*\*\*\*\*
- Full Name (3): Nguyen Van Hoai Nam
- SDT (4): 0912039012
- Gender (5): Male
- Date of birth (6): 22/11/2000
- District (7): District 1
- Ward (8): linh trung Ward
- Note Address (9): Note Address
- Create (10): A red button at the bottom.

STT	Tên xử lý	Ý Nghĩa	Điều kiện gọi	Ghi chú
1	Điền địa chỉ email	Điền địa chỉ email của nhân viên vận chuyển	Sau khi nhấn vào “1”	
2	Điền mật khẩu	Điền mật khẩu của nhân viên vận chuyển	Sau khi nhấn vào “2”	
3	Điền họ và tên	Điền họ và tên của nhân viên vận chuyển	Sau khi nhấn vào “3”	
4	Điền số điện thoại	Điền số điện thoại của nhân viên vận chuyển	Sau khi nhấn vào “4”	
5	Chọn giới tính	Chọn giới tính của nhân viên vận chuyển	Sau khi nhấn vào “5”	
6	Chọn ngày tháng năm sinh	Chọn ngày tháng năm sinh của nhân viên vận chuyển	Sau khi nhấn vào “6”	
7	Chọn địa chỉ quận	Chọn địa chỉ quận nơi cư trú của nhân viên vận chuyển	Sau khi nhấn vào “7”	
8	Chọn địa chỉ phường	Chọn địa chỉ phường nơi cư trú của nhân viên vận chuyển	Sau khi nhấn vào “8”	
9	Điền ghi chú địa chỉ	Điền ghi chú địa chỉ (số nhà, tên đường,...) của nhân viên vận chuyển	Sau khi nhấn vào “9”	
10	Tạo nhân viên	Tạo nhân viên mới dựa trên thông tin đã nhập	Sau khi người dùng nhấp vào “Create”	

Bảng 69. Danh sách xử lý màn hình tạo mới nhân viên giao hàng

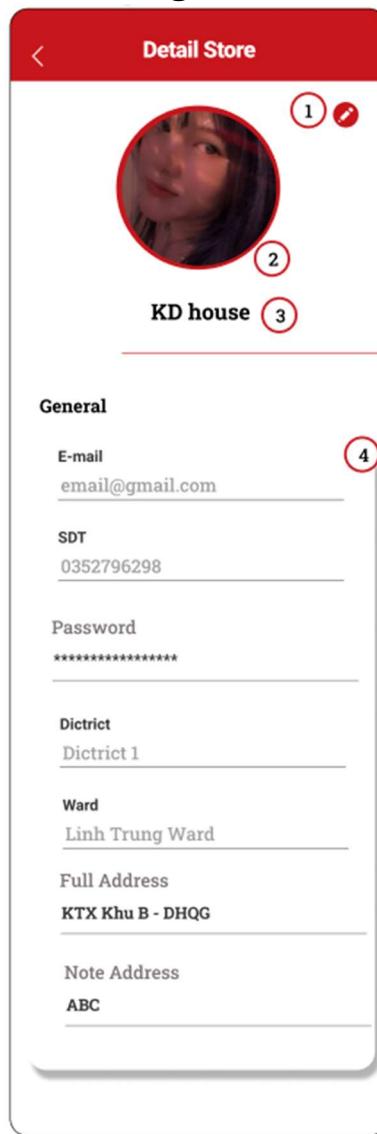
### 2.2.1.16. Màn hình danh sách cửa hàng



STT	Tên xử lí	Ý Nghĩa	Điều kiện gọi	Ghi chú
1	Tìm kiếm cửa hàng	Tìm kiếm cửa hàng trong danh sách cửa hàng	Người dùng nhấn và nhập từ khóa tìm kiếm	
2	Hiển thị thông tin cửa hàng	Hiển thị thông tin cơ bản của cửa hàng		
3	Xem chi tiết thông tin	Xem chi tiết thông tin của cửa hàng	Người dùng nhấn vào nút “View Detail”	
4	Thêm cửa hàng	Tạo mới, thêm cửa hàng mới vào hệ thống	Người dùng nhấn vào nút có biểu tượng thêm	

Bảng 70. Danh sách xử lý màn hình danh sách cửa hàng

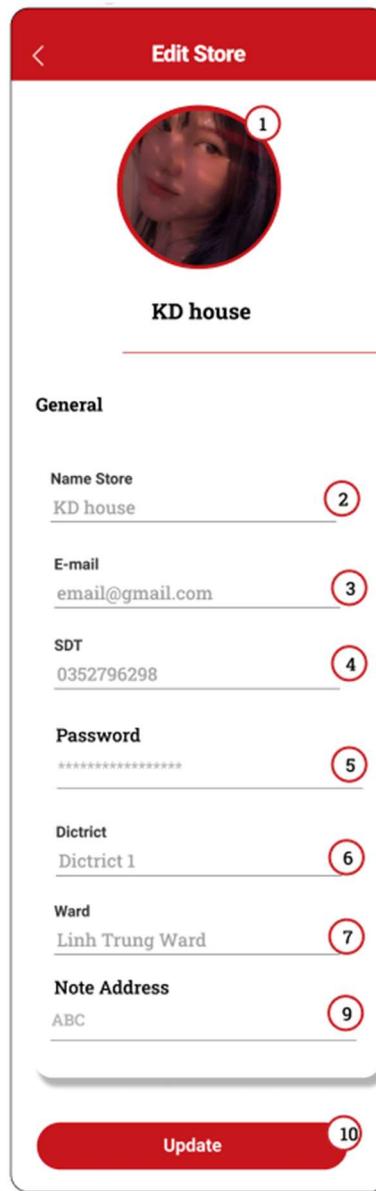
### 2.2.1.17. Màn hình chi tiết thông tin cửa hàng



STT	Tên xử lý	Ý Nghĩa	Điều kiện gọi	Ghi chú
1	Chỉnh sửa thông tin cửa hàng	Chuyển đến màn hình chỉnh sửa thông tin cửa hàng		
2	Chỉnh sửa ảnh cửa hàng	Chỉnh sửa ảnh đại diện cửa hàng		
3	Hiển thị tên cửa hàng	Hiển thị tên cửa hàng		
4	Hiển thị thông tin cơ bản	Hiển thị thông tin cơ bản của cửa hàng		

Bảng 71. Danh sách xử lý màn hình chi tiết thông tin cửa hàng

### 2.2.1.18. Màn hình chỉnh sửa thông tin cửa hàng

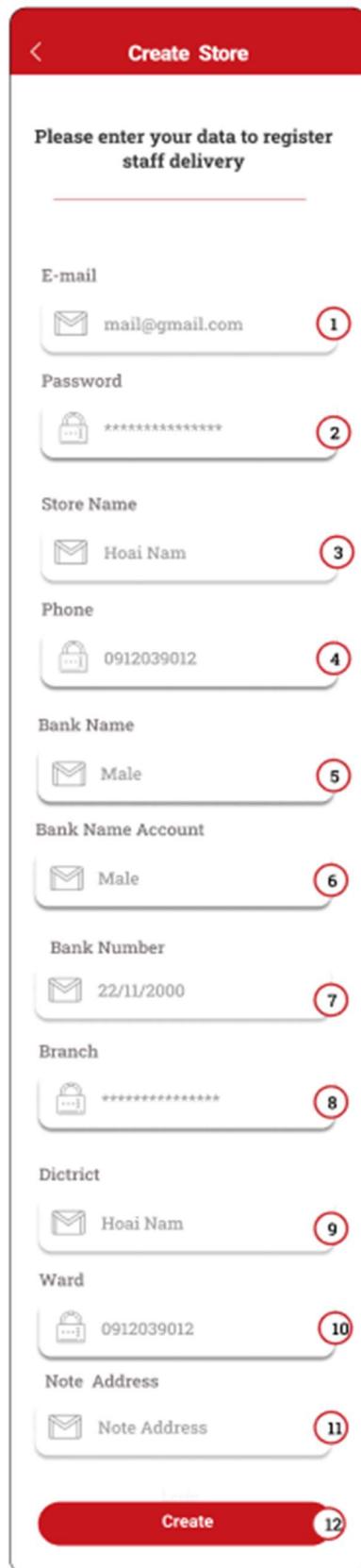


STT	Tên xử lí	Ý Nghĩa	Điều kiện gọi	Ghi chú
1	Chỉnh sửa ảnh đại diện	Chỉnh sửa ảnh đại diện của cửa hàng		
2	Chỉnh sửa tên cửa hàng	Chỉnh sửa tên của cửa hàng		
3	Chỉnh sửa địa chỉ email cửa hàng	Chỉnh sửa địa chỉ email của cửa hàng		
4	Chỉnh sửa số điện thoại cửa hàng	Chỉnh sửa số điện thoại của cửa hàng		

5	Chỉnh sửa mật khẩu tài khoản cửa hàng	Chỉnh sửa mật khẩu tài khoản của cửa hàng		
6	Chỉnh sửa địa chỉ quận cửa hàng	Chỉnh sửa địa chỉ quận của cửa hàng		
7	Chỉnh sửa địa chỉ phường cửa hàng	Chỉnh sửa địa chỉ phường của cửa hàng		
8	Chỉnh sửa ghi chú địa chỉ cửa hàng	Chỉnh sửa ghi chú địa chỉ của cửa hàng		
9	Cập nhật thông tin	Cập nhật thông tin đã chỉnh sửa lên cửa hàng	Khi người dùng nhấn vào nút “Update”	

Bảng 72. Danh sách xử lý màn hình chỉnh sửa thông tin cửa hàng

### 2.2.1.19. Màn hình tạo mới cửa hàng



The screenshot shows a mobile application interface for creating a new store. The title 'Create Store' is at the top. A message says 'Please enter your data to register staff delivery'. The form contains the following fields with numbered circles (1-12) indicating specific points of interest:

- E-mail (1): mail@gmail.com
- Password (2): \*\*\*\*\*
- Store Name (3): Hoai Nam
- Phone (4): 0912039012
- Bank Name (5): Male
- Bank Name Account (6): Male
- Bank Number (7): 22/11/2000
- Branch (8): \*\*\*\*\*
- District (9): Hoai Nam
- Ward (10): 0912039012
- Note Address (11): Note Address
- Create (12): A red button at the bottom.

STT	Tên xử lí	Ý Nghĩa	Điều kiện gọi	Ghi chú
1	Điền địa chỉ Email	Điền địa chỉ email cho tài khoản		
2	Điền password	Điền mật khẩu của tài khoản		
3	Điền tên cửa hàng	Điền tên cửa hàng		
4	Điền số điện thoại cửa hàng	Điền số điện thoại của cửa hàng		
5	Chọn tên ngân hàng	Chọn tên ngân hàng cửa hàng đăng ký tài khoản ngân hàng		
6	Điền tên tài khoản ngân hàng	Điền tên tài khoản ngân hàng của cửa hàng		
7	Điền số tài khoản ngân hàng	Điền số tài khoản ngân hàng của cửa hàng		
8	Điền chi nhánh ngân hàng	Điền số chi nhánh ngân hàng của cửa hàng		
9	Chọn quận	Chọn quận thuộc địa chỉ cửa hàng		
10	Chọn phường	Chọn phường thuộc địa chỉ cửa hàng		
11	Ghi chú địa chỉ cửa hàng	Điền ghi chú cho địa chỉ cửa hàng		
12	Điền chi nhánh ngân hàng	Điền chi nhánh ngân hàng cửa hàng đăng ký tài khoản		
12	Tạo tài khoản	Tạo tài khoản cửa hàng mới	Khi người dùng nhấn vào nút Create	

Bảng 73. Danh sách xử lý màn hình tạo mới cửa hàng

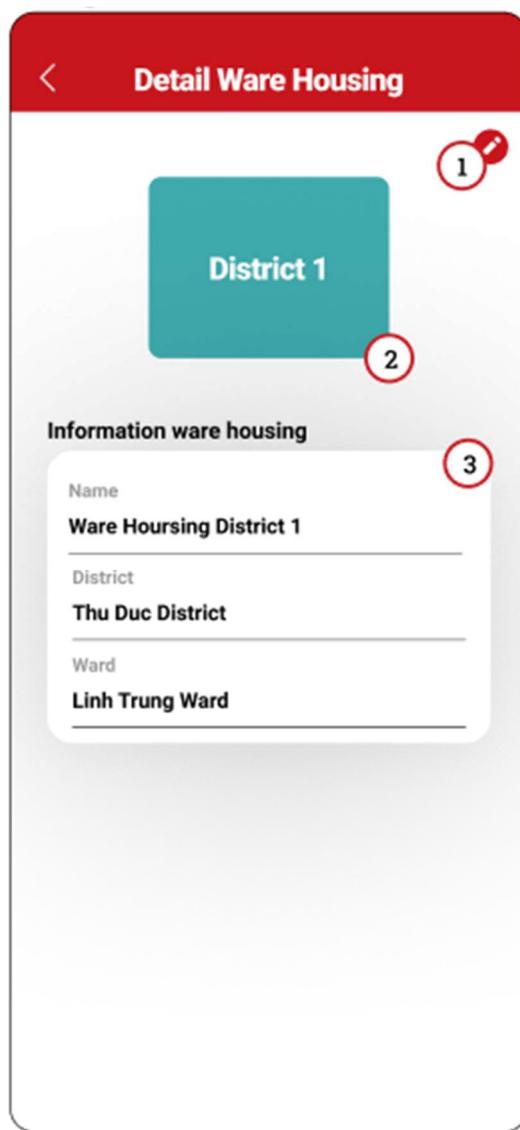
### 2.2.1.20. Màn hình danh sách kho bãi



STT	Tên xử lý	Ý Nghĩa	Điều kiện gọi	Ghi chú
1	Tìm kiếm kho bãi	Tìm kiếm kho bãi trong danh sách kho bãi	Người dùng nhấn và nhập từ khóa tìm kiếm	
2	Hiển thị thông tin kho bãi	Hiển thị thông tin của kho bãi		
3	Tạo kho bãi	Tạo kho bãi mới	Người dùng bấm vào biểu tượng tạo mới	

Bảng 74. Danh sách xử lý màn hình danh sách kho bãi

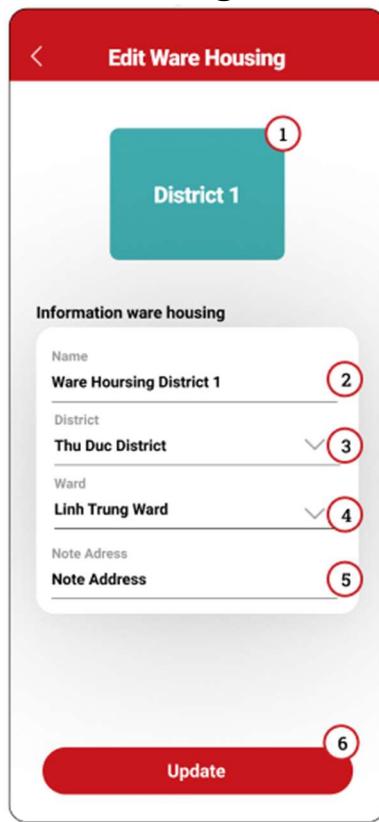
### 2.2.1.21. Màn hình chi tiết kho bãi



STT	Tên xử lý	Ý Nghĩa	Điều kiện gọi	Ghi chú
1	Chỉnh sửa thông tin kho bãi	Chuyển màn hình đến màn hình chỉnh sửa thông tin kho bãi	Khi người dùng nhấn vào biểu tượng chỉnh sửa	
2	Hiển thị hình kho bãi	Hiển thị hình ảnh kho bãi		
3	Hiển thị thông tin	Hiển thông tin kho bãi		

Bảng 75. Danh sách xử lý màn hình chi tiết kho bãi

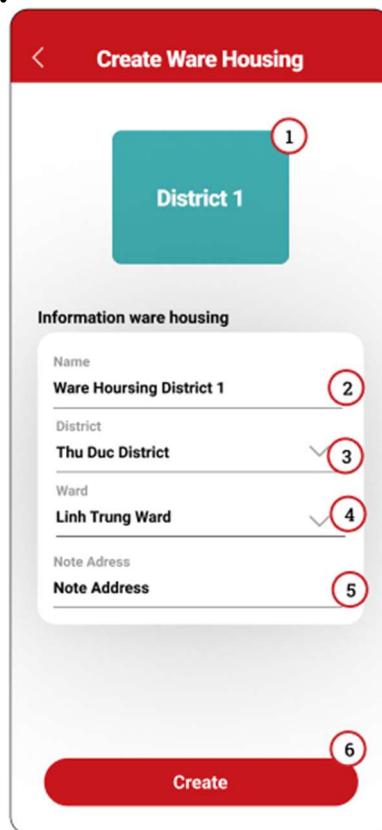
### 2.2.1.22. Màn hình chỉnh sửa thông tin kho bãi



STT	Tên xử lý	Ý Nghĩa	Điều kiện gọi	Ghi chú
1	Chỉnh sửa hình ảnh	Chỉnh sửa hình ảnh kho bãi	Khi người dùng nhấn vào ô ảnh	
2	Chỉnh sửa tên	Chỉnh sửa tên kho bãi	Khi người dùng nhấn vào tên	
3	Chỉnh sửa quận	Chỉnh sửa quận thuộc địa chỉ kho bãi	Khi người dùng ấn vào quận	
4	Chỉnh sửa phường	Chỉnh sửa phường thuộc địa chỉ kho bãi	Khi người dùng ấn vào phường	
5	Chỉnh sửa ghi chú địa chỉ	Chỉnh sửa ghi chú địa chỉ kho bãi	Khi người dùng nháy vào ghi chú địa chỉ	
6	Cập nhật thông tin	Cập nhật thông tin kho bãi sau chỉnh sửa lên hệ thống	Khi người dùng nhấn vào nút “Update”	

Bảng 76. Danh sách xử lý màn hình chỉnh sửa thông tin kho bãi

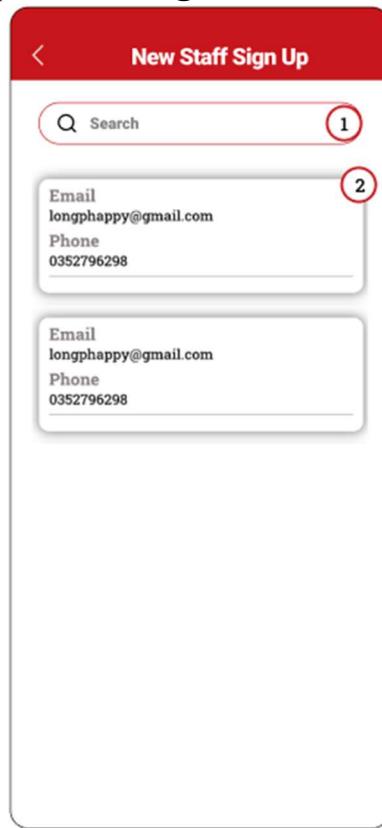
### 2.2.1.23. Màn hình tạo mới kho bãi



STT	Tên xử lý	Ý Nghĩa	Điều kiện gọi	Ghi chú
1	Tạo mới hình ảnh	Tạo mới hình ảnh kho bãi	Khi người dùng nhấn vào ô ảnh	
2	Điền tên	Điền tên kho bãi		
3	Điền quận	Điền quận thuộc địa chỉ kho bãi		
4	Điền phường	Điền phường thuộc địa chỉ kho bãi		
5	Điền ghi chú địa chỉ	Điền ghi chú địa chỉ kho bãi		
6	Tạo mới thông tin	Tạo mới thông tin kho bãi sau khi điền lên hệ thống	Khi người dùng nhấn vào nút “Create”	

Bảng 77. Danh sách xử lý màn hình tạo mới kho bãi

#### 2.2.1.24. Màn hình quản lý thông tin nhân viên mới



STT	Tên xử lý	Ý Nghĩa	Điều kiện gọi	Ghi chú
1	Tìm kiếm thông tin	Tìm kiếm thông tin trong danh sách	Người dùng nhấn và nhập từ khóa tìm kiếm	
2	Hiển thị thông tin	Hiển thị chi tiết thông tin của từng nhân viên mới đăng ký		

Bảng 78. Danh sách xử lý màn hình quản lý thông tin nhân viên mới

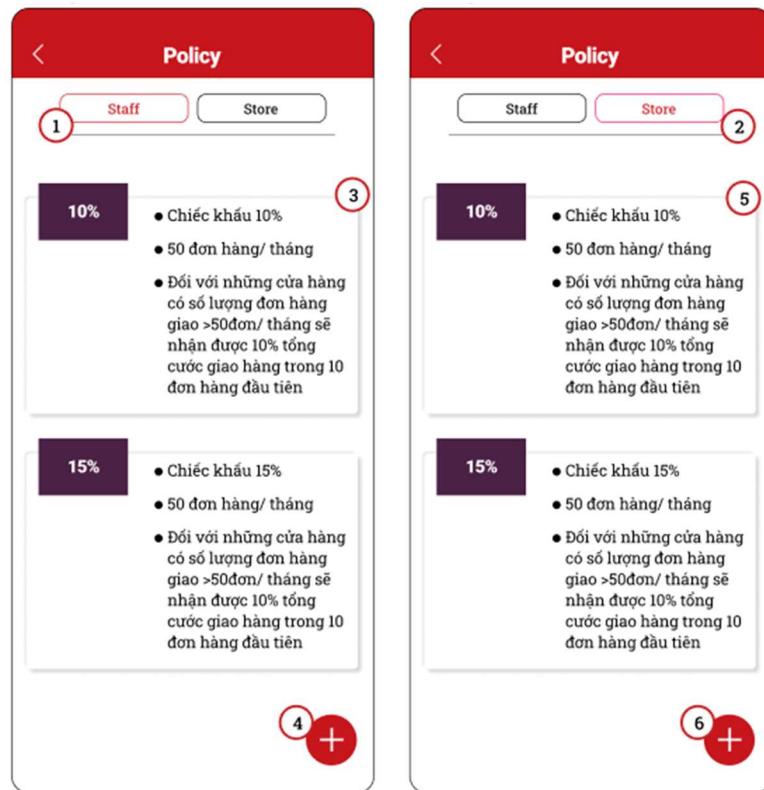
### 2.2.1.25. Màn hình quản lý phương thức vận chuyển



STT	Tên xử lý	Ý Nghĩa	Điều kiện gọi	Ghi chú
1	Hiển thị thông tin	Hiển thị chi tiết thông tin của phương thức giao hàng nhanh		
2	Hiển thị thông tin	Hiển thị chi tiết thông tin của phương thức giao hàng tiêu chuẩn		

Bảng 79. Danh sách xử lý màn hình quản lý phương thức vận chuyển

### 2.2.1.26. Màn hình quản lý chính sách

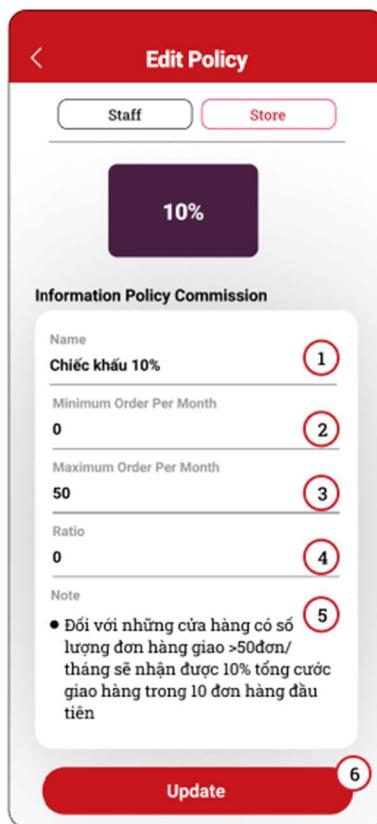


STT	Tên xử lí	Ý Nghĩa	Điều kiện gọi	Ghi chú
1	Chính sách của nhân viên	Chuyển đến màn hình chính sách của nhân viên, chính sách nhân viên đang được chọn	Khi người dùng nhấn vào nút “Staff”	
2	Chính sách của cửa hàng	Chuyển đến màn hình chính sách của cửa hàng, chính sách cửa hàng đang được chọn	Khi người dùng nhấn vào nút “Store”	
3	Hiển thị thông tin chính sách nhân viên	Hiển thị chi tiết thông tin chính sách của nhân viên trong danh sách		Nhấn vào để chỉnh sửa thông tin
4	Thêm chính sách nhân viên	Thêm chính sách nhân viên vào hệ thống	Khi người dùng nhấn vào nút tạo mới và chính sách nhân viên đang được chọn	

5	Hiển thị thông tin chính sách cửa hàng	Hiển thị chi tiết thông tin chính sách của cửa hàng trong danh sách		Nhấn vào để chỉnh sửa thông tin
6	Thêm chính sách cửa hàng	Thêm chính sách cửa hàng vào hệ thống	Khi người dùng nhấn vào nút tạo mới và chính sách cửa hàng đang được chọn	

Bảng 80. Danh sách xử lý màn hình quản lý chính sách

### 2.2.1.27. Màn hình chỉnh sửa chính sách



STT	Tên xử lý	Ý Nghĩa	Điều kiện gọi	Ghi chú
1	Chỉnh sửa tên chính sách	Chỉnh sửa tên chính sách	Khi người dùng nhấn vào tên	
2	Chỉnh sửa số đơn giao ít nhất	Chỉnh sửa số đơn giao thành công ít nhất của chính sách	Khi người dùng nhấn vào số đơn giao ít nhất	

3	Chỉnh sửa số đơn giao tối đa	Chỉnh sửa số đơn giao thành công tối đa của chính sách	Khi người dùng nhấn vào số đơn giao tối đa	
4	Chỉnh sửa phần trăm	Chỉnh sửa phần trăm hoa hồng của chính sách	Khi người dùng nhấn vào phần trăm	
5	Chỉnh sửa nội dung	Chỉnh sửa nội dung của chính sách	Khi người dùng nhấn vào nội dung	
6	Cập nhật	Cập nhật chính sách sau khi chỉnh sửa	Khi người dùng nhấn vào nút “Update”	

Bảng 81. Danh sách xử lý màn hình chỉnh sửa chính sách

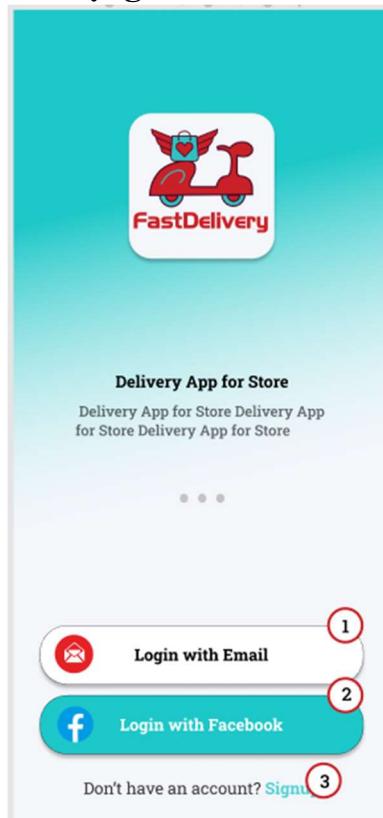
### 2.2.1.28. Màn hình tạo mới chính sách

STT	Tên xử lý	Ý Nghĩa	Điều kiện gọi	Ghi chú
1	Điền tên chính sách	Điền tên chính sách		
2	Điền số đơn giao ít nhất	Điền số đơn giao thành công ít nhất của chính sách		
3	Điền số đơn giao tối đa	Điền số đơn giao thành công tối đa của chính sách		
4	Điền phần trăm	Điền phần trăm hoa hồng của chính sách		
5	Điền nội dung	Điền nội dung của chính sách		
6	Tạo mới	Tạo mới chính sách sau khi điền thông tin	Khi người dùng nhấn vào nút “Create”	

Bảng 82. Danh sách xử lý màn hình tạo mới chính sách

## 2.2.2. Cửa hàng

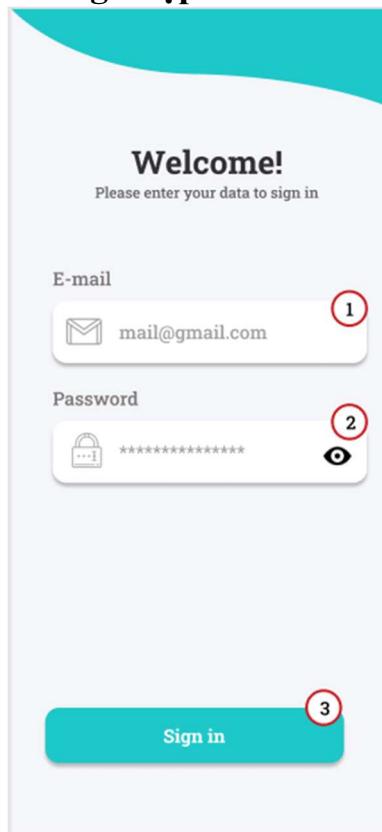
### 2.2.2.1. Màn hình khởi động



STT	Tên xử lí	Ý Nghĩa	Điều kiện gọi	Ghi chú
1	Đăng nhập với Email	Đăng nhập vào hệ thống với email đã đăng ký	Người dùng bấm vào nút đăng nhập với email	
2	Đăng nhập với FaceBook	Đăng nhập vào hệ thống với tài khoản FaceBook đã đăng ký	Người dùng bấm vào nút đăng nhập với Facebook	
3	Tạo tài khoản	Tạo tài khoản của hàng mới	Người dùng bấm vào chữ Sign Up	

Bảng 83.Danh sách xử lý màn hình khởi động ứng dụng FastDelivery Store

#### 2.2.2.2. Màn hình đăng nhập



STT	Tên xử lí	Ý Nghĩa	Điều kiện gọi	Ghi chú
1	Điền tên đăng nhập (địa chỉ mail)	Điền tên đăng nhập tài khoản		
2	Điền mật khẩu tài khoản	Điền mật khẩu của tài khoản		
3	Đăng nhập	Tiến hành đăng nhập vào hệ thống	Người dùng bấm vào chữ Sign In	

Bảng 84.Danh sách xử lý màn hình đăng nhập

### 2.2.2.3. Màn hình đăng ký tài khoản

**Let's Get Start!**  
Sign up and we will continue

E-mail mail@gmail.com 1

Password \*\*\*\*\* 2

Confirm password \*\*\*\*\* 3

Continue 4

**Let's Get Start!**  
Sign up and we will continue

Name Store mail@gmail.com 5

Phone Number Username123123 6

District District 7

Ward Ward 8

Note Address Dien Bien Phu 9

Continue 10

**Let's Get Start!**  
Sign up and we will continue

Bank Account Name mail@gmail.com 11

Bank Account Number Username123123 12

Bank Name Bank Name 13

Branch Branch 14

Create 15

STT	Tên xử lí	Ý Nghĩa	Điều kiện gọi	Ghi chú
1	Điền địa chỉ Email	Điền địa chỉ email cho tài khoản		
2	Điền password	Điền mật khẩu của tài khoản		
3	Điền tiếp password lần nữa	Xác nhận mật khẩu của tài khoản		
4	Tiếp tục đến màn hình tiếp theo	Chuyển đến màn hình tiếp theo để đăng ký tài khoản	Khi người dùng nhấn vào nút Continue	
5	Điền tên cửa hàng	Điền tên của cửa hàng		
6	Điền số điện thoại cửa hàng	Điền số điện thoại của cửa hàng		
7	Chọn quận	Chọn quận thuộc địa chỉ cửa hàng		

8	Chọn phường	Chọn phường thuộc địa chỉ cửa hàng		
9	Ghi chú địa chỉ cửa hàng	Điền ghi chú cho địa chỉ cửa hàng		
10	Tiếp tục đến màn hình tiếp theo	Chuyển đến màn hình tiếp theo để đăng ký tài khoản	Khi người dùng nhấn vào nút Continue	
11	Điền tên tài khoản ngân hàng	Điền tên tài khoản ngân hàng của cửa hàng		
12	Điền số tài khoản ngân hàng	Điền số tài khoản ngân hàng của cửa hàng		
13	Chọn tên ngân hàng	Chọn tên ngân hàng cửa hàng đăng ký tài khoản ngân hàng		
14	Điền chi nhánh ngân hàng	Điền chi nhánh ngân hàng cửa hàng đăng ký tài khoản		
15	Tạo tài khoản	Tạo tài khoản cửa hàng mới	Khi người dùng nhấn vào nút Create	

Bảng 85. Danh sách xử lý màn hình đăng ký tài khoản

#### 2.2.2.4. Màn hình quản lý dòng tiền

**Cash flow management**

**Statistic Delivered**  
Cash flow control of completed orders

This month 01/05/2021-31/05/2021 (1)

COD money 500.000 VNĐ (2)

Standard Fee 500.000 VNĐ

SurCharge 500.000 VNĐ

Commission 500.000 VNĐ

Fee Change Address Delivery 500.000 VNĐ

Fee Return 500.000 VNĐ

Total Fee 500.000 VNĐ

**Cash flow management**

**Statistic Delivering**  
Control cash flow of on-going orders

This month 01/05/2021-31/05/2021 (3)

COD money 500.000 VNĐ (4)

Standard Fee 500.000 VNĐ

SurCharge 500.000 VNĐ

Commission 500.000 VNĐ

Fee Change Address Delivery 500.000 VNĐ

Fee Return 500.000 VNĐ

Total Fee 500.000 VNĐ

STT	Tên xử lý	Ý Nghĩa	Điều kiện gọi	Ghi chú
1	Hiển thị tháng hiện tại	Hiển thị tháng hiện tại		
2	Hiển thị thông tin dòng tiền từ đơn giao thành công	Hiển thị dòng tiền từ các đơn đã giao thành công trong tháng hiện tại		
3	Hiển thị tháng hiện tại	Hiển thị tháng hiện tại		
4	Hiển thị thông tin dòng tiền từ đơn đang giao	Hiển thị dòng tiền từ các đơn đang giao trong tháng hiện tại		

Bảng 86. Danh sách xử lý màn hình quản lý dòng tiền

### 2.2.2.5. Màn hình danh sách đơn hàng(Màn hình chính)



STT	Tên xử lý	Ý Nghĩa	Điều kiện gọi	Ghi chú
1	Hiển thị thông tin đơn hàng	Hiển thị thông tin chi tiết đơn hàng		
2	Danh sách đơn hàng	Chuyển đến màn hình danh sách đơn hàng	Khi người dùng nhấn vào nút danh sách	
3	Quản lý dòng tiền	Chuyển đến màn hình quản lý dòng tiền	Khi người dùng nhấn vào nút quản lý dòng tiền	
4	Tạo đơn hàng mới	Chuyển đến màn hình tạo đơn hàng mới	Khi người dùng nhấn vào nút tạo đơn hàng mới	
5	Xem chính sách hoa hồng	Xem các chính sách hoa hồng hiện có và chính sách hoa hồng cửa hàng đang thụ hưởng	Khi người dùng nhấn vào nút xem chính sách hoa hồng	
6	Xem thông tin cửa hàng	Xem thông tin đã đăng ký của cửa hàng	Khi người dùng nhấn vào nút xem thông tin cửa hàng	

Bảng 87. Danh sách xử lý màn hình danh sách đơn hàng

### 2.2.2.6. Màn hình tạo đơn hàng mới

**Information of order**

Order Name 1

Weight 2

Money 3

Note 4

**Continue** 5

**Information of receiver**

Receiver Name 6

Receiver Phone Number 7

Receiver District 8

Receiver ward 9

Receiver note address 10

**Continue** 11

**Delivery Method**

Delivery Method 12

Fee Delivery 13

Sur Charge 14

Commission 15

Total Fee Delivery 16

**Create** 17

STT	Tên xử lí	Ý Nghĩa	Điều kiện gọi	Ghi chú
1	Điền địa chỉ tên đơn hàng	Điền tên đơn hàng		
2	Điền cân nặng đơn hàng	Điền cân nặng của đơn hàng		
3	Điền tiền đơn hàng	Điền tiền(tiền COD) của đơn hàng		
4	Điền ghi chú đơn hàng	Điền ghi chú của đơn hàng		
5	Tiếp tục đến màn hình tiếp theo	Chuyển đến màn hình tiếp theo để tạo đơn hàng mới	Khi người dùng nhấn vào nút Continue	
6	Điền tên người nhận	Điền tên của người nhận đơn hàng		
7	Điền số điện thoại người nhận	Điền số điện thoại của người nhận đơn hàng		

8	Chọn quận người nhận	Chọn quận thuộc địa chỉ hiện tại của người nhận		
9	Chọn phường người nhận	Chọn phường thuộc địa chỉ hiện tại của người nhận		
10	Điền ghi chú địa chỉ người nhận	Điền ghi chú địa chỉ của người nhận đơn hàng		
11	Tiếp tục đến màn hình tiếp theo	Chuyển đến màn hình tiếp theo để tạo đơn hàng mới	Khi người dùng nhấn vào nút Continue	
12	Chọn phương thức giao hàng	Chọn phương thức giao hàng cho đơn hàng		
13	Phí giao hàng	Hiển thị chi phí giao hàng sau khi chọn phương thức giao		
14	Phí tiêu chuẩn	Hiển thị phí tiêu chuẩn sau khi chọn phương thức giao		
15	Tiền phí hoa hồng	Hiển thị phí hoa hồng sau khi chọn phương thức giao hàng		
16	Tổng chi phí giao hàng	Hiển thị tổng chi phí giao hàng sau khi chọn phương thức giao hàng		
17	Tạo đơn hàng	Tạo đơn hàng mới	Khi người dùng nhấn nút Create	

Bảng 88. Danh sách xử lý màn hình tạo đơn hàng mới

### 2.2.2.7. Màn hình chi tiết đơn hàng



STT	Tên xử lý	Ý Nghĩa	Điều kiện gọi	Ghi chú
1	Hình đơn hàng	Hình của đơn hàng		
2	Chỉnh sửa đơn hàng	Chỉnh sửa thông tin của đơn hàng	Người dùng bấm vào biểu tượng chỉnh sửa	
3	Hiển thị trạng thái đơn hàng	Hiển thị danh sách trạng thái đơn hàng		
4	Hiển thị thông tin đơn hàng	Hiển thị thông tin của đơn hàng		

Bảng 89. Danh sách xử lý màn hình chi tiết đơn hàng

### 2.2.2.8. Màn hình chỉnh sửa đơn hàng

**Edit Order**

1 IMAGE

Information of order

Name Order (2)

Weight (3)

Money (4)

Note (5)

Information of receiver

Name (6)

Phone number (7)

District (8)

Ward (9)

Receiver Note Address (10)

Delivery Method

Delivery Method (11)

Total Price (12)

13 Update

STT	Tên xử lí	Ý Nghĩa	Điều kiện gọi	Ghi chú
1	Chỉnh sửa ảnh đơn hàng	Chỉnh sửa ảnh của đơn hàng		
2	Chỉnh sửa tên đơn hàng	Chỉnh sửa tên đơn hàng		

3	Chỉnh sửa nặng đơn hàng	Chỉnh sửa nặng của đơn hàng		
4	Chỉnh sửa tiền đơn hàng	Chỉnh sửa tiền(tiền COD) của đơn hàng		
5	Chỉnh sửa ghi chú đơn hàng	Điền ghi chú của đơn hàng		
6	Chỉnh sửa tên người nhận	Chỉnh sửa tên của người nhận đơn hàng		
7	Chỉnh sửa số điện thoại người nhận	Chỉnh sửa số điện thoại của người nhận đơn hàng		
8	Chỉnh sửa quận người nhận	Chỉnh sửa quận thuộc địa chỉ hiện tại của người nhận		
9	Chỉnh sửa phường người nhận	Chỉnh sửa phường thuộc địa chỉ hiện tại của người nhận		
10	Chỉnh sửa ghi chú địa chỉ người nhận	Chỉnh sửa ghi chú địa chỉ của người nhận đơn hàng		
11	Chỉnh sửa phương thức giao hàng	Chỉnh sửa phương thức giao hàng cho đơn hàng		
12	Phí giao hàng	Hiển thị chi phí giao hàng sau khi chọn phương thức giao		
13	Phí tiêu chuẩn	Hiển thị phí tiêu chuẩn sau khi chọn phương thức giao		
14	Tiền phí hoa hồng	Hiển thị phí hoa hồng sau khi chọn phương thức giao hàng		
15	Tổng chi phí giao hàng	Hiển thị tổng chi phí giao hàng sau khi chọn phương thức giao hàng		
16	Cập nhật	Cập nhật thông tin mới của đơn hàng	Khi người dùng nhấn nút Update	

Bảng 90. Danh sách xử lý màn hình chỉnh sửa đơn hàng

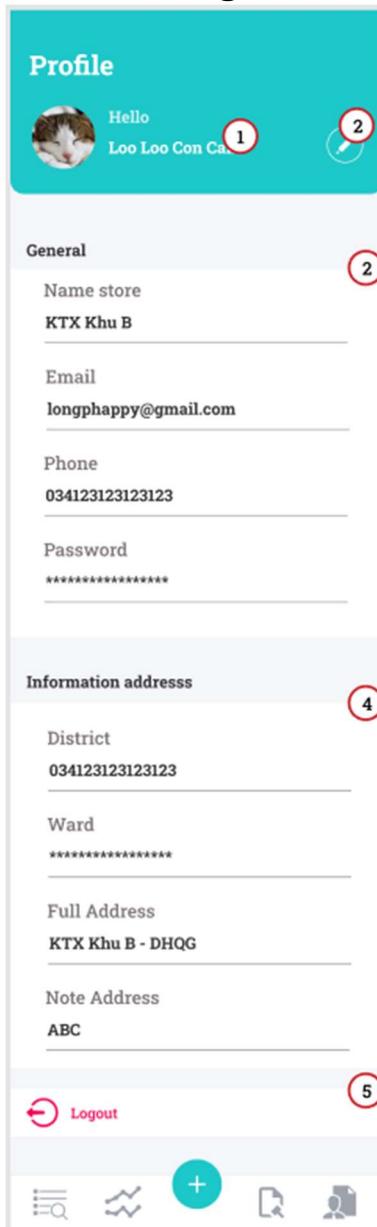
### 2.2.2.9. Màn hình chính sách hoa hồng



STT	Tên xử lý	Ý Nghĩa	Điều kiện gọi	Ghi chú
1	Hiển thị phần trăm chính sách hoa hồng	Hiển thị phần trăm chính sách mà cửa hàng thu hưởng		
2	Hiển thị tên chính sách hoa hồng	Hiển thị tên chính sách mà cửa hàng thu hưởng		
3	Hiển thị thông tin chính sách hoa hồng	Hiển thị chi tiết thông tin danh sách chính sách hoa hồng của hệ thống		

Bảng 91. Danh sách xử lý màn hình chính sách hoa hồng

### 2.2.2.10. Màn hình chi tiết thông tin cửa hàng

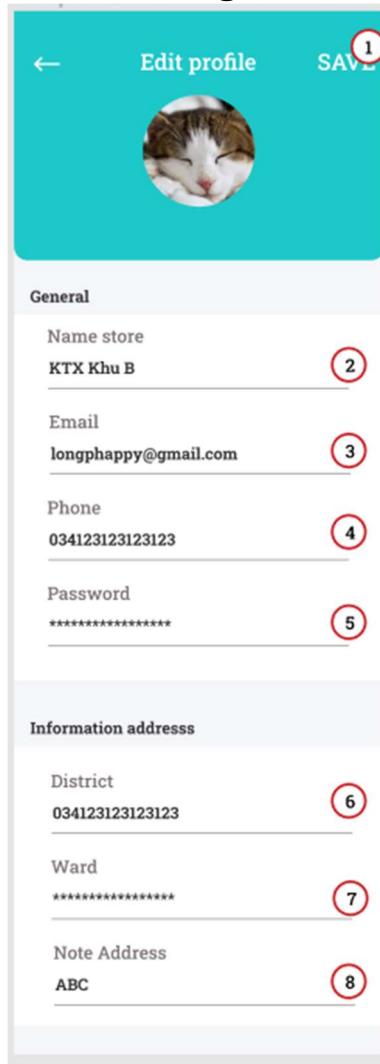


STT	Tên xử lí	Ý Nghĩa	Điều kiện gọi	Ghi chú
1	Hiển thị tên cửa hàng	Hiển thị tên cửa hàng		
2	Chỉnh sửa thông tin cá nhân	Chuyển đến màn hình chỉnh sửa thông tin cá nhân		
3	Hiển thị thông tin cơ bản	Hiển thị thông tin cơ bản của cửa hàng		

4	Hiển thị thông tin địa chỉ	Hiển thị thông tin địa chi của cửa hàng		
---	-------------------------------	--	--	--

Bảng 92. Danh sách xử lý màn hình chi tiết thông tin cửa hàng

### 2.2.2.11. Màn hình chỉnh sửa thông tin cửa hàng



STT	Tên xử lý	Ý Nghĩa	Điều kiện gọi	Ghi chú
1	Lưu chỉnh sửa	Lưu lại thông tin sau khi chỉnh sửa và cập nhật lên hệ thống		
2	Chỉnh sửa tên cửa hàng	Chỉnh sửa tên cửa hàng		
3	Chỉnh sửa số điện thoại cửa hàng	Chỉnh sửa số điện thoại cửa hàng		
4	Chỉnh sửa địa chỉ email cửa hàng	Chỉnh sửa địa chỉ email cửa hàng		

5	Chỉnh sửa password cửa hàng	Chỉnh sửa password của cửa hàng		
6	Chỉnh sửa địa chỉ quận cửa hàng	Chỉnh sửa địa chỉ quận của cửa hàng		
7	Chỉnh sửa địa chỉ phường cửa hàng	Chỉnh sửa địa chỉ phường của cửa hàng		
	Chỉnh sửa ghi chú địa chỉ cửa hàng	Chỉnh sửa ghi chú địa chỉ cửa hàng		

Bảng 93. Danh sách xử lý màn hình sửa thông tin cửa hàng

### 2.2.3. Nhân viên vận chuyển

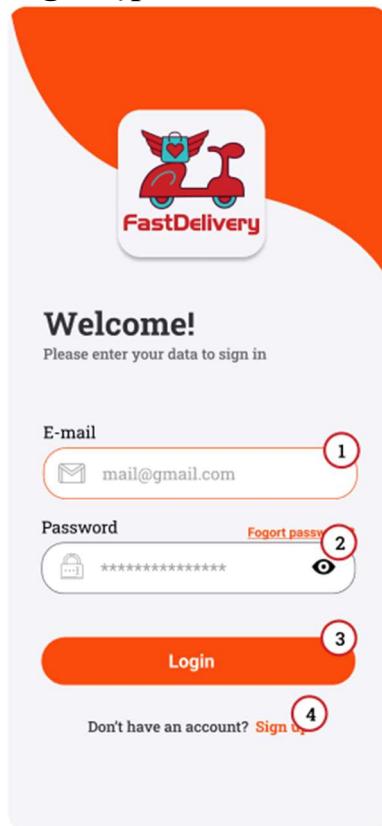
#### 2.2.3.1. Màn hình khởi động



STT	Tên xử lí	Ý Nghĩa	Điều kiện gọi	Ghi chú
1	Bắt đầu	Chuyển sang màn hình đăng nhập để sử dụng hệ thống	Người dùng bấm vào nút “Get started”	

Bảng 94. Danh sách xử lý màn hình khởi động

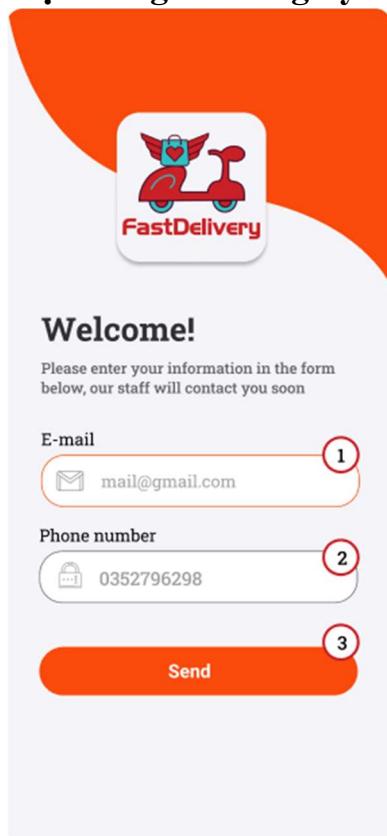
### 2.2.3.2. Màn hình đăng nhập



STT	Tên xử lý	Ý Nghĩa	Điều kiện gọi	Ghi chú
1	Điền tên đăng nhập (địa chỉ mail)	Điền tên đăng nhập tài khoản	Người dùng nhấn vào (1)	
2	Điền mật khẩu tài khoản	Điền mật khẩu của tài khoản	Người dùng nhấn vào (2)	
3	Đăng nhập	Tiến hành đăng nhập vào hệ thống	Người dùng bấm vào chữ Login	
4	Đăng ký	Để lại thông tin, nhân viên quản lý sẽ liên hệ bạn để tạo tài khoản	Người dùng nhấn vào "Sign up"	

Bảng 95. Danh sách xử lý màn hình đăng nhập

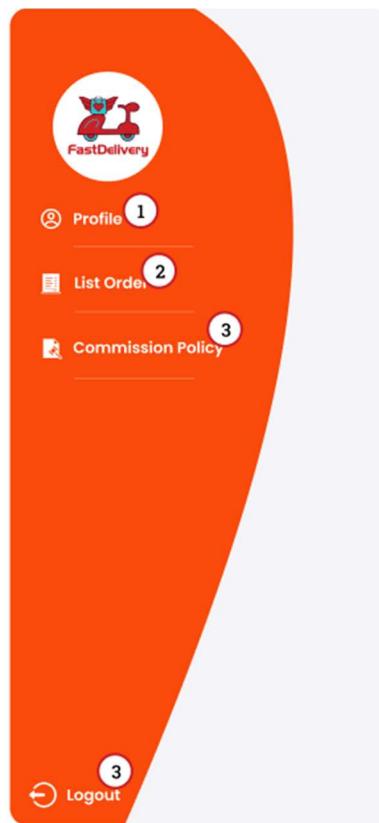
### 2.2.3.3. Màn hình để lại thông tin đăng ký



STT	Tên xử lý	Ý Nghĩa	Điều kiện gọi	Ghi chú
1	Điền địa chỉ email	Điền địa chỉ email	Người dùng nhấn vào (1)	
2	Điền số điện thoại	Điền số điện thoại	Người dùng nhấn vào (2)	
3	Gởi	Tiến hành gởi thông tin đã nhập lên hệ thống	Người dùng nhấn vào nút “Send”	

Bảng 96. Danh sách xử lý màn hình để lại thông tin đăng ký

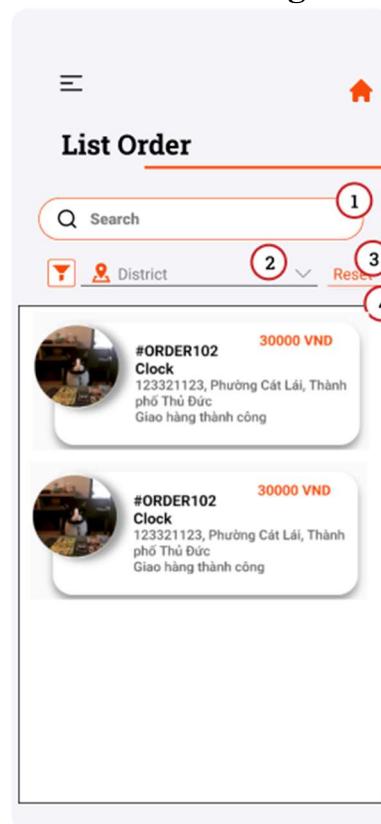
#### 2.2.3.4. Màn hình Menu



STT	Tên xử lý	Ý Nghĩa	Điều kiện gọi	Ghi chú
1	Profile	Chuyển đến màn hình thông tin chi tiết người dùng	Người dùng nhấn vào nút “Profile”	
2	List Order	Chuyển đến màn hình danh sách đơn hàng	Người dùng nhấn vào nút “List Order”	
3	Commission Policy	Chuyển đến màn hình chính sách hoa hồng	Người dùng nhấn vào nút “Commission Policy”	
4	Đăng xuất	Đăng xuất ra khỏi hệ thống	Người dùng nhấn vào nút “Log out”	

Bảng 97. Danh sách xử lý màn hình Menu

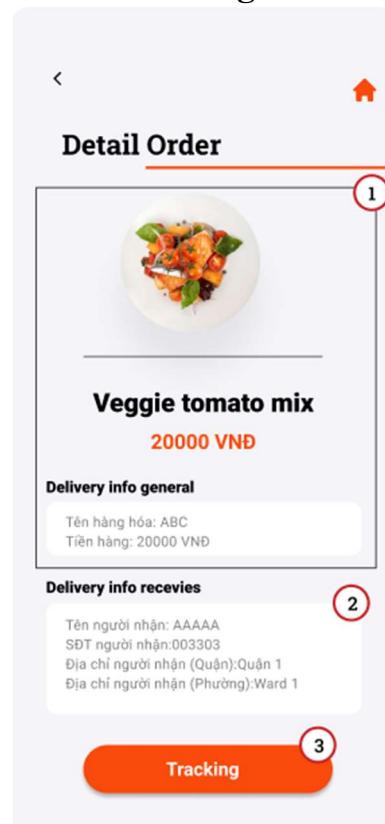
### 2.2.3.5. Màn hình danh sách đơn hàng



STT	Tên xử lý	Ý Nghĩa	Điều kiện gọi	Ghi chú
1	Điền thông tin cần tìm	Tìm kiếm đơn hàng trong danh sách đơn hàng cần giao	Người dùng nhấn vào “1”	
2	Chọn quận	Tìm kiếm theo thông tin quận giao	Người dùng nhấn vào Combobox “District”	Hệ thống tự động Load danh sách quận
3	Reset	Làm mới lại bộ lọc về mặt định	Người dùng nhấn vào nút “Reset”	
4	Danh sách đơn hàng	Hiển thị danh sách đơn hàng cần giao		Tự động Load

Bảng 98. Danh sách xử lý màn hình danh sách đơn hàng

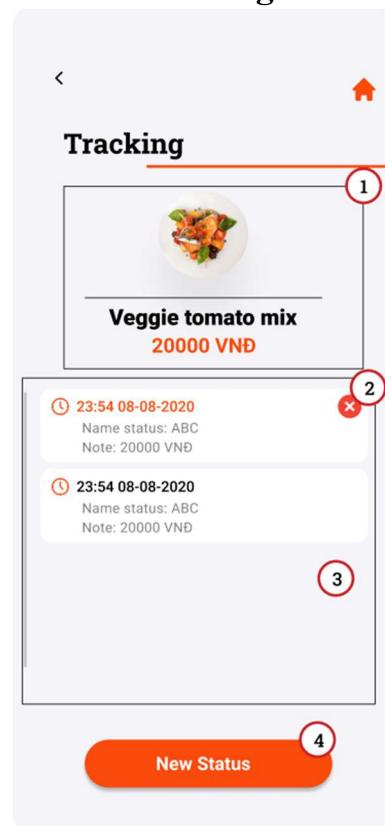
### 2.2.3.6. Màn hình chi tiết đơn hàng



STT	Tên xử lý	Ý Nghĩa	Điều kiện gọi	Ghi chú
1	Hiển thị thông tin đơn hàng	Hiển thị thông tin cơ bản đơn hàng	Hệ thống tự động Load thông tin đơn hàng	
2	Hiển thị thông tin người nhận đơn hàng	Hiển thị thông tin người nhận đơn hàng	Hệ thống tự động Load thông tin đơn hàng	
3	Tracking	Chuyển sang màn hình theo dõi đơn hàng	Người dùng nhấn vào nút “Tracking”	

Bảng 99. Danh sách xử lý màn hình chi tiết đơn hàng

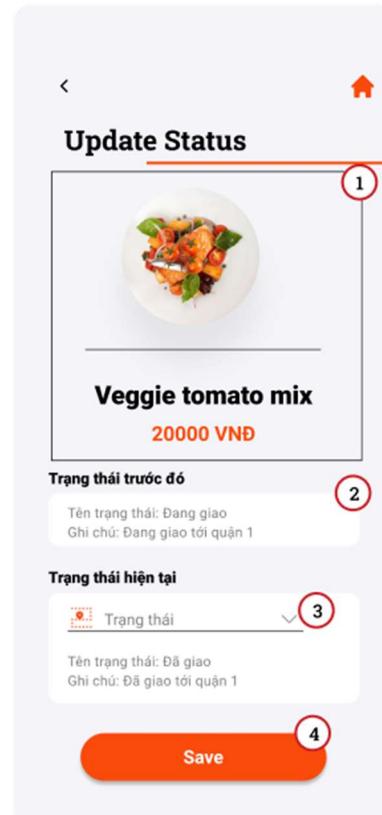
### 2.2.3.7. Màn hình theo dõi đơn hàng



STT	Tên xử lý	Ý Nghĩa	Điều kiện gọi	Ghi chú
1	Hiển thị thông tin đơn hàng	Hiển thị thông tin cơ bản đơn hàng	Không có	Tự động Load
2	Xóa trạng thái gần nhất	Xóa trạng thái gần nhất của đơn hàng, trách trường hợp cập nhật nhầm trạng thái	Người dùng nhấn vào dấu “x”	
2	Hiển thị thông tin danh sách các trạng thái của đơn hàng	Hiển thị thông tin danh sách các trạng thái của đơn hàng	Không có	Tự động Load
4	Thêm trạng thái	Chuyển sang màn hình cập nhật trạng thái đơn hàng	Người dùng nhấn vào nút “New Status”	

Bảng 100. Danh sách xử lý màn hình theo dõi đơn hàng

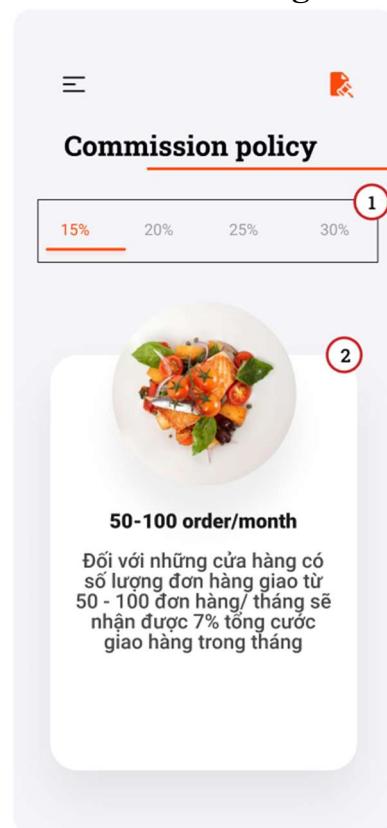
### 2.2.3.8. Màn hình cập nhật trạng thái đơn hàng



STT	Tên xử lý	Ý Nghĩa	Điều kiện gọi	Ghi chú
1	Hiển thị thông tin đơn hàng	Hiển thị thông tin cơ bản đơn hàng	Không có	Tự động Load
2	Hiển thị thông tin trạng thái trước đó của đơn hàng	Hiển thị thông tin trạng thái trước đó của đơn hàng	Không có	Tự động Load
3	Chọn trạng thái hiện tại	Chọn trạng thái của đơn hàng	Người dùng nhấn vào Combobox “3”	Tự động Load danh sách trạng thái tiếp theo
4	Lưu	Lưu lại thông tin trạng thái hiện tại	Người dùng nhấn vào nút “Lưu”	

Bảng 101. Danh sách xử lý màn hình cập nhật trạng thái đơn hàng

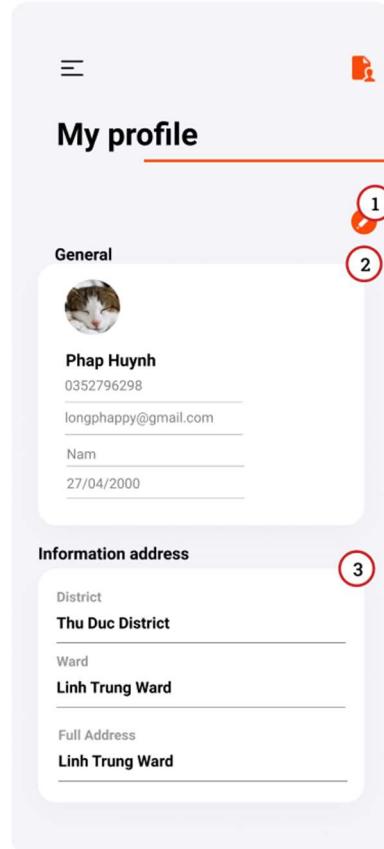
### 2.2.3.9. Màn hình chính sách hoa hồng



STT	Tên xử lí	Ý Nghĩa	Điều kiện gọi	Ghi chú
1	Hiển thị danh sách chính sách hoa hồng	Hiển thị danh sách chính sách hoa hồng	Không có	Tự động Load
2	Hiển thị chi tiết chính sách hoa hồng	Hiển thị chi tiết chính sách hoa hồng	Không có	Tự động Load

Bảng 102. Danh sách xử lý màn hình chính sách hoa hồng

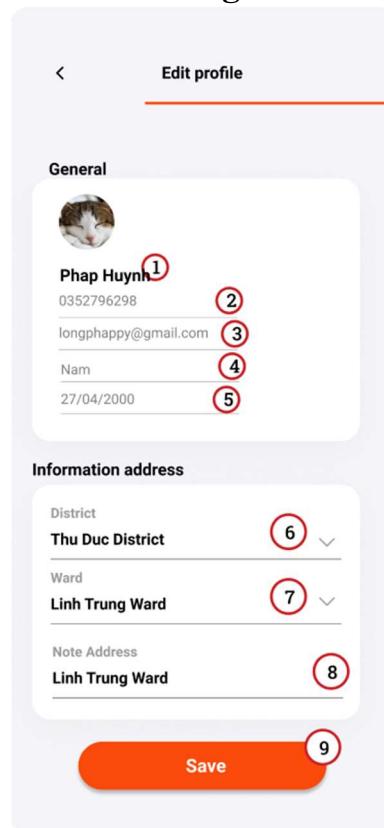
### 2.2.3.10. Màn hình chi tiết thông tin cá nhân



STT	Tên xử lý	Ý Nghĩa	Điều kiện gọi	Ghi chú
1	Chỉnh sửa thông tin cá nhân	Chuyển sang màn hình “Chỉnh sửa thông tin cá nhân”	Nhấn vào nút “1”	
2	Hiển thị thông tin cơ bảng người dùng	Hiển thị thông tin cơ bảng người dùng	Không có	Tự động Load
3	Hiển thị thông tin địa chỉ người dùng	Hiển thị thông tin địa chỉ người dùng	Không có	Tự động Load

Bảng 103. Danh sách xử lý màn hình chi tiết thông tin cá nhân

### 2.2.3.11. Màn hình chỉnh sửa thông tin cá nhân



STT	Tên xử lý	Ý Nghĩa	Điều kiện gọi	Ghi chú
1	Điền họ và tên	Điền họ tên mới	Nhấn vào “1”	
2	Điền số điện thoại	Điền số điện thoại mới	Nhấn vào “2”	
3	Điền địa chỉ email	Điền địa chỉ email mới	Nhấn vào “3”	
4	Chọn giới tính	Chọn giới tính mới	Nhấn vào “4”	
5	Chọn ngày sinh	Chọn ngày sinh mới	Nhấn vào “5”	
6	Chọn quận	Chọn quận đang lưu trú	Nhấn vào “6”	
7	Chọn phường	Chọn phường đang lưu trú	Nhấn vào “7”	
8	Điền ghi chú thông tin địa chỉ	Chi tiết địa chỉ (số nhà, đường,...)	Nhấn vào “8”	
9	Lưu	Lưu thông tin đã thay đổi	Nhấn vào nút “Save”	

Bảng 104. Danh sách xử lý màn hình chỉnh sửa thông tin cá nhân

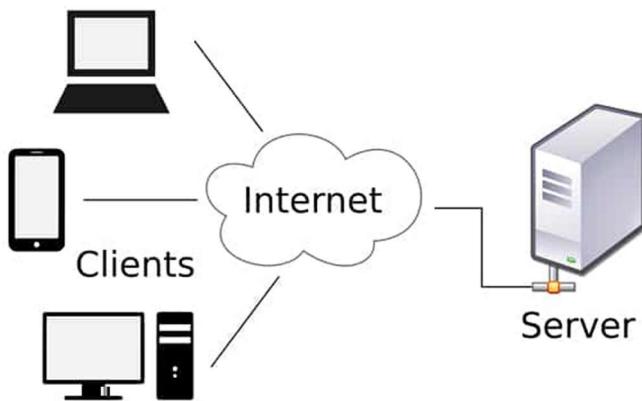
### 3. Thiết kế kiến trúc

#### 3.1. Công nghệ sử dụng

- ⊕ FrontEnd: Flutter: Xây dựng giao diện người dùng.
- ⊕ BackEnd:
  - NodeJS, ExpressJS: Xây dựng Server, cung cấp các API cho Client.
  - MongoDB: Lưu trữ dữ liệu.

#### 3.2. Mô hình kiến trúc hệ thống

- ⊕ Phần mềm được xây dựng theo mô hình client-server:



- ⊕ Các thành phần

Client hay chính là những máy khách, máy trạm – là nơi thực hiện gửi yêu cầu đến server. Nó tổ chức giao tiếp với người dùng, server và môi trường bên ngoài tại trạm làm việc. Client tiếp nhận yêu cầu của người dùng và sau đó thành lập các API để gửi đến server. Khi nhận được kết quả từ server, client sẽ tổ chức và hiển thị những kết quả đó.

Server sẽ xử lý yêu cầu gửi đến từ client. Sau khi server xử lý xong, nó sẽ gửi trả lại kết quả, client có thể tiếp tục xử lý các kết quả này để phục vụ người dùng.

# Chương 4: Kết luận

## 1. Kết quả đạt được

Sau thời gian tìm hiểu và tiến hành thực hiện đề tài. Nhóm chúng em đã đạt được một số kết quả sau:

### 1.1. Công nghệ

- Có kiến thức cơ bản về ngôn ngữ Dart
- Sử dụng mobile UI framework Flutter để xây dựng giao diện người dùng đa nền tảng (Android & IOS)
- Có kiến thức cơ bản về ngôn ngữ JavaScript
- Biết cách sử dụng Node và framework Express để xây dựng các API cho ứng dụng.
- Deploy được Web Server lên VPS Azure.

### 1.2. Sản phẩm

- Tạo được một sản phẩm tương đối hoàn chỉnh gồm
  - Fast Delivery Manager - Ứng dụng dành cho người quản lý
  - Fast Delivery Store - Ứng dụng dành cho cửa hàng
  - Fast Delivery Staff - Ứng dụng dành cho nhân viên vận chuyển
- Giao diện thân thiện với người dùng, dễ dàng thao tác với hệ thống
- Chức năng tương đối đầy đủ dành cho hệ thống giao hàng.

## 2. Những hạn chế và khó khăn

- ✚ Đề tài hệ thống giao hàng là một đề tài không quá khó nhưng tương đối rộng và nhiều chức năng, do đó một số chức năng chỉ dừng lại ở mức độ tương đối hoàn thiện.
- ✚ Giao diện dễ dàng thao tác với hệ thống song vẫn chưa được bắt mắt, thiếu một số animation để mang đến trải nghiệm tốt nhất cho người dùng
- ✚ Flutter – Node – Express là những công nghệ mới đối với nhóm phát triển, kiến thức về công nghệ thiếu hụt ảnh hưởng đến tốc độ phát triển cũng như gặp tương đối nhiều lỗi trong quá trình xây dựng hệ thống.

### **3. Hướng phát triển**

- Đưa ứng dụng Fast Delivery Manager dành cho người quản lý lên website để thuận tiện hơn trong việc quản lý và phân công đơn hàng.
- Tiếp tục phát triển giao diện cũng như các vấn đề liên quan đến chức năng ứng dụng Fast Delivery Store, Fast Delivery Staff.
- Phát triển chức năng theo dõi đơn hàng lên website để thuận tiện cho người nhận hàng theo dõi đơn hàng của họ.
- Cập nhật thêm các trạng thái đơn hàng trong quá trình giao nhận.

# Chương 5: Tài liệu tham khảo

## Tài liệu tham khảo:

- ❖ Nghiệp vụ giao hàng
  - ❖ Giao hàng nhanh: <https://ghn.vn/pages/dich-vu-giao-hang>
  - ❖ Giao hàng tiết kiệm: <https://giaohangtietkiem.vn/>
- ❖ Ứng dụng giao hàng dành cho cửa hàng:
  - ❖ Giao hàng tiết kiệm:  
<https://play.google.com/store/apps/details?id=com.EComJSC.EComShop&hl=en&gl=US>
  - ❖ Giao hàng nhanh:  
<https://play.google.com/store/apps/details?id=vn.ghn.app.giaohangnhanh&hl=en&gl=US>